

Tài Liệu Trắc Nghiệm Giải Bài Tập Kinh Tế Vi Mô (Có Bài Mẫu)

PHẦN I: CÁC QUY LUẬT LÝ THUYẾT CHÍNH & TRẮC NGHIỆM

1. Khái niệm nền tảng & 10 Nguyên lý Kinh tế học

- **Thực chứng và Chuẩn tắc:**
 - *Thực chứng:* Mô tả thực tế khách quan, giải thích sự việc "là gì" (Ví dụ: Cách thức chi tiêu để tối đa thỏa mãn là Vi vĩ mô, mang tính thực chứng).
 - *Chuẩn tắc:* Mang tính chủ quan, dựa trên quan điểm cá nhân và đưa ra lời khuyên "nên làm gì" (Ví dụ: Giải pháp đối phó suy thoái kinh tế, hay việc chính phủ nên giảm thuế).
- **Đường giới hạn khả năng sản xuất (PPF):**
 - Dùng để minh họa sự khan hiếm, chi phí cơ hội và quy luật chi phí cơ hội tăng dần.
 - **BÃY:** Đường PPF không thể dùng để giải thích quan hệ Cung - Cầu trên thị trường. Một điểm nằm bên trong đường PPF thể hiện phương án sản xuất khả thi nhưng không hiệu quả (ví dụ như nền kinh tế đang có thất nghiệp).
- **Chi phí cơ hội & Lợi thế so sánh:**
 - *Chi phí cơ hội:* Là giá trị của phương án tốt nhất bị bỏ lỡ để đạt được lựa chọn hiện tại.
 - *Thương mại:* Xảy ra và mang lại lợi ích dựa trên **Lợi thế so sánh** (tức là có chi phí cơ hội thấp hơn), chứ không phụ thuộc vào lợi thế tuyệt đối. Khi trao đổi, cả hai quốc gia đều cùng có lợi.

2. Lý thuyết Cung - Cầu & Độ co giãn

- **BÃY dịch chuyển và Di chuyển (Trượt dọc):** Giá của bản thân hàng hóa thay đổi **chỉ** gây ra sự trượt dọc (di chuyển) trên đường Cung hoặc đường Cầu hiện tại. Ngược lại, các yếu tố ngoại sinh khác (thu nhập, giá hàng hóa liên quan, công nghệ...) thay đổi sẽ làm dịch chuyển toàn bộ đường Cung hoặc đường Cầu.
- **Hàng hóa thông thường và Hàng cấp thấp (Thứ cấp):**
 - Thu nhập tăng → Lượng cầu hàng hóa thông thường tăng (đường thu nhập - tiêu dùng dốc lên).
 - Thu nhập tăng → Lượng cầu hàng hóa cấp thấp giảm. Đối với hàng cấp thấp, tác động thay thế và tác động thu nhập luôn đi ngược chiều nhau.
- **Mối quan hệ giữa Độ co giãn và Tổng doanh thu (TR):**
 - *Cầu co giãn ít ($|E_d| < 1$):* Muốn tăng doanh thu, doanh nghiệp phải tăng giá bán (giảm sản lượng). Ví dụ điển hình là nông sản/bắp.
 - *Cầu co giãn nhiều ($|E_d| > 1$):* Giảm giá bán sẽ làm tổng doanh thu (hoặc tổng chi tiêu của người tiêu dùng) tăng lên. Hàng hóa xa xỉ thường rơi vào trường hợp này.
- **Hàng thay thế và Hàng bổ sung:**
 - Giá hàng Y tăng làm lượng cầu hàng X giảm → X và Y là hai hàng hóa **bổ sung** cho nhau.
 - Giá hàng Y tăng làm lượng cầu hàng X tăng → X và Y là hai hàng hóa **thay thế** cho nhau.

3. Lý thuyết Hành vi Người tiêu dùng & Nhà sản xuất

- **Điểm tiêu dùng tối ưu:** Đạt được khi độ dốc của đường ngân sách bằng độ dốc của đường đẳng ích (đường bàng quan). Công thức bắt buộc nhớ: $MRS_{XY} = P_X / P_Y$ hoặc $MU_X / P_X = MU_Y / P_Y$.

- **Đường đẳng ích (Bàng quan):** Thể hiện tất cả các phối hợp rở hàng hóa mang lại cùng một mức thỏa dụng cho người dùng. Đường đẳng ích luôn lồi về phía gốc tọa độ do quy luật tỷ lệ thay thế biên (MRS) giảm dần. Đường nằm cao hơn thể hiện mức hữu dụng lớn hơn.
- **Chi phí ẩn và Chi phí kế toán:** Chi phí ẩn là những cơ hội, lợi ích kinh tế bị bỏ lỡ mà không phải chi trả trực tiếp bằng tiền mặt (ví dụ: lãi suất ngân hàng mất đi, mức lương từ bỏ khi chuyển sang làm chủ). Chi phí kế toán là các khoản chi thực tế bằng tiền (thuê nhà, trả lương công nhân).
- **Quy mô tối ưu trong ngắn hạn và dài hạn:**
 - **Ngắn hạn:** Quy mô cố định, doanh nghiệp chỉ có thể thay đổi sản lượng bằng cách thay đổi yếu tố sản xuất biến đổi.
 - **Dài hạn:** Tất cả các yếu tố đều biến đổi. Đường chi phí trung bình dài hạn (LAC) có hình chữ U nhưng thoải hơn đường ngắn hạn. Sản lượng tối ưu nhất đạt tại điểm cực tiểu của đường chi phí trung bình (AC_{min}).

4. Bốn Cấu trúc Thị trường

Dưới đây là bảng tổng hợp so sánh các cấu trúc thị trường trọng tâm giúp phân biệt nhanh để giải câu hỏi trắc nghiệm:

Cấu trúc thị trường	Đặc điểm người bán & Sản phẩm	Quyết định giá & Đường Cầu	Cân bằng dài hạn	Điểm lưu ý / "Bẫy"
Cạnh tranh hoàn hảo	Rất nhiều doanh nghiệp nhỏ; sản phẩm đồng nhất	Chấp nhận giá hoàn toàn. Đường cầu nằm ngang ($P = MR = d$).	Lợi nhuận kinh tế bằng 0 ($P = LAC_{min}$).	Ngắn hạn đóng cửa khi $P < AVC_{min}$. Đường cung ngắn hạn là nhánh đường MC tính từ AVC_{min} trở lên.
Độc quyền hoàn toàn	Duy nhất một người bán; sản phẩm không có hàng thay thế gần gũi.	Người ấn định giá. Đường cầu dốc xuống. Doanh thu biên MR có hệ số góc gấp đôi đường Cầu.	Có thể duy trì lợi nhuận kinh tế dương nhờ rào cản gia nhập lớn.	Luôn hoạt động ở miền cầu co giãn ($ E_d > 1$). KHÔNG có đường cung. Gây tổn thất xã hội (DWL).
Cạnh tranh độc quyền	Nhiều doanh nghiệp; sản phẩm có tính khác biệt nhưng dễ thay thế. Tự do gia nhập.	Khả năng định giá hạn chế. Đường cầu dốc xuống nhưng co giãn nhiều hơn độc quyền.	Lợi nhuận kinh tế bằng 0 ($P = AC$).	Dù lợi nhuận dài hạn bằng 0 nhưng sản xuất tại mức chưa đạt AC cực tiểu, dẫn đến tình trạng dư thừa năng lực sản xuất.
Độc quyền nhóm	Một vài doanh nghiệp lớn chiếm thị phần chi phối. Hành động phụ thuộc lẫn nhau.	Có sức mạnh thị trường lớn. Có xu hướng giữ giá ổn định (Mô hình đường cầu gãy).	Duy trì lợi nhuận kinh tế nhờ rào cản gia nhập thị trường cao.	Cạnh tranh phi giá cả (quảng cáo, hậu mãi). Sự cấu kết (Cartel) dễ tan rã do lén lút gian lận (Thế tiến thoái lưỡng nan của người tù).

Bảng tổng hợp so sánh các cấu trúc thị trường

5. Sự can thiệp của Chính phủ

- **Kiểm soát giá:**
 - **Giá trần (Price Ceiling):** Quy định mức giá tối đa, nằm thấp hơn mức giá cân bằng thị trường → Gây ra sự thiếu

hút hàng hóa (tình trạng thiếu hụt trong dài hạn nghiêm trọng hơn ngắn hạn).

- **Giá sàn (Price Floor):** Quy định mức giá tối thiểu, nằm cao hơn mức giá cân bằng → Gây ra sự dư thừa (Ví dụ: chính sách lương tối thiểu gây ra thất nghiệp).
- **Chính sách Thuế và gánh nặng thuế:**
- Thuế làm giảm Thặng dư tiêu dùng (CS) và Thặng dư sản xuất (PS). Tổng phần sụt giảm lớn hơn phần doanh thu thuế mà Chính phủ thu được, phần chênh lệch mất đi chính là tổn thất vô ích (DWL).
- **BÃY gánh nặng thuế:** Bên nào có độ co giãn **kém hơn** (ít nhạy cảm với giá hơn, khó rời bỏ thị trường hơn) thì bên đó sẽ phải gánh chịu phần lớn tiền thuế, bất kể Chính phủ tuyên bố đánh thuế vào người bán hay người mua. (Ví dụ: Cầu co giãn nhiều hơn cung → Người bán chịu phần lớn thuế).
- **Thương mại quốc tế:**
- Giá thế giới > Giá nội địa → Quốc gia sẽ tiến hành **Xuất khẩu**.
- Giá thế giới < Giá nội địa → Quốc gia sẽ tiến hành **Nhập khẩu**.
- Việc đánh thuế quan hay áp đặt hạn ngạch nhập khẩu đều có xu hướng làm giảm lượng hàng nhập khẩu và làm tăng giá bán nội địa.

PHẦN II: CÁC DẠNG BÀI TẬP TÍNH TOÁN TRỌNG TÂM

Dạng 1: Phương trình Cung - Cầu, Cân bằng thị trường và Thuế

1. Tìm giá và lượng cân bằng:

Cho phương trình cầu Q_D và phương trình cung Q_S . Thị trường cân bằng khi:

$Q_D = Q_S$ (hoặc $P_D = P_S$) Giải phương trình bậc nhất này để xác định giá cân bằng P_0 và lượng cân bằng Q_0 .

2. Bài toán Chính phủ đánh thuế (t):

Bản chất: Thuế tạo ra một khoảng chênh lệch giữa giá người mua thực trả (P_B) và giá người bán thực nhận (P_S).

$P_B - P_S = t$ Cách biến đổi phương trình nhanh:

- Nếu phương trình cung cầu dạng $P = f(Q)$, khi đánh thuế vào người bán, hàm cung mới là: $P_{S(mới)} = P_S + t$.
- Nếu đánh vào người mua, hàm cầu mới là: $P_{D(mới)} = P_D - t$.
- Sau đó, cho hàm mới bằng hàm không đổi còn lại để giải tìm điểm cân bằng sau thuế ($P_{mới}, Q_{mới}$).

3. Tính Tổn thất vô ích (DWL):

$$DWL = \frac{1}{2} \times t \times (Q_{cũ} - Q_{mới})$$

4. Viết phương trình Cung/Cầu khi biết độ co giãn (E):

Dựa trên công thức gốc $E = a \times (P / Q)$ với a là hệ số góc của Q theo P ($a < 0$ với cầu, $a > 0$ với cung). Sau khi tính được hệ số góc a , thế tọa độ điểm (P, Q) vào phương trình $Q = aP + b$ để tìm hằng số b .

Dạng 2: Tính hệ số co giãn

- **Co giãn khoảng (Phương pháp trung điểm):** Sử dụng khi đề bài cho 2 mức giá và lượng rời rạc.

$$E = [(Q_2 - Q_1) / (Q_1 + Q_2)] \div [(P_2 - P_1) / (P_1 + P_2)]$$

- **Co giãn điểm:** Sử dụng khi đề bài cho phương trình cụ thể và một mức giá xác định.

$E_D = Q'(P) \times (P / Q)$ Lưu ý: $Q'(P)$ là đạo hàm của hàm lượng theo giá (chính là hệ số góc đứng trước biến P trong phương trình $Q = aP + b$).

- **Co giãn chéo (E_{XY}):** Đánh giá mối quan hệ hàng hóa.

$E_{XY} = \% \Delta Q_X / \% \Delta P_Y$ Nếu $E_{XY} > 0$: Hàng thay thế; Nếu $E_{XY} < 0$: Hàng bổ sung.

- **Co giãn theo thu nhập (E_I):**

$E_I = \% \Delta Q / \% \Delta I E_I > 1$: Hàng xa xỉ; $0 < E_I < 1$: Hàng thiết yếu; $E_I < 0$: Hàng cấp thấp.

Dạng 3: Tối ưu hóa hành vi người tiêu dùng

1. Phương trình đường ngân sách: $I = X \cdot P_X + Y \cdot P_Y$

2. Các bước tìm rổ hàng hóa tối ưu (Tối đa hóa tổng hữu dụng - TU):

Bước 1: Tính các hữu dụng biên bằng cách lấy đạo hàm riêng của hàm TU: $MU_X = TU'_X$ và $MU_Y = TU'_Y$.

Bước 2: Thiết lập và giải hệ phương trình tối ưu hóa:

(1) Điều kiện tối ưu: $MU_X / P_X = MU_Y / P_Y$ (hoặc $MRS_{XY} = P_X / P_Y$)

(2) Ràng buộc ngân sách: $X \cdot P_X + Y \cdot P_Y = I$

3. **Bước 3:** Giải hệ để tìm số lượng X, Y. Sau đó thế giá trị vào hàm tổng hữu dụng ban đầu để xác định mức TU_{max} .

Dạng 4: Tối ưu hóa chi phí sản xuất (Nhà sản xuất)

Dạng toán này có cấu trúc giải hoàn toàn tương đồng với lý thuyết người tiêu dùng:

1. Tìm phối hợp các yếu tố sản xuất (K, L) tối ưu:

Bước 1: Tính năng suất biên bằng cách lấy đạo hàm riêng của hàm sản xuất Q: $MP_K = Q'_K$ và $MP_L = Q'_L$.

Bước 2: Thiết lập hệ phương trình để giải:

(1) Điều kiện tối ưu: $MP_L / P_L = MP_K / P_K$

(2) Phương trình đẳng phí: $TC = L \cdot P_L + K \cdot P_K$

2. Tìm mức sản lượng để chi phí trung bình cực tiểu (Quy mô sản xuất tối ưu):

Cách 1: Cho chi phí biên bằng chi phí trung bình và giải phương trình: $MC = AC$.

Cách 2: Lấy đạo hàm bậc nhất của hàm chi phí trung bình AC theo Q, cho phương trình bằng 0 để giải tìm điểm cực tiểu: $AC'(Q) = 0$.

Dạng 5: Tối đa hóa lợi nhuận theo Cấu trúc thị trường

Nguyên lý chung áp dụng cho mọi cấu trúc thị trường: Lợi nhuận $\pi = TR - TC$ đạt cực đại khi:

$$MR = MC$$

- **Thị trường Cạnh tranh hoàn hảo:**

Do giá bán do thị trường quyết định hoàn toàn nên doanh thu biên $MR = P$.

- Để tối đa hóa lợi nhuận, giải phương trình: $P = MC$.
- Sản lượng cân bằng dài hạn của doanh nghiệp nằm tại điểm: $P = LAC_{min}$.
- Quyết định đóng cửa: Tìm điểm cực tiểu của AVC. Nếu $P < AVC(min)$ thì đóng cửa.

- **Thị trường Độc quyền hoàn toàn:**

- **Mẹo viết nhanh hàm MR:** Từ phương trình đường cầu tuyến tính dạng nghịch đảo $P = a - bQ$, suy ra ngay phương trình doanh thu biên có hệ số góc gấp đôi: $MR = a - 2bQ$.
- **Tối đa hóa lợi nhuận:** Giải hệ thức $MR = MC$ để xác định sản lượng độc quyền Q_M . Sau đó thế lượng Q_M ngược vào phương trình đường cầu để tìm giá bán độc quyền P_M .
- **Tối đa hóa tổng doanh thu (TR_{max}):** Giải phương trình $MR = 0$.
- **Định giá theo hệ số co giãn:** Sử dụng công thức mối quan hệ giữa doanh thu biên và độ co giãn cầu:

$MR = P \cdot [1 + (1 / E_d)]$. Khi biết E_d và MC, cho $MR=MC$ để tìm giá P.

- Độc quyền phân biệt giá trên nhiều thị trường độc lập: Giải hệ phương trình: $MR_1 = MR_2 = MC$.

Dạng 6: Tính Thặng dư Tiêu dùng (CS) và Sản xuất (PS)

- **Thặng dư tiêu dùng (CS):** Diện tích phần hình tam giác nằm phía dưới đường Cầu và phía trên mức giá thị trường.

$$CS = \frac{1}{2} \times (P_{\max} - P_{\text{thực tế}}) \times Q$$

Trong đó: $P_{\max}$ là mức giá chặn trên tại điểm đường cầu cắt trục tung (khi $Q = 0$).

- **Thặng dư sản xuất (PS):** Diện tích phần hình tam giác nằm phía trên đường Cung và phía dưới mức giá thị trường.

$$PS = \frac{1}{2} \times (P_{\text{thực tế}} - P_{\min}) \times Q \quad (\text{hoặc áp dụng } PS = TR - VC) \text{ Trong đó: } P_{\min} \text{ là mức giá chặn dưới tại điểm đường cung cắt trục tung (khi } Q = 0).$$

Dạng 7: Bài tập bảng chi phí, doanh thu và lợi nhuận

Dạng bài tập này yêu cầu tính toán điền số liệu và đưa ra quyết định sản xuất dựa trên mối quan hệ từ bảng số liệu có sẵn (thường đề bài cho cột sản lượng Q và tổng chi phí TC).

- **Các công thức "chìa khóa" để giải mã bảng số liệu:**

- **Bước 1: Tìm Chi phí cố định (FC):** Nhìn vào dòng/cột có sản lượng $Q = 0$. Khi đó, mức chi phí tương ứng chính là chi phí cố định: $FC = TC$ (tại $Q = 0$). Lưu ý rằng FC là một hằng số không thay đổi tại mọi mức sản lượng Q .

- **Bước 2: Tìm Chi phí biến đổi (VC hoặc TVC):** Tính dựa theo chênh lệch tổng chi phí: $VC = TC - FC$.

- **Bước 3: Tìm các Chi phí trung bình (AC, AVC, AFC):**

- Chi phí trung bình (AC hoặc ATC): $AC = TC / Q$

- Chi phí biến đổi trung bình (AVC): $AVC = VC / Q$

- Chi phí cố định trung bình (AFC): $AFC = FC / Q$

- **Bước 4: Tìm Chi phí biên (MC):** Là chi phí tăng thêm khi sản xuất thêm một đơn vị sản lượng.

$$MC = \Delta TC / \Delta Q = (TC_2 - TC_1) / (Q_2 - Q_1) = \Delta VC / \Delta Q$$

- **Bước 5: Tìm Tổng doanh thu (TR) và Lợi nhuận (π):**

- Tổng doanh thu: $TR = P \times Q$ (với P là giá bán đề bài cung cấp).

- Tổng lợi nhuận: $\pi = TR - TC$.

- **Cách đưa ra quyết định từ bảng số liệu:**

- **Tối đa hóa lợi nhuận:** Chọn mức sản lượng Q mà tại đó cột lợi nhuận π đạt giá trị lớn nhất (hoặc dò tìm điểm mà tại đó xảy ra hệ thức $MC = P$).

- **Điểm hòa vốn:** Là mức sản lượng Q tương ứng tại vị trí chi phí trung bình đạt cực tiểu ($AC_{\min}$).

- **Điểm đóng cửa sản xuất:** Là mức sản lượng Q tương ứng tại vị trí chi phí biến đổi trung bình đạt cực tiểu ($AVC_{\min}$).

CÁCH NHỚ LÀM BÀI TRẮC NGHIỆM:

- Khi bài toán yêu cầu tìm "quy mô tối ưu" hoặc trạng thái "cân bằng dài hạn" của thị trường cạnh tranh hoàn hảo, hãy ngay lập tức lấy đạo hàm hàm chi phí trung bình (AC hoặc LAC) rồi cho bằng 0 để tìm Q nhanh nhất.
- Đối với doanh nghiệp độc quyền, nếu Chính phủ đánh thuế khoán (thuế cố định, không đổi theo sản lượng), mức giá bán và sản lượng tối ưu của doanh nghiệp sẽ **hoàn toàn không thay đổi** (chỉ có lợi nhuận ròng bị sụt giảm).

- Nếu doanh nghiệp độc quyền bị đánh **thuế theo đơn vị sản phẩm (t)**, hãy chủ động cộng trực tiếp lượng t vào phương trình chi phí biên ban đầu để có hàm cung mới: $MC_{\text{mới}} = MC + t$, sau đó mới giải điều kiện $MR = MC_{\text{mới}}$.

Đề 1: Câu hỏi Trắc nghiệm Kinh tế (50 Câu) - Bài tập trên LMS

1. Tom nghỉ việc làm cho một công ty luật với mức thu nhập \$65.000 một năm để mở văn phòng luật sư hành nghề luật của riêng mình. Trong năm đầu kinh doanh, tổng doanh thu của anh ấy bằng \$150.000. Chi phí sổ sách của Tom suốt năm đó tổng cộng là \$85.000. Lợi nhuận kinh tế của Tom trong năm đầu tiên là?

- a. \$65.000
- b. \$0
- c. \$20.000
- d. \$85.000

Đáp án: b. \$0

Giải thích: Lợi nhuận kinh tế tính cả chi phí ẩn (mức lương 65k bị mất). $\$150k - \$85k - \$65k = 0$.

2. Lý thuyết về sự lựa chọn của người tiêu dùng liên quan gần nhất đến nguyên lý nào trong Mười nguyên lý kinh tế học?

- a. Thị trường thường là một phương thức tốt để tổ chức các hoạt động kinh tế.
- b. Trao đổi làm cho mọi người cùng có lợi.
- c. Con người đối mặt với sự đánh đổi.
- d. Chính phủ đôi khi có thể cải thiện kết cục thị trường.

Đáp án: c. Con người đối mặt với sự đánh đổi.

Giải thích: Người tiêu dùng phải lựa chọn giữa các giỏ hàng hóa khác nhau trong giới hạn ngân sách.

3. Nếu chính phủ quyết định phân chia công ty độc quyền tự nhiên thành những doanh nghiệp nhỏ hơn thì:

- a. Cạnh tranh sẽ buộc các doanh nghiệp phải đạt được lợi nhuận kinh tế hơn là lợi nhuận kế toán.
- b. Cạnh tranh sẽ buộc các doanh nghiệp sản xuất dư thừa sản phẩm, đẩy giá cả tăng.
- c. Chi phí sản xuất trung bình sẽ giảm.
- d. Chi phí sản xuất trung bình sẽ tăng.

Đáp án: d. Chi phí sản xuất trung bình sẽ tăng.

Giải thích: Độc quyền tự nhiên có ATC giảm khi sản lượng tăng; chia nhỏ làm mất lợi thế quy mô.

4. Do sự phát hiện giống lúa mì cao sản làm tăng cung lúa mì. Ở điều kiện nào người nông dân biết rằng doanh thu sẽ tăng?

- a. Nếu cung lúa mì co giãn ít
- b. Nếu cầu lúa mì co giãn nhiều
- c. Nếu cầu lúa mì co giãn ít
- d. Nếu cung lúa mì co giãn nhiều

Đáp án: b. Nếu cầu lúa mì co giãn nhiều

Giải thích: Khi cầu co giãn ($|Ed| > 1$), giá giảm sẽ làm lượng cầu tăng mạnh hơn, kéo theo doanh thu tăng.

5. Thất nghiệp là nguyên nhân làm nền kinh tế:

- a. Nằm trên đường giới hạn khả năng sản xuất.
- b. Làm đường giới hạn khả năng sản xuất dịch chuyển ra ngoài.

- c. Làm đường giới hạn khả năng sản xuất dịch chuyển vào trong.
- d. Sản xuất ở bên trong đường giới hạn khả năng sản xuất.

Đáp án: d. Sản xuất ở bên trong đường giới hạn khả năng sản xuất.

Giải thích: Nền kinh tế không sử dụng hết tài nguyên nên sản lượng thực tế thấp hơn tiềm năng.

6. Muốn đạt doanh thu tối đa, doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn phải sản xuất ở mức sản lượng tại đó:

- a. $P = MC$
- b. $MR = MC$
- c. $P = ATC$
- d. $MR = 0$

Đáp án: d. $MR = 0$

Giải thích: Doanh thu biên bằng 0 là điều kiện cần để tổng doanh thu (TR) đạt cực đại.

7. Nếu lao động ở Mexico ít hiệu quả hơn lao động tại Hoa Kỳ trong tất cả các lĩnh vực sản xuất:

- a. Mexico không thể có lợi thế so sánh trong bất cứ sản phẩm nào.
- b. Hoa Kỳ sẽ có lợi thế so sánh trong tất cả các sản phẩm.
- c. cả hai quốc gia có thể được hưởng lợi từ thương mại.
- d. Mexico sẽ không có lợi từ thương mại với Hoa Kỳ.

Đáp án: c. cả hai quốc gia có thể được hưởng lợi từ thương mại.

Giải thích: Thương mại dựa trên lợi thế so sánh (chi phí cơ hội) chứ không phải lợi thế tuyệt đối.

8. Chúng ta có thể đo lường lợi nhuận của doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh là:

- a. $(P - MC) \times Q$
- b. $(P - AVC) \times Q$
- c. $(P - ATC) \times Q$
- d. $MR \times Q$

Đáp án: c. $(P - ATC) \times Q$

Giải thích: Lợi nhuận = $TR - TC = P \times Q - ATC \times Q = (P - ATC) \times Q$.

9. Người tiêu dùng ít phản ứng với sự thay đổi của giá cả thì:

- a. Độ co giãn của cầu theo giá sẽ lớn hơn 1.
- b. Đường cầu sẽ dốc hơn
- c. Đường cầu sẽ ít dốc hơn.
- d. Cầu co giãn hoàn toàn.

Đáp án: b. Đường cầu sẽ dốc hơn

Giải thích: Phản ứng ít nghĩa là cầu kém co giãn, đường cầu sẽ dốc đứng hơn.

10. Khi số lượng doanh nghiệp trong độc quyền nhóm gia tăng thì:

- a. Hiệu ứng giá tăng lên.
- b. Mức sản lượng giảm xuống.
- c. Các doanh nghiệp sẽ có lợi nhuận nhiều hơn.
- d. Giá cả sẽ tiếp cận chi phí biên và số lượng đạt mức hiệu quả xã hội

Đáp án: d. Giá cả sẽ tiếp cận chi phí biên và số lượng đạt mức hiệu quả xã hội

Giải thích: Càng nhiều đối thủ, thị trường càng tiến về trạng thái cạnh tranh hoàn hảo.

11. Nếu người bán phản ứng với sự thay đổi giá rất nhỏ bằng cách điều chỉnh sản lượng cung ứng một lượng cực lớn, hệ số co giãn của cung theo giá tiến tới:

- a. 1.
- b. vô cùng, và đường cung nằm ngang.
- c. 0, và đường cung thẳng đứng.

d. không xác định.

Đáp án: b. vô cùng, và đường cung nằm ngang.

Giải thích: Đây là trường hợp cung co giãn hoàn toàn.

12. Khi doanh nghiệp cạnh tranh hoàn hảo quyết định đóng cửa, nhiều khả năng là:

- a. Giá thị trường thấp hơn chi phí biến đổi trung bình của doanh nghiệp.
- b. Doanh thu của doanh nghiệp không đủ để trả chi phí biến đổi trung bình của doanh nghiệp.
- c. Giá thị trường thấp hơn điểm thấp nhất của đường chi phí biến đổi trung bình của doanh nghiệp.
- d. Tất cả đều đúng.

Đáp án: d. Tất cả đều đúng.

Giải thích: Quy tắc đóng cửa ngắn hạn là $P < AVC_{min}$. Các câu a, b, c đều diễn đạt ý này.

13. Điều gì sẽ xảy ra với giá và lượng cân bằng của cà phê nếu giá bánh nướng (hàng bổ sung) tăng lên?

- a. giá sẽ tăng và lượng cân bằng sẽ giảm.
- b. cả giá và lượng cân bằng sẽ giảm.
- c. giá sẽ giảm và lượng cân bằng sẽ tăng.
- d. cả giá và lượng cân bằng sẽ tăng.

Đáp án: b. cả giá và lượng cân bằng sẽ giảm.

Giải thích: Giá hàng bổ sung tăng làm cầu cà phê giảm, khiến cả P và Q giảm.

14. Giả sử Tây Ban Nha áp đặt \$5 tiền thuế lên mỗi con chip nhập khẩu thì:

- a. Nhà sản xuất chip ở Tây Ban Nha bị thiệt và người tiêu dùng chip ở Tây Ban Nha bị thiệt.
- b. Nhà sản xuất chip ở Tây Ban Nha bị thiệt và người tiêu dùng chip ở Tây Ban Nha được lợi.
- c. Nhà sản xuất chip ở Tây Ban Nha được lợi và người tiêu dùng chip ở Tây Ban Nha được lợi.
- d. Người tiêu dùng ở Tây Ban Nha bị thiệt và nhà sản xuất chip ở Tây Ban Nha được lợi.

Đáp án: d. Người tiêu dùng ở Tây Ban Nha bị thiệt và nhà sản xuất chip ở Tây Ban Nha được lợi.

Giải thích: Thuế nhập khẩu bảo hộ người sản xuất trong nước nhưng làm tăng giá cho người tiêu dùng.

15. Chi phí biên tăng khi sản lượng tăng. Điều này phản ánh đặc điểm:

- a. Năng suất tăng dần theo quy mô.
- b. Lợi thế kinh tế theo quy mô.
- c. Chi phí cố định bình quân giảm dần.
- d. Sản lượng biên giảm dần.

Đáp án: d. Sản lượng biên giảm dần.

Giải thích: Do quy luật năng suất biên giảm dần, chi phí sản xuất thêm 1 đơn vị sẽ tăng.

16. Phát biểu nào sau đây là đúng:

- a. Nếu chi phí biên đang tăng thì chi phí biên lớn hơn hoặc nhỏ hơn tổng chi phí bình quân
- b. Chi phí biên luôn luôn nhỏ hơn tổng chi phí bình quân.
- c. Chi phí biên luôn luôn lớn hơn tổng chi phí bình quân.
- d. Nếu chi phí biên đang giảm thì chi phí biên lớn hơn hoặc nhỏ hơn tổng chi phí bình quân

Đáp án: a. Nếu chi phí biên đang tăng thì chi phí biên lớn hơn hoặc nhỏ hơn tổng chi phí bình quân

Giải thích: MC cắt ATC tại ATC min. Khi MC đang tăng, nó có thể vẫn ở dưới ATC hoặc đã vượt lên trên.

17. Giang làm 20 mẫu/tuần. Cả Giang và Khánh làm 35 mẫu. Sản lượng biên của Khánh là:

- a. 35 mẫu đồ gốm.
- b. 20 mẫu đồ gốm.
- c. 17.5 mẫu đồ gốm.
- d. 15 mẫu đồ gốm.

Đáp án: d. 15 mẫu đồ gốm.

Giải thích: $MP = \Delta Q / \Delta L = (35 - 20) / 1 = 15$.

18. Một người chọn điểm tiêu dùng tối ưu tại nơi:

- a. Đường bàng quan sẽ cắt đường giới hạn ngân sách tại trung điểm của đường giới hạn ngân sách.
- b. Câu b và c đều đúng.
- c. Đường giới hạn ngân sách sẽ có độ dốc bằng MUX/PX .
- d. Độ dốc của đường bàng quan (đường đẳng ích) bằng với độ dốc của đường giới hạn ngân sách.

Đáp án: d. Độ dốc của đường bàng quan (đường đẳng ích) bằng với độ dốc của đường giới hạn ngân sách.

Giải thích: Đây là điểm tiếp xúc giữa sở thích và khả năng ngân sách.

19. Mitch có 100 đô la... chỉ mua được ampli hoặc máy nghe nhạc MP3. Điều này minh họa:

- a. Vai trò quan trọng của chính phủ trong việc can thiệp thị trường.
- b. Con người đối mặt với sự đánh đổi
- c. Chi phí của một thứ là cái mà bạn phải từ bỏ để có được nó.
- d. Sự quan trọng của ngoại ứng trong việc đưa ra các quyết định.

Đáp án: b. Con người đối mặt với sự đánh đổi

Giải thích: Ngân sách hữu hạn buộc phải chọn lựa một trong hai.

20. Khi chính phủ đánh thuế thu nhập như là một phần trong chương trình tái phân phối:

- a. Hiệu quả kinh tế sẽ tăng.
- b. Những người nghèo nhất trong xã hội được lợi nhất bởi vì không có tổn thất do đánh thuế.
- c. Tổng thặng dư được tối đa hóa.
- d. Động cơ kiếm thêm thu nhập bị giảm đi.

Đáp án: d. Động cơ kiếm thêm thu nhập bị giảm đi.

Giải thích: Thuế làm giảm phần thưởng cho lao động, dẫn đến xu hướng làm việc ít hơn.

21. Doanh nghiệp trên thị trường cạnh tranh sẽ tối đa hóa lợi nhuận bằng cách chọn mức sản lượng có mức giá bằng với:

- a. Tổng chi phí bình quân.
- b. Chi phí biên
- c. Tổng doanh thu.
- d. Chi phí cố định bình quân.

Đáp án: b. Chi phí biên

Giải thích: Trong cạnh tranh hoàn hảo $P = MR$, nên quy tắc $MR = MC$ trở thành $P = MC$.

22. Marcia bán 10 chiếc váy. $TR = \$5000$. Chi phí biên là $\$500$. Để tối đa hóa lợi nhuận, Marcia nên:

- a. Tăng sản lượng váy.
- b. Giảm sản lượng váy.
- c. Tiếp tục may 10 chiếc váy mỗi tháng
- d. Chưa đủ thông tin để trả lời.

Đáp án: c. Tiếp tục may 10 chiếc váy mỗi tháng

Giải thích: $P = 5000/10 = 500$. Vì $P = MC = 500$ nên doanh nghiệp đã tối đa hóa lợi nhuận.

23. Doanh nghiệp cạnh tranh tối thiểu hóa thua lỗ trong ngắn hạn nên:

- a. Đóng cửa nếu $P < ATC$.
- b. Đóng cửa nếu $P > AVC$.
- c. Đóng cửa nếu $P < MC$.
- d. Đóng cửa nếu $P < AVC$.

Đáp án: d. Đóng cửa nếu $P < AVC$.

Giải thích: Nếu P không đủ bù đắp chi phí biến đổi trung bình, đóng cửa sẽ lỗ ít hơn.

24. Đường cầu mà một doanh nghiệp cạnh tranh hoàn hảo đối mặt là:

- a. nằm ngang hoàn toàn
- b. dốc xuống.
- c. thẳng đứng.
- d. tương đối co giãn.

Đáp án: a. nằm ngang hoàn toàn

Giải thích: Doanh nghiệp là người chấp nhận giá nên có thể bán mọi sản lượng ở giá thị trường.

25. Khi điều kiện thị trường cạnh tranh bất lợi làm cho các doanh nghiệp thu không đủ bù chi:

- a. Các doanh nghiệp sẽ tiếp tục ở lại thị trường trong dài hạn.
- b. Một vài doanh nghiệp sẽ rời khỏi thị trường, làm cho giá tăng lên...
- c. Lượng cung sẽ tăng lên.
- d. Một vài doanh nghiệp sẽ rời khỏi thị trường, làm cho giá giảm xuống.

Đáp án: b. Một vài doanh nghiệp sẽ rời khỏi thị trường, làm cho giá tăng lên...

Giải thích: Sự rời ngành làm cung giảm, đẩy giá lên cho đến khi đạt cân bằng dài hạn (lợi nhuận = 0).

26. Khi một loại thuế được áp đặt lên một hàng hóa:

- a. Tất cả các câu đều đúng.
- b. Chính phủ sẽ thu được doanh thu thuế.
- c. Sẽ có sự chênh lệch giữa giá người mua trả và giá người bán nhận được.
- d. Sản lượng cân bằng sẽ giảm xuống.

Đáp án: a. Tất cả các câu đều đúng.

Giải thích: Thuế làm giảm sản lượng, tăng giá người mua, giảm giá người bán và tạo doanh thu chính phủ.

27. Nếu giá nội địa của một mặt hàng khi chưa có thương mại cao hơn giá thế giới:

- a. quốc gia đó sẽ xuất khẩu mặt hàng đó.
- b. quốc gia đó có lợi thế tương đối trong việc sản xuất mặt hàng đó.
- c. thì quốc gia đó sẽ nhập khẩu mặt hàng đó
- d. thế giới không có lợi từ thương mại với quốc gia đó.

Đáp án: c. thì quốc gia đó sẽ nhập khẩu mặt hàng đó

Giải thích: Giá nội địa cao hơn giá thế giới chứng tỏ nước đó không có lợi thế so sánh.

28. Khi chính phủ ngăn không cho giá tự điều chỉnh một cách tự nhiên theo quy luật cung và cầu:

- a. quy luật cung cầu sẽ bị triệt tiêu.
- b. hiệu quả kinh tế sẽ được cải thiện.
- c. điều đó gây ảnh hưởng xấu đến việc phân bổ các nguồn lực.
- d. sự công bằng xã hội sẽ đạt được tối đa.

Đáp án: c. điều đó gây ảnh hưởng xấu đến việc phân bổ các nguồn lực.

Giải thích: Can thiệp giá làm sai lệch tín hiệu thị trường, dẫn đến dư thừa hoặc thiếu hụt.

29. Đường cầu của cá nhân đối với một sản phẩm được hình thành từ sự thay đổi của:

- a. Thu nhập và quan sát sự thay đổi lượng cầu của sản phẩm đó.
- b. Sở thích và quan sát sự thay đổi lượng cầu của sản phẩm đó.
- c. Giá của một sản phẩm và quan sát sự thay đổi lượng cầu của sản phẩm đó.
- d. Giá của các hàng hóa liên quan.

Đáp án: c. Giá của một sản phẩm và quan sát sự thay đổi lượng cầu của sản phẩm đó.

Giải thích: Đường cầu biểu diễn mối quan hệ giữa giá cả và lượng cầu.

30. Hàng hóa khi tăng giá 2% làm lượng cầu giảm 12%. Khẳng định nào là hợp lý nhất:

- a. đây là hàng hóa thiết yếu.
- b. đây là hàng hóa xa xỉ
- c. đây là hàng hóa cấp thấp.
- d. đây là hàng hóa có cầu co giãn đơn vị.

Đáp án: b. đây là hàng hóa xa xỉ

Giải thích: Độ co giãn $|Ed| = 12/2 = 6 > 1$ (cầu co giãn nhiều), thường thấy ở hàng xa xỉ.

31. Ví dụ nào sau đây là một ví dụ về phát biểu chuẩn tắc, trái ngược với phát biểu thực chứng?

- a. Nếu chính phủ đặt ra mức giá xăng dầu tối đa theo luật, sẽ có hiện tượng xăng dầu bị thiếu hụt.
- b. Chính phủ liên bang thu được nhiều thuế thu nhập.
- c. Nên giảm thuế thu nhập
- d. Giá xăng dầu đã giảm mạnh ở giữa năm 2006.

Đáp án: c. Nên giảm thuế thu nhập

Giải thích: "Nên" thể hiện quan điểm cá nhân, giá trị đạo đức (chuẩn tắc).

32. Phát biểu nào sau đây về giá trần có hiệu lực là đúng?

- a. Sự thiếu hụt do giá trần tạo ra trong dài hạn lớn hơn trong ngắn hạn.
- b. Sự thiếu hụt do giá trần tạo ra trong ngắn hạn lớn hơn trong dài hạn.
- c. Dư thừa do giá trần tạo ra trong ngắn hạn lớn hơn trong dài hạn.
- d. Dư thừa do giá trần tạo ra trong dài hạn lớn hơn trong ngắn hạn.

Đáp án: a. Sự thiếu hụt do giá trần tạo ra trong dài hạn lớn hơn trong ngắn hạn.

Giải thích: Trong dài hạn, cung và cầu co giãn nhiều hơn nên sự thiếu hụt trầm trọng hơn.

33. Trong trường hợp nào thì cầu được gọi là hoàn toàn không co giãn?

- a. Giá giảm xuống 2% làm doanh thu giảm xuống 0%
- b. Giá tăng lên 2% làm cho lượng cầu giảm xuống 2%
- c. Giá giảm xuống 2% làm cho lượng cầu tăng lên 0%
- d. Giá tăng lên 2% làm cho lượng cầu giảm xuống 0,5%

Đáp án: c. Giá giảm xuống 2% làm cho lượng cầu tăng lên 0%

Giải thích: $Ed = 0/2 = 0$. Giá thay đổi nhưng lượng không đổi.

34. Bàn mới bằng gỗ sồi là hàng thông thường. Chuyện gì xảy ra cho giá và sản lượng cân bằng trên thị trường bàn gỗ sồi nếu giá bàn bằng gỗ phong tăng, giá gỗ sồi tăng, nhiều người mua hơn trong thị trường bàn gỗ sồi và giá cửa gỗ tăng?

- a. Sản lượng sẽ tăng và ảnh hưởng lên giá là không xác định.
- b. Giá sẽ giảm và ảnh hưởng lên sản lượng là không xác định.
- c. Giá sẽ tăng và ảnh hưởng lên sản lượng là không xác định.
- d. Sản lượng sẽ giảm và ảnh hưởng lên giá là không xác định.

Đáp án: c. Giá sẽ tăng và ảnh hưởng lên sản lượng là không xác định.

Giải thích: Cầu tăng và Cung giảm đều đẩy giá lên; tác động lên lượng ngược nhau nên không xác định.

35. Thế tiến thoái lưỡng nan của tù nhân cho thấy tại sao:

- a. Những nhà kinh tế nhất trí trong việc lên án việc cố định giá bán lẻ, vì nó chắc chắn làm giảm cạnh tranh.
- b. Độc quyền nhóm có thể thất bại trong hợp tác, thậm chí khi hợp tác là có lợi nhất cho họ.
- c. Bán phá giá không phải là có lợi nhất cho xã hội.
- d. Độc quyền nhóm có thể thất bại trong việc hành động một cách độc lập, ngay cả khi độc lập quyết định chính là có lợi nhất cho họ.

Đáp án: b. Độc quyền nhóm có thể thất bại trong hợp tác, thậm chí khi hợp tác là có lợi nhất cho họ.

Giải thích: Mỗi bên đều có động cơ cá nhân để phản bội thỏa thuận chung.

36. Yếu tố nào sau đây không phải là một yếu tố sản xuất?

- a. Đất đai.
- b. Vốn.
- c. Lao động.
- d. Lãi suất.

Đáp án: d. Lãi suất.

Giải thích: Lãi suất là giá của vốn vay, không phải là yếu tố đầu vào sản xuất trực tiếp.

37. Kinh tế học chủ yếu giải quyết khái niệm về:

- a. Sự khan hiếm.
- b. Tiền.
- c. Nghèo.
- d. Ngân hàng.

Đáp án: a. Sự khan hiếm.

Giải thích: Nghiên cứu cách sử dụng nguồn lực hữu hạn cho nhu cầu vô hạn.

38. Cấu trúc thị trường nào sau đây được đặc trưng là có rào cản trong việc gia nhập ngành ?

- a. Thị trường cạnh tranh độc quyền.
- b. Thị trường độc quyền hoàn toàn.
- c. Tất cả đều đúng
- d. Thị trường cạnh tranh hoàn hảo.

Đáp án: b. Thị trường độc quyền hoàn toàn.

Giải thích: Chỉ có độc quyền hoàn toàn mới có rào cản lớn (như bằng sáng chế, sở hữu tài nguyên) để ngăn đối thủ tham gia.

39. Trong trường hợp nào sau đây, Hoa Kỳ sản xuất nhiều lúa mì hơn nhu cầu của bản thân và trao đổi một số cho Ý để đổi lấy rượu?

- a. Ý có lợi thế tương đối so với Hoa Kỳ trong việc bán rượu
- b. Hoa Kỳ không rành về việc chế biến lúa mì bằng Ý
- c. chi phí cơ hội để sản xuất 1 gallon rượu của Ý bằng với chi phí của Hoa Kỳ
- d. Hoa Kỳ có lợi thế tuyệt đối so với Ý trong việc sản xuất lúa mì

Đáp án: a. Ý có lợi thế tương đối so với Hoa Kỳ trong việc bán rượu

Giải thích: Thương mại dựa trên lợi thế tương đối (so sánh). Ý đổi rượu lấy lúa mì nghĩa là Ý sản xuất rượu với chi phí cơ hội thấp hơn.

40. Theo định nghĩa, nhập khẩu là:

- a. Giới hạn trên số lượng hàng hóa rời khỏi đất nước.
- b. Giới hạn trên số lượng mua vào trong nước.
- c. Hàng hóa mà một đất nước có lợi thế tuyệt đối.
- d. Hàng hóa sản xuất ở nước ngoài và được bán ở trong nước.

Đáp án: d. Hàng hóa sản xuất ở nước ngoài và được bán ở trong nước.

Giải thích: Định nghĩa cơ bản về nhập khẩu hàng hóa, sản xuất ở nước ngoài và đem về trong nước tiêu thụ.

41. Phân biệt giá hoàn hảo mô tả tình huống mà doanh nghiệp độc quyền

- a. Định chính xác 2 mức giá khác nhau cho chính xác 2 nhóm khách hàng khác nhau.
- b. Biết chính xác giá sẵn lòng trả của từng người tiêu dùng.
- c. Có lợi nhuận kinh tế bằng 0.
- d. Tối đa hoá thặng dư tiêu dùng.

Đáp án: b. Biết chính xác giá sẵn lòng trả của từng người tiêu dùng.

Giải thích: Doanh nghiệp thu đúng mức giá tối đa mà mỗi cá nhân sẵn sàng bỏ ra, chiếm đoạt toàn bộ thặng dư tiêu dùng.

42. Giả sử thuế 4 đô la cho mỗi đơn vị hàng hóa và thuế làm sản lượng cân bằng của hàng hóa giảm từ 2.000 đơn vị xuống 1.700 đơn vị. Thuế làm giảm thặng dư tiêu dùng xuống 3.000 đô la và giảm thặng dư sản xuất xuống còn 4.400 đô la. Tổn thất vô ích từ thuế là

- a. \$1.200.
- b. \$200.
- c. \$400.
- d. \$600.

Đáp án: d. \$600.

*Giải thích: $DWL = \text{Tổng phúc lợi mất đi} - \text{Thuế thu được} = (3000 + 4400) - (\$4 * 1700) = 7400 - 6800 = 600$.*

43. Trong một thị trường chỉ có bốn người mua với giá sẵn lòng trả cho một hàng hóa như sau: Từ bảng trên, nếu chỉ có một đơn vị hàng hóa và nếu những người mua đấu giá với nhau để có quyền mua thì hàng hóa đó sẽ bán với giá

- a. 35 đô la hoặc nhiều hơn một chút.
- b. 15 đô la hoặc ít hơn một chút.
- c. 45 đô la hoặc ít hơn một chút.
- d. 25 đô la hoặc nhiều hơn một chút.

Đáp án: a. 35 đô la hoặc nhiều hơn một chút.

Giải thích: Người trả giá cao nhất chỉ cần đặt mức giá vượt qua ngưỡng bỏ cuộc của người cao thứ nhì (35) là có thể giành chiến thắng.

44. Thặng dư sản xuất bằng:

- a. Giá trị mà người tiêu dùng nhận được trừ đi chi phí của người sản xuất.
- b. Giá trị người tiêu dùng nhận được trừ đi tổng giá trị được chi trả bởi người tiêu dùng.
- c. Tổng giá trị mà người sản xuất nhận được trừ đi chi phí của người sản xuất.
- d. Tổng giá trị nhận được bởi người bán trừ đi tổng giá trị được chi trả bởi người mua.

Đáp án: c. Tổng giá trị mà người sản xuất nhận được trừ đi chi phí của người sản xuất.

Giải thích: Thặng dư sản xuất là lợi ích mà người bán có được, tính bằng tổng số tiền nhận được trừ đi tổng chi phí cơ hội để sản xuất.

45. Khi nhà hàng tiếp tục phục vụ ăn trưa ngay cả khi có ít khách hàng dùng bữa trưa, nguyên lý nào sau đây thể hiện tốt nhất? (i) Chi phí cố định là chi phí chìm trong ngắn hạn. (ii) Trong ngắn hạn, chỉ có chi phí cố định quan trọng trong việc ra quyết định tiếp tục phục vụ bữa trưa. (iii) Nếu doanh thu lớn hơn chi phí biến đổi, chủ nhà hàng có thể có quyết định chiến lược có khả năng có lời khi tiếp tục phục vụ bữa trưa.

- a. chỉ (ii) và (iii)
- b. Chỉ (i) và (iii)
- c. chỉ (i) và (ii)
- d. Tất cả đều đúng

Đáp án: b. Chỉ (i) và (iii)

Giải thích: Chi phí cố định đã là chi phí chìm ngắn hạn (i). Chỉ cần Doanh thu bù được Chi phí biến đổi (iii), của hàng nên mở cửa để hạn chế mức lỗ tổng thể.

46. Kiểm soát giá thuê nhà

- a. dẫn đến việc thiếu hụt nhiều hơn về căn hộ trong dài hạn hơn là trong ngắn hạn
- b. dẫn đến giá thuê thấp hơn và trong dài hạn dẫn đến chất lượng căn hộ thấp hơn

- c. là một ví dụ của giá trần
- d. các câu trả lời đều đúng

Đáp án: d. các câu trả lời đều đúng

Giải thích: Khống chế giá thuê là áp Giá trần. Nó làm chất lượng nhà ở giảm sút và tạo ra sự thiếu hụt cung kéo dài (trầm trọng hơn trong dài hạn).

47. Sự tự do gia nhập hoặc rời khỏi ngành của doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh độc quyền đảm bảo rằng:

- a. Cả lợi nhuận kinh tế và thiệt hại kinh tế biến mất trong dài hạn.
- b. Cả lợi nhuận kinh tế và thiệt hại kinh tế có thể tồn tại trong dài hạn.
- c. Lợi nhuận kinh tế, nhưng không phải thiệt hại kinh tế, có thể tồn tại trong dài hạn.
- d. Thiệt hại kinh tế, nhưng không phải lợi nhuận kinh tế, có thể tồn tại trong dài hạn.

Đáp án: a. Cả lợi nhuận kinh tế và thiệt hại kinh tế biến mất trong dài hạn.

Giải thích: Cơ chế tự điều chỉnh cung - cầu khi có doanh nghiệp gia nhập hoặc rời bỏ sẽ đưa lợi nhuận kinh tế về mức bằng 0 trong dài hạn.

48. Trong sơ đồ dòng chu chuyển, đối với thị trường...

- a. Các hàng hóa và dịch vụ, hộ gia đình là người bán và doanh nghiệp là người mua.
- b. Các yếu tố sản xuất, hộ gia đình là người bán và doanh nghiệp là người mua
- c. Các hàng hóa và dịch vụ, hộ gia đình và doanh nghiệp đều là người bán.
- d. Các yếu tố sản xuất, các hộ gia đình và các doanh nghiệp đều là người mua.

Đáp án: b. Các yếu tố sản xuất, hộ gia đình là người bán và doanh nghiệp là người mua

Giải thích: Hộ gia đình cung cấp (bán) lao động, đất đai, vốn cho doanh nghiệp; doanh nghiệp là bên mua các yếu tố này để sản xuất.

49. Một người chọn điểm tiêu dùng tối ưu tại nơi:

- a. Đường bàng quan sẽ cắt đường giới hạn ngân sách tại trung điểm của đường giới hạn ngân sách.
- b. Câu b và c đều đúng.
- c. Đường giới hạn ngân sách sẽ có độ dốc bằng MUX/PX.
- d. Độ dốc của đường bàng quan (đường đẳng ích) bằng với độ dốc của đường giới hạn ngân sách.

Đáp án: d. Độ dốc của đường bàng quan (đường đẳng ích) bằng với độ dốc của đường giới hạn ngân sách.

Giải thích: Sự tiếp xúc giữa đường bàng quan cao nhất với đường ngân sách chính là điểm tối đa hóa mức độ thỏa dụng.

50. Nếu độ co giãn của cầu theo giá của hàng hóa là 1, thì khi giá giảm 3% sẽ gây ra:

- a. Lượng cầu tăng lên 1%.
- b. Lượng cầu tăng lên 3%.
- c. Lượng cầu tăng lên 0,1%.
- d. Lượng cầu tăng lên 4%.

Đáp án: b. Lượng cầu tăng lên 3%.

Giải thích: Cầu co giãn đơn vị ($|Ed| = 1$) có nghĩa là phần trăm thay đổi của lượng cầu bằng đúng với phần trăm thay đổi của giá. Do đó lượng mua tăng đúng 3%.

Đề 02-03: Câu hỏi Trắc nghiệm Kinh tế (45 Câu) - Đã kiểm tra trên lớp

Câu 1: Lý thuyết về sự lựa chọn của người tiêu dùng liên quan gần nhất đến nguyên lý nào trong Mười nguyên lý kinh tế học?

Đáp án: a. Con người đối mặt với sự đánh đổi.

Giải thích: Ngân sách và thời gian của người tiêu dùng là có hạn (sự khan hiếm). Để tiêu dùng thêm một hàng hóa này, họ buộc phải từ bỏ việc tiêu dùng một lượng hàng hóa khác.

Câu 2: Khi giá sẵn lòng trả của người mua bằng với giá của hàng hóa,

Đáp án: b. người mua thờ ơ giữa việc mua hàng hóa và không mua hàng hóa đó.

Giải thích: Thặng dư tiêu dùng bằng Mức sẵn lòng trả (Willingness To Pay) trừ đi Giá thực tế (\$WTP - P\$). Khi \$WTP = P\$, thặng dư tiêu dùng bằng 0, nghĩa là người mua không được lợi thêm cũng không bị thiệt, dẫn đến trạng thái thờ ơ.

Câu 3: Cả thuế quan và hạn ngạch nhập khẩu đều

Đáp án: c. làm giảm lượng hàng nhập khẩu và làm tăng giá hàng nội địa.

Giải thích: Cả hai chính sách này đều nhằm mục đích bảo hộ sản xuất trong nước bằng cách hạn chế nguồn cung từ nước ngoài (giảm lượng nhập khẩu), từ đó đẩy giá bán của hàng hóa đó trên thị trường nội địa lên cao hơn so với giá thế giới.

Câu 4: Đường giới hạn khả năng sản xuất có thể dùng minh họa cho

Đáp án: a. Nguyên lý con người đối mặt với sự đánh đổi.

Giải thích: Đường giới hạn khả năng sản xuất (PPF) thể hiện các mức kết hợp sản lượng tối đa. Khi nền kinh tế đang ở trên đường PPF, muốn tăng sản lượng hàng hóa này thì buộc phải giảm sản lượng hàng hóa kia (sự đánh đổi).

Câu 5: Đường cung ngắn hạn của doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn là

Đáp án: d. Doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn không có đường cung.

Giải thích: Doanh nghiệp độc quyền là người định giá (price maker), họ quyết định sản lượng dựa trên nguyên tắc \$MR = MC\$ rồi đóng lên đường Cầu để tìm giá. Do đó, không có một mối quan hệ 1-1 cố định giữa giá và lượng cung như trong thị trường cạnh tranh.

Câu 6: Nếu một doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh độc quyền đang kiếm được lợi nhuận dương khi đó

Đáp án: c. Một số doanh nghiệp mới tham gia thị trường.

Giải thích: Thị trường cạnh tranh độc quyền không có rào cản gia nhập. Lợi nhuận kinh tế dương sẽ hấp dẫn các doanh nghiệp mới nhảy vào chia phần, làm dịch chuyển đường cầu của các doanh nghiệp hiện tại sang trái cho đến khi lợi nhuận dài hạn bằng 0.

Câu 7: Trong dài hạn, Doanh nghiệp tối đa hóa lợi nhuận trong ngành cạnh tranh hoàn hảo phải đối mặt với một mức giá bằng mức thấp nhất của

Đáp án: d. tổng chi phí trung bình.

Giải thích: Trong dài hạn, sự tự do gia nhập và rút lui khỏi thị trường cạnh tranh hoàn hảo sẽ đẩy lợi nhuận kinh tế về mức 0. Khi đó, Giá (\$P\$) sẽ cân bằng tại điểm thấp nhất của đường Tổng chi phí trung bình (\$ATC\$).

Câu 8: Tổng sản lượng trong nền kinh tế tăng lên khi mỗi người chuyên môn hóa là do:

Đáp án: c. Mỗi người dành nhiều thời gian hơn để sản xuất sản phẩm mà họ có lợi thế so sánh.

Giải thích: Theo nguyên lý lợi thế so sánh, khi mỗi cá nhân hoặc quốc gia tập trung sản xuất mặt hàng mà họ có chi phí cơ hội thấp nhất, tổng sản lượng của toàn bộ hệ thống sẽ đạt mức lớn nhất.

Câu 9: Trong sơ đồ chu chuyển kinh tế,

Đáp án: a. Các yếu tố sản xuất gồm lao động, đất đai và vốn.

Giải thích: Đây là 3 yếu tố đầu vào cơ bản nhất (Inputs/Factors of production) mà các hộ gia đình cung cấp cho doanh nghiệp trên thị trường yếu tố sản xuất.

Câu 10: Phần nào sau đây được xem là chi phí ẩn? (i) Các cơ hội đầu tư đã từ bỏ. (ii) Tiền lương của công nhân. (iii) Các chi phí nguyên vật liệu.

Đáp án: d. Chỉ (i).

Giải thích: Chi phí ẩn là những chi phí cơ hội không đòi hỏi phải xuất tiền mặt ra (không ghi nhận trong sổ sách kế toán). Tiền lương và nguyên vật liệu là các khoản phải chi trả bằng tiền thực tế, gọi là chi phí hiện.

Câu 11: Trong ngắn hạn, thị trường có 500 doanh nghiệp. Mỗi doanh nghiệp có chi phí biên là \$30 khi sản xuất 200 đơn vị sản lượng. Một điểm trên đường cung thị trường là:

Đáp án: a. Số lượng = 100.000, giá = \$30.

Giải thích: Trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo, đường cung của doanh nghiệp chính là đường MC . Do đó mức giá $P = MC = \$30$. Tổng sản lượng thị trường $Q = 500 \text{ doanh nghiệp} \times 200 \text{ đơn vị} = 100.000$.

Câu 12: Tình huống nào sau đây là đúng? Kiểm soát giá:

Đáp án: d. Thường làm tổn thương những người cần được giúp.

Giải thích: Việc chính phủ áp đặt giá trần hoặc giá sàn thường can thiệp vào quy luật cung cầu tự nhiên, gây ra sự thiếu hụt hoặc dư thừa. Ví dụ: giá trần tiền thuê nhà làm giảm chất lượng và nguồn cung nhà ở, khiến chính người nghèo khó tìm được nhà để thuê.

Câu 13: Đường Chi phí trung bình dài hạn

Đáp án: c. thoải hơn đường chi phí trung bình ngắn hạn, nhưng không hẳn là đường nằm ngang.

Giải thích: Trong dài hạn, mọi yếu tố sản xuất đều có thể thay đổi (không có chi phí cố định). Đường $LRAC$ là đường bao bọc lấy tất cả các đường $SRAC$, do đó nó có dạng chữ U nhưng thoải dốc (rộng) hơn nhiều so với ngắn hạn.

Câu 14: Việc đánh thuế vào người bán cà phê sẽ làm tăng giá cà phê người mua phải trả, làm:

Đáp án: b. Giảm mức giá sau thuế người bán cà phê được nhận và lượng cà phê cân bằng giảm đi.

Giải thích: Khi đánh thuế người bán, đường Cung dịch chuyển lên trên/sang trái bằng đúng khoản thuế. Điều này đẩy giá cân bằng thị trường (người mua trả) lên cao, làm lượng giao dịch giảm xuống. Giá thực tế người bán bỏ túi (sau khi trừ đi phần nộp thuế) sẽ thấp hơn mức giá cân bằng ban đầu.

Câu 15: Giả sử đường bàng quan của người tiêu dùng là một đường thẳng dốc xuống. Khi người tiêu dùng di chuyển từ trái sang phải trên trục hoành, tỷ lệ thay thế biên sẽ:

Đáp án: c. Không đổi.

Giải thích: Đường bàng quan là đường thẳng thể hiện trường hợp hai hàng hóa thay thế hoàn hảo cho nhau. Độ dốc của đường thẳng là một hằng số, tương đương với Tỷ lệ thay thế biên (MRS) không thay đổi tại mọi điểm.

Câu 16: Điều nào sau đây KHÔNG phải là một ví dụ về chi phí ẩn của việc đi học?

Đáp án: a. Số tiền một sinh viên chi ra để thuê căn hộ để ở trong khi đi học.

Giải thích: Số tiền thuê căn hộ là dòng tiền mặt thực tế phải chi ra, được gọi là chi phí hiện (chi phí kế toán). Các lựa chọn còn lại đều là những giá trị/cơ hội bị bỏ lỡ (không tốn tiền mặt) nên là chi phí ẩn.

Câu 17: Chi phí cơ hội của một thứ là

Đáp án: b. Những gì bạn từ bỏ để có được thứ đó.

Giải thích: Đây là định nghĩa kinh điển của chi phí cơ hội: Giá trị của phương án thay thế tốt nhất bị bỏ qua khi đưa ra một sự lựa chọn.

Câu 18: Chi phí cố định có thể được xác định như một chi phí

Đáp án: d. phát sinh ngay cả khi không sản xuất.

Giải thích: Chi phí cố định (FC) là những khoản phí không phụ thuộc vào sản lượng (ví dụ: tiền thuê mặt bằng, khấu hao máy móc). Dù sản lượng $Q = 0$, doanh nghiệp vẫn phải gánh chịu khoản này.

Câu 19: Đối với độc quyền hoàn toàn, mức sản lượng hiệu quả xã hội xảy ra ở

Đáp án: a. doanh thu trung bình bằng chi phí biên.

Giải thích: Mức sản lượng hiệu quả xã hội đạt được khi Giá bằng Chi phí biên ($P = MC$). Trong độc quyền, đường Giá (P) chính là đường Cầu và cũng chính là đường Doanh thu trung bình (AR). Suy ra, điều kiện này tương đương với $AR = MC$.

Câu 20: Nếu người nông dân trồng đậu nành biết rằng đậu nành có cầu co giãn ít theo giá, để tăng tổng doanh thu người nông dân nên:

Đáp án: a. Giảm diện tích trồng đậu nành để giảm sản lượng.

Giải thích: Khi cầu co giãn ít ($|E_d| < 1$), tăng giá sẽ làm tổng doanh thu ($TR = P \times Q$) tăng lên (vì lượng giảm tỷ lệ ít hơn so với tỷ lệ tăng của giá). Để đẩy giá thị trường lên, nông dân cần hạn chế nguồn cung bằng cách giảm sản lượng.

Câu 21: Ở những năm đầu thế kỷ 19, chính phủ Nga gửi bác sĩ đến các ngôi làng ở miền Nam nước Nga để chữa bệnh dịch tả. Dân làng nhận thấy rằng bất cứ nơi nào các bác sĩ xuất hiện thì có người chết. Vì vậy, nhiều bác sĩ bị đuổi ra khỏi làng, và một số thậm chí còn bị giết. Phản ứng này trong quan hệ giữa các bác sĩ và những cái chết rất có thể là một vấn đề:

Đáp án: b. Quan hệ nhân quả ngược.

Giải thích: Dân làng lầm tưởng sự xuất hiện của bác sĩ gây ra cái chết (A là nguyên nhân của B). Thực tế là ngược lại, có người bệnh/chết thì bác sĩ mới được cử đến (B là nguyên nhân của A).

Câu 22: Một chương trình ngăn chặn ma túy thành công làm giảm việc cung cấp ma túy bất hợp pháp ở Việt Nam có khả năng sẽ:

Đáp án: d. Tăng giá, giảm số lượng, tăng tổng chi tiêu cho ma túy và tăng tội phạm.

Giải thích: Ngăn chặn thành công làm giảm Cung, đẩy giá lên cao và lượng bán giảm. Vì ma túy gây nghiện nên Cầu rất kém co giãn ($|E_d| < 1$), giá tăng mạnh làm tổng chi tiêu ($P \times Q$) của người nghiện tăng lên. Hậu quả là họ phải gây ra nhiều tội phạm hơn (trộm cắp, cướp giật) để có đủ tiền mua thuốc.

Câu 23: Hàng hóa nào có cầu co giãn nhiều nhất?

Đáp án: a. quần jean Levi

Giải thích: Thị trường được định nghĩa càng hẹp thì càng có nhiều hàng hóa thay thế tương đương, làm cầu co giãn mạnh hơn. "Quần jean Levi" là định danh cụ thể nhất, nếu Levi tăng giá, người dùng dễ dàng chuyển sang mua quần jean hãng khác.

Câu 24: Trong ngôn ngữ của lý thuyết trò chơi, một tình huống trong đó mỗi người phải xem xét cách những người khác có thể phản ứng với hành động của chính họ được gọi là

Đáp án: c. Tình huống chiến lược.

Giải thích: Sự phụ thuộc lẫn nhau, nơi hành động của một bên ảnh hưởng đến kết quả của bên kia và ngược lại, được gọi là tương tác chiến lược trong Lý thuyết trò chơi.

Câu 25: Tại điểm có phương án tiêu dùng tối ưu

Đáp án: b. Độ dốc đường ngân sách = độ dốc đường đẳng ích.

Giải thích: Điểm tiêu dùng tối ưu nằm tại vị trí tiếp xúc giữa đường bàng quan (đẳng ích) cao nhất có thể đạt được và đường ngân sách. Tại tiếp điểm đó, độ dốc của hai đường phải bằng nhau.

Câu 26: Khi thuế được áp dụng đối với hàng hoá có cung tương đối co giãn nhiều và cầu tương đối co giãn ít,

Đáp án: d. người mua sẽ chịu phần lớn gánh nặng về thuế.

Giải thích: Nguyên tắc phân bổ gánh nặng thuế: "Bên nào kém co giãn hơn (ít nhạy cảm với giá hơn, khó rời bỏ thị trường hơn) thì phải chịu phần lớn gánh nặng thuế". Ở đây cầu ít co giãn hơn cung.

Câu 27: Các thứ phải từ bỏ để làm ra hàng hóa được gọi là:

Đáp án: b. Các chi phí cơ hội.

Giải thích: Đây là cách diễn đạt khác của khái niệm chi phí cơ hội (Opportunity Cost).

Câu 28: Giả sử công ty ở thị trường cạnh tranh có được \$1.000 tổng doanh thu và có doanh thu biên là \$10 cho đơn vị cuối cùng đã sản xuất và bán. Tổng doanh thu trung bình mỗi đơn vị là bao nhiêu và bao nhiêu đơn vị đã được bán?

Đáp án: d. \$10 và 100 đơn vị.

Giải thích: Trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo, Giá (SP) = Doanh thu biên (SMR) = Doanh thu trung bình (SAR). Vậy $SAR = \$10$. Tổng doanh thu $STR = P \times Q = 1000 \rightarrow Q = 1000 / 10 = 100$ đơn vị.

Câu 29: Tổn thất vô ích xuất hiện từ sự độc quyền là hậu quả của sự việc

Đáp án: a. sản lượng nhỏ hơn mức sản lượng hiệu quả xã hội.

Giải thích: Nhà độc quyền vì muốn tối đa hóa lợi nhuận nên đã giới hạn sản lượng ở mức $SMR = MC$, mức này thấp hơn mức $SP = MC$ (điểm tối ưu xã hội). Việc sản xuất ít hơn mức cần thiết này làm mất đi một phần thặng dư chung, gọi là tổn thất vô ích.

Câu 30: Phát biểu nào sau đây là KHÔNG đúng?

Đáp án: b. Sự thay đổi về thu nhập làm thay đổi độ dốc cũng như vị trí đường giới hạn ngân sách trên đồ thị.

Giải thích: Khi thu nhập thay đổi, đường giới hạn ngân sách chỉ dịch chuyển song song (thay đổi vị trí). Độ dốc của đường ngân sách được quyết định bởi tỷ lệ giá cả hai loại hàng hóa ($\$P_x / P_y$), nên nó KHÔNG bị thay đổi bởi thu nhập.

Câu 31: Trong thị trường độc quyền nhóm, khi số lượng doanh nghiệp trên thị trường càng nhiều, sản lượng của mỗi doanh nghiệp

Đáp án: d. Tất cả đều đúng.

Giải thích: Khi độc quyền nhóm có quy mô ngày càng lớn (thêm nhiều đối thủ), sức mạnh thị trường của mỗi doanh nghiệp giảm đi. Thị trường sẽ tiến dần đến trạng thái cạnh tranh hoàn hảo, nơi sản lượng đạt hiệu quả xã hội và giá bằng chi phí biên ($\$P = MC$).

Câu 32: Trong thị trường độc quyền nhóm

Đáp án: d. vẫn có thể tồn tại mô hình hợp tác giữa các nhà sản xuất.

Giải thích: Các doanh nghiệp trong độc quyền nhóm (oligopoly) có động cơ rất lớn để "bắt tay" cấu kết với nhau (cartel) nhằm hạn chế sản lượng và nâng giá bán lên mức độc quyền, từ đó tối đa hóa lợi nhuận chung.

Câu 33: Giả sử người trồng bắp muốn tăng tổng doanh thu của họ. Biết rằng cầu của bắp là co giãn ít, người trồng bắp nên:

Đáp án: c. Giảm diện tích trồng bắp.

Giải thích: Tương tự câu 20. Cầu co giãn ít (nhu cầu cứng), việc giảm lượng cung (giảm diện tích trồng) sẽ đẩy giá lên rất cao, từ đó làm tăng tổng doanh thu.

Câu 34: Đường cầu của doanh nghiệp trong ngành cạnh tranh độc quyền:

Đáp án: c. Là đường cầu dốc xuống từ trái sang phải.

Giải thích: Vì mỗi doanh nghiệp bán một sản phẩm có tính chất phân biệt (khác biệt đôi chút so với đối thủ), họ có một quyền lực định giá nhất định. Do đó, đường cầu đối diện với họ là một đường dốc xuống (tuy nhiên thoải hơn so với độc quyền hoàn toàn).

Câu 35: Trong nền kinh tế thị trường, cung và cầu xác định

Đáp án: a. cả số lượng của mỗi sản phẩm được sản xuất và giá bán sản phẩm.

Giải thích: Điểm giao nhau giữa đường Cung và đường Cầu trên thị trường tự do sẽ xác định đồng thời mức Giá cân bằng ($\$P^*$) và Sản lượng cân bằng ($\$Q^*$).

Câu 36: Người bán sẽ chịu phần lớn gánh nặng thuế, và người mua chỉ chịu một phần nhỏ gánh nặng thuế, khi

Đáp án: c. Cầu co giãn nhiều hơn cung.

Giải thích: Áp dụng nguyên tắc chia sẻ thuế: Bên nào kém linh hoạt hơn (đường ít co giãn hơn) sẽ gánh nhiều thuế hơn. Người bán gánh nhiều thuế đồng nghĩa với việc Cung ít co giãn hơn Cầu (hay Cầu co giãn nhiều hơn Cung).

Câu 37: Cạnh tranh độc quyền là một loại của

Đáp án: b. Cấu trúc thị trường.

Giải thích: Kinh tế vi mô chia cấu trúc thị trường thành 4 loại cơ bản: Cạnh tranh hoàn hảo, Cạnh tranh độc quyền, Độc quyền nhóm và Độc quyền hoàn toàn.

Câu 38: Trong thị trường cạnh tranh, điều nào sau đây là KHÔNG đúng?

Đáp án: b. Một số người bán có khả năng định giá.

Giải thích: Đặc điểm quan trọng nhất của thị trường cạnh tranh hoàn hảo là cả người mua và người bán đều là "người chấp nhận giá" (Price takers). Không cá nhân nào có quyền lực thị trường để tự định giá.

Câu 39: Người tiêu dùng sẽ chịu phần lớn thuế khi:

Đáp án: c. Độ co giãn của cầu theo giá ít hơn độ co giãn của cung theo giá.

Giải thích: Tương tự câu 36, người tiêu dùng gánh phần lớn thuế khi họ gặp khó khăn trong việc tìm kiếm hàng hóa thay thế (Cầu ít co giãn hơn Cung).

Câu 40: Mức sẵn lòng chi trả của người tiêu dùng đo lường trực tiếp

Đáp án: b. giá trị người mua định ra cho hàng hóa hoặc dịch vụ.

Giải thích: Mức sẵn lòng trả ($\$WTP$) là mức giá cao nhất mà một cá nhân đồng ý bỏ ra để mua một đơn vị hàng hóa, đại diện trực tiếp cho sự đánh giá của họ về lợi ích/giá trị mang lại từ hàng hóa đó.

Câu 41: Khi một quốc gia cho phép tự do thương mại

Đáp án: a. giá trong nước sẽ bằng giá cả thế giới.

Giải thích: Đối với một nền kinh tế nhỏ tham gia vào thị trường toàn cầu, họ trở thành người chấp nhận giá thế giới. Tự do thương mại loại bỏ rào cản, khiến mức giá nội địa phải hội tụ về đúng mức giá thế giới ($\$P_w$).

Câu 42: Sự giảm giá của nguyên liệu đầu vào cho các nhà sản xuất trên thị trường sẽ khiến cho:

Đáp án: c. Giá cân bằng giảm và sản lượng cân bằng tăng.

Giải thích: Giá đầu vào rẻ đi làm chi phí sản xuất giảm, thúc đẩy các doanh nghiệp sản xuất nhiều hơn. Đường Cung dịch chuyển sang phải, tạo ra mức giá cân bằng mới thấp hơn và sản lượng cao hơn.

Câu 43: Khi giá sàn được áp dụng trên thị trường để có lợi cho người bán,

Đáp án: c. vài người bán được lợi, và vài người bán bị thiệt.

Giải thích: Giá sàn (cao hơn giá cân bằng) tạo ra tình trạng dư thừa hàng hóa. Những người bán may mắn tìm được người mua ở mức giá cao sẽ được lợi. Tuy nhiên, nhiều người bán khác sẽ bị thiệt vì hàng hóa ế thừa, không bán được do lượng cầu giảm sút ở mức giá mới.

Câu 44: Nếu các nhà khoa học phát hiện ra rằng sữa đun sôi vốn được dùng để pha chế latte (cà phê sữa), có khả năng ngăn ngừa đột quỵ, điều gì sẽ xảy ra với giá và sản lượng cân bằng của latte?

Đáp án: d. Cả giá cân bằng lẫn sản lượng cân bằng sẽ tăng.

Giải thích: Thông tin khoa học tích cực làm thay đổi thị hiếu người tiêu dùng. Đường Cầu của latte sẽ dịch chuyển mạnh sang phải (tăng cầu). Kết quả là tại điểm cân bằng mới, cả giá và lượng đều tăng lên.

Câu 45: Khi doanh nghiệp cạnh tranh hoàn hảo quyết định đóng cửa, nhiều khả năng là:

Đáp án: b. Giá thị trường thấp hơn chi phí biến đổi bình quân của doanh nghiệp.

Giải thích: Nguyên tắc đóng cửa (Shutdown rule) trong ngắn hạn: Nếu mức giá ($\$P$) rơi xuống dưới mức Chi phí biến đổi bình quân ($\$AVC$), doanh nghiệp tiếp tục sản xuất sẽ bị lỗ phần định phí cộng thêm một phần biến phí. Đóng cửa lập tức sẽ giúp họ tối thiểu hóa khoản lỗ (chỉ lỗ đúng bằng chi phí cố định). Nên khi $\$P < AVC$, doanh nghiệp sẽ ngừng sản xuất.

Đề 02-03: Câu hỏi Trắc nghiệm Kinh tế (45 Câu) - Đã kiểm tra trên lớp

Câu 1: Theo hình sau, nếu giới hạn khả năng sản xuất của Minh là 8 giờ làm việc, thì mất bao nhiêu thời gian để Minh thực hiện một túi xách?

- a. 8 giờ
- b. 2 giờ (Đáp án đúng)**
- c. 1/2 giờ
- d. 4 giờ

Câu 2: Thị trường cạnh tranh độc quyền khác với thị trường cạnh tranh hoàn hảo ở chỗ

- (i) Số lượng người bán
- (ii) Những rào cản để gia nhập
- (iii) Sự phân biệt sản phẩm giữa những người bán

a. Chỉ (iii) (Đáp án đúng)

- b. Chỉ (ii) và (iii)
- c. Chỉ (i)
- d. Chỉ (i) và (iii)

Câu 3: Câu nào sau đây phản ánh tốt nhất quy luật cầu?

- a. Khi thị hiếu của người mua đối với một sản phẩm tăng, họ sẽ mua sản phẩm đó nhiều hơn.
- b. Khi thu nhập tăng, đối với hầu hết các mặt hàng, người mua sẽ mua nhiều hơn.
- c. Khi cầu của người mua đối với một sản phẩm tăng, giá sản phẩm đó sẽ tăng.
- d. Khi giá của một sản phẩm giảm, người mua sẽ mua nhiều sản phẩm đó hơn. (Đáp án đúng)**

Câu 4: Khi nghiên cứu những tác động về sự thay đổi của chính sách công, nhà kinh tế:

a. Đôi khi đặt ra các giả định khác nhau trong ngắn hạn và dài hạn. (Đáp án đúng)

b. Luôn luôn tránh né các giả định đặt ra.

c. Chỉ xem xét những tác động trực tiếp của những thay đổi chính sách và không xem xét đến các tác động gián tiếp.

d. Chỉ xem xét những tác động ngắn hạn của những thay đổi chính sách và không xem xét đến các tác động dài hạn.

Câu 5: Đĩa nhạc compact là hàng hóa thông thường. Điều gì sẽ xảy ra với giá và sản lượng cân bằng của đĩa nhạc compact nếu các nhạc sĩ chấp nhận tiền bản quyền thấp hơn, máy đĩa nhạc compact trở nên rẻ hơn, nhiều hãng bắt tay vào sản xuất đĩa nhạc compact, và thu nhập của những người yêu nhạc tăng?

a. Giá sẽ giảm và tác động đến sản lượng sẽ không rõ ràng.

b. Giá sẽ tăng và tác động đến sản lượng sẽ không rõ ràng.

c. Sản lượng sẽ giảm và tác động đến giá sẽ không rõ ràng.

d. Sản lượng sẽ tăng và tác động đến giá sẽ không rõ ràng. (Đáp án đúng)

Câu 6: Tổng thặng dư đo lường

a. Sự mất mát cho người mua do phải trả mức giá cao hơn cộng với lợi ích của người bán do nhận mức giá thấp hơn.

b. Giá sẵn lòng trả của người mua trừ đi chi phí của người sản xuất. (Đáp án đúng)

c. Sự công bằng trong phân phối nguồn lực xã hội.

d. Giá trị đối với chính phủ của những hàng hóa và dịch vụ được bán trên thị trường.

Câu 7: Đặc điểm cơ bản của ngành cạnh tranh độc quyền:

a. Không có sự đánh đổi giữa giá bán và lượng bán ra trên thị trường.

b. Các doanh nghiệp không có khả năng ảnh hưởng đến giá cả trên thị trường.

c. Có nhiều doanh nghiệp sản xuất ra những sản phẩm khác biệt nhau và dễ thay thế cho nhau. (Đáp án đúng)

d. Có hạn chế trong việc gia nhập ngành đối với những doanh nghiệp mới.

Câu 8: Điều nào sau đây thể hiện độ co giãn chéo của cầu theo giá của 2 loại hàng hóa là hàng bổ sung?

a. 0

b. 1,4

c. 0,2

d. -1,3 (Đáp án đúng)

Câu 9: Một hàng hóa được gọi là khan hiếm khi

a. Ở mọi hoàn cảnh, lượng cung không đáp ứng đủ cầu. (Đáp án đúng)

b. Có sự thiếu hụt hàng hóa đó trên thị trường.

c. Ở mức giá nào đó có sự thiếu hụt hàng hóa.

d. Có sự dư thừa hàng hóa đó trên thị trường.

Câu 10: Khái niệm cân bằng Nash, khi áp dụng cho trường hợp độc quyền nhóm,

a. Dựa trên khái niệm các công ty lựa chọn chiến lược tốt nhất, bất kể công ty khác lựa chọn chiến lược nào. (Đáp án đúng)

b. Thể hiện sự mâu thuẫn giữa lợi ích bản thân và hợp tác.

c. Dựa trên logic doanh nghiệp theo đuổi lợi ích bản thân.

d. Tất cả đều đúng.

Câu 11: Tại mỗi mức giá được xác định trên đường cầu thể hiện:

a. Là mức giá cao nhất mà người mua sẵn lòng mua. (Đáp án đúng)

b. Giá thấp hơn thể hiện lợi ích thấp hơn.

c. Là mức giá thấp nhất mà người mua sẵn lòng mua.

d. Giá cao hơn thể hiện lợi ích cao hơn.

Câu 12: Doanh nghiệp X có yếu tố đầu vào biến đổi duy nhất là lao động và sản lượng bằng 0 khi không thuê công nhân nào. Giả sử chi phí biên khi thuê công nhân thứ ba là \$40 và tổng chi phí trung bình khi thuê ba công nhân là \$50. Tổng chi phí sản xuất khi thuê ba công nhân là

- a. \$50
- b. \$120
- c. \$150 (Đáp án đúng)**
- d. \$90

Câu 13: Câu nào dưới đây thể hiện đặc điểm của đường bàng quan (đường đẳng ích) thông thường?

- a. Một đường bàng quan cao hơn được ưa thích hơn đường bàng quan thấp hơn. (Đáp án đúng)**
- b. Cong ra phía bên ngoài gốc tọa độ.
- c. Dốc lên.
- d. Thường cắt các đường bàng quan khác.

Câu 14: Câu nào sau đây KHÔNG là đặc điểm của thị trường cạnh tranh

- a. Mỗi doanh nghiệp bán sản phẩm gần như đồng nhất.
- b. Gia nhập ngành là giới hạn. (Đáp án đúng)**
- c. Người mua và người bán là chấp nhận giá.
- d. Mỗi doanh nghiệp chọn mức đầu ra với lợi nhuận cao nhất.

Câu 15: Đối với một nhà độc quyền,

- a. Doanh thu biên bằng chi phí biên ở điểm tổng doanh thu tối đa.
- b. Doanh thu biên luôn luôn nhỏ hơn giá của sản phẩm. (Đáp án đúng)**
- c. Chi phí biên luôn luôn lớn hơn chi phí trung bình của sản phẩm.
- d. Doanh thu trung bình luôn luôn lớn hơn giá của sản phẩm.

Câu 16: Khi một doanh nghiệp độc quyền nhóm tham gia thị trường âm thầm tăng sản lượng để đạt lợi nhuận cao hơn thì kết cục nào sau đây KHÔNG xảy ra?

- a. Lợi nhuận của các doanh nghiệp vẫn không đổi. (Đáp án đúng)**
- b. Các doanh nghiệp khác sẽ tăng sản lượng.
- c. Giá sản phẩm sẽ giảm.
- d. Lợi nhuận của các doanh nghiệp sẽ giảm.

Câu 17: Khi có thuế T thì:

- a. Tổng phần giảm đi trong CS và PS sẽ bằng nhau.
- b. Tổng phần giảm đi trong CS và PS lớn hơn tổng doanh thu thuế chính phủ thu. (Đáp án đúng)**
- c. Tổng phần giảm đi trong CS và PS nhỏ hơn tổng doanh thu thuế chính phủ thu.
- d. Tổng phần giảm đi trong CS và PS bằng với tổng doanh thu thuế chính phủ thu.

Câu 18: Một người có 100 giờ thức/tuần dành cho làm việc & rảnh rỗi (làm những việc ưa thích). Nếu anh ta dành 40 giờ làm việc, mỗi giờ được 60\$. Khi đơn giá tiền lương tăng lên 70, anh ta tăng giờ làm việc lên 50 giờ. Đường cung lao động trường hợp này như thế nào?

- a. Song song với trục hoành.
- b. Song song với trục tung.
- c. Dốc lên. (Đáp án đúng)**
- d. Dốc xuống.

Câu 19: Khi quyết định mức giá nào để bán cho khách hàng, doanh nghiệp độc quyền có thể chọn những mức giá khác nhau dựa trên

- a. Tuổi của khách hàng.
- b. Thu nhập của khách hàng.
- c. Khu vực địa lý của khách hàng.
- d. Tất cả các câu trên đều đúng. (Đáp án đúng)**

Câu 20: Trong nền kinh tế thị trường, cung và cầu là quan trọng bởi vì chúng:

- a. Là những công cụ chính sách trực tiếp được sử dụng bởi chính phủ để điều hành nền kinh tế.

b. Có thể được dùng để dự đoán tác động của các sự kiện và chính sách lên nền kinh tế. (Đáp án đúng)

c. Biểu diễn khi nào thị trường cân bằng, nhưng không có ích khi thị trường không ở điểm cân bằng.

d. Tất cả các câu trên đều đúng.

Câu 21: Trong sơ đồ chu chuyển kinh tế, cái gì sau đây di chuyển từ các hộ gia đình đến các doanh nghiệp thông qua các thị trường cho các yếu tố sản xuất?

a. Tiền lương, tiền thuê nhà và lợi nhuận.

b. Hàng hóa và dịch vụ.

c. Tiền chi cho hàng hóa và dịch vụ.

d. Đất đai, lao động và vốn. (Đáp án đúng)

Câu 22: Điều nào sau đây là đặc điểm của một thị trường cạnh tranh?

a. Có nhiều người mua nhưng ít người bán.

b. Người mua và người bán là người chấp nhận giá. (Đáp án đúng)

c. Các công ty bán sản phẩm khác biệt.

d. Có rất nhiều rào cản để gia nhập ngành.

Câu 23: Sự lựa chọn tối ưu của người tiêu dùng được thể hiện bằng

a. $MU_x / P_x = MU_y / P_y$

b. $MU_x / MU_y = P_x / P_y$

c. $MRS_{\{xy\}} = P_x / P_y$

d. Tất cả đều đúng. (Đáp án đúng)

Câu 24: Sớm muộn gì thì một vài công ty cũng sẽ đối mặt với giới hạn khả năng sản xuất của họ khi lượng sản phẩm tăng lên. Những công ty này:

a. Cung co giãn ít hơn ở mức sản lượng thấp và co giãn nhiều hơn ở mức sản lượng cao.

b. Cung là hoàn toàn không co giãn.

c. Có thể lược thị trường mạnh. (Đáp án đúng)

d. Cung co giãn nhiều hơn ở mức sản lượng thấp và co giãn ít hơn ở mức sản lượng cao.

Câu 25: Nếu một doanh nghiệp không sản xuất sản phẩm, thì chi phí nào sau đây sẽ bằng zero?

a. Tổng chi phí.

b. Chi phí cơ hội.

c. Chi phí biến đổi. (Đáp án đúng)

d. Chi phí cố định.

Câu 26: Lượng tối thiểu có hiệu lực

a. Làm thay đổi cả lượng cầu và lượng cung lao động. (Đáp án đúng)

b. Chỉ gây ra thất nghiệp tạm thời vì thị trường sẽ điều chỉnh và loại bỏ mọi dư thừa lao động.

c. Không ảnh hưởng đến lượng cầu và lượng cung lao động.

d. Chỉ ảnh hưởng đến lượng cầu lao động, không ảnh hưởng đến lượng cung lao động.

Câu 27: Lợi thế kinh tế theo quy mô xảy ra khi một doanh nghiệp có:

a. Chi phí biên bằng với tổng chi phí bình quân tại tất cả các mức sản lượng.

b. Chi phí biên không thay đổi khi sản lượng tăng.

c. Chi phí bình quân dài hạn giảm khi sản lượng tăng. (Đáp án đúng)

d. Chi phí bình quân dài hạn tăng khi sản lượng tăng.

Câu 28: Một vấn đề mấu chốt trong vụ kiện chống độc quyền Microsoft, liên quan đến việc cài đặt sẵn trình duyệt Internet vào hệ điều hành Windows để bán chung với nhau. Cách thức này được gọi là:

a. Cố định giá bán lẻ.

b. Bán phá giá.

c. Cố định giá bán sỉ.

d. Bán kèm sản phẩm. (Đáp án đúng)

Câu 29: Sự khác nhau trong tổng thặng dư giữa mức sản xuất tối ưu của xã hội và mức sản xuất của nhà độc quyền:

- a. Được bù lại bằng các khoản thu theo quy định.
- b. Được gọi là khoản tổn thất vô ích của xã hội. (Đáp án đúng)**
- c. Bằng với lợi nhuận của nhà độc quyền.
- d. Cả b và c đều đúng.

Câu 30: Giả sử có 50 thanh kẹo được cầu ở một mức giá nào đó. Nếu giá của thanh kẹo tăng 4%, số lượng cầu thanh kẹo giảm còn 46 thanh. Theo phương pháp trung điểm, điều này có nghĩa là

- a. Cầu thanh kẹo tại khoảng giá này là co giãn ít.
- b. Cầu thanh kẹo tại khoảng giá này bằng 0.
- c. Cầu thanh kẹo tại khoảng giá này là co giãn nhiều. (Đáp án đúng)**
- d. Cầu thanh kẹo tại khoảng giá này là co giãn đơn vị.

Câu 31: Khi giá bán lớn hơn chi phí biến đổi bình quân trong ngắn hạn, đường chi phí biên của doanh nghiệp cạnh tranh được xem như là đường cung của doanh nghiệp vì:

- a. Doanh nghiệp biết rằng doanh thu biên phải lớn hơn chi phí biên để lợi nhuận là cao nhất.
- b. Trong số các đường chi phí, chỉ duy nhất đường chi phí biên là dốc lên.
- c. Vị trí của đường chi phí biên xác định mức giá mà doanh nghiệp sẽ bán.
- d. Đường chi phí biên xác định mức sản lượng mà doanh nghiệp sẵn sàng cung ứng tại mỗi mức giá. (Đáp án đúng)**

Câu 32: Giá dầu năm 2007 và 2008 tăng đáng kể do các nguyên nhân

- a. Các nước xuất khẩu dầu ngoài OPEC cắt giảm sản lượng khai thác dầu.
- b. Cầu của các nước trên thế giới tăng mạnh đặc biệt là sự bùng nổ kinh tế Trung Quốc. (Đáp án đúng)**
- c. Các nước xuất khẩu dầu trong tổ chức OPEC đồng lòng cắt giảm sản lượng khai thác dầu.
- d. Các câu trên đều đúng.

Câu 33: Cửa hàng bánh của Bảo có doanh thu \$200 khi bán 100 ổ bánh mì vào tháng rồi. Doanh thu tháng này là \$300 khi 60 ổ bánh mì. Cầu co giãn theo giá đối với bánh mì của Bảo là

- a. 1,11.
- b. 0,266.
- c. 0,583. (Đáp án đúng)**
- d. 1,25.

Câu 34: Chi phí để làm ra một cái bánh sô cô la của Mai là 3 đô la/bánh. Mai bán được 3 cái và nhận được tổng thặng dư sản xuất là 21 đô la. Mai phải bán bánh của mình với giá

- a. 10 đô la/bánh. (Đáp án đúng)**
- b. 7 đô la/bánh.
- c. 2 đô la/bánh.
- d. 8 đô la/bánh.

Câu 35: Nếu đường cầu thuốc lá co giãn ít và cung co giãn nhiều. Khi có thuế đánh vào thuốc lá thì:

- a. Phần lớn người hút thuốc sẽ từ bỏ thuốc lá do thuế của chính phủ.
- b. Phần lớn người bán phải chịu, không phụ thuộc vào thuế đánh vào người mua hay người bán thuốc lá.
- c. Phần lớn thuế người tiêu dùng phải chịu, không phụ thuộc vào thuế đánh vào người mua hay người bán thuốc lá. (Đáp án đúng)**
- d. Được phân chia giữa người mua và người bán thuốc lá theo yêu cầu nộp thuế của chính phủ.

Câu 36: Thuế đánh vào người mua sẽ làm dịch chuyển

- a. Đường cung lên trên, làm cho giá cân bằng tăng và sản lượng cân bằng giảm.
- b. Đường cầu đi xuống, làm cho cả giá và sản lượng cân bằng giảm. (Đáp án đúng)**
- c. Đường cầu lên trên, làm cho giá và sản lượng cân bằng tăng.
- d. Đường cung lên trên, làm cho giá cân bằng giảm và sản lượng cân bằng tăng.

Câu 37: Giả định một quốc gia dùng chính sách phi thương mại để theo đuổi chính sách tự do thương mại. Kết quả là, nếu như giá nội địa của mặt hàng đậu thấp hơn giá thế giới, thì:

- a. Quốc gia đó trở thành nhà xuất khẩu mặt hàng đậu.

b. Tại mức giá thế giới, sản lượng của mặt hàng đậu được cung cấp ở quốc gia đó sẽ lớn hơn lượng cầu về đậu ở quốc gia đó.

c. Quốc gia đó có lợi thế tương đối trong việc sản xuất mặt hàng đậu.

d. Tất cả các câu trên đều đúng. (Đáp án đúng)

Câu 38: Lý thuyết về sự lựa chọn của người tiêu dùng giải thích cách thức:

a. Tiền lương được xác định trong thị trường lao động cạnh tranh.

b. Giá được xác định trong thị trường hàng hóa cạnh tranh.

c. Người tiêu dùng ra quyết định tối đa hóa hữu dụng. (Đáp án đúng)

d. Doanh nghiệp/công ty đưa ra quyết định để tối đa hóa lợi nhuận.

Câu 39: Trong thị trường nhà ở, cung và cầu là:

a. Co giãn trong dài hạn nhiều hơn trong ngắn hạn, và can thiệp giá cho thuê nhà sẽ làm thiếu hụt nhà trong dài hạn nhiều hơn trong ngắn hạn. (Đáp án đúng)

b. Co giãn trong dài hạn nhiều hơn trong ngắn hạn, và can thiệp giá cho thuê nhà sẽ làm thiếu hụt nhà trong dài hạn ít hơn trong ngắn hạn.

c. Co giãn trong dài hạn ít hơn trong ngắn hạn, và can thiệp giá cho thuê nhà sẽ làm thiếu hụt nhà trong dài hạn ít hơn trong ngắn hạn.

d. Co giãn trong dài hạn ít hơn trong ngắn hạn, và can thiệp giá cho thuê nhà sẽ làm thiếu hụt nhà trong dài hạn nhiều hơn trong ngắn hạn.

Câu 40: Giả sử chi phí điều hành một khách sạn 100 phòng trong một đêm là \$10.000 và có 5 phòng trống cho đêm nay. Nếu chi phí điều hành biên của một phòng một đêm là \$30 và một khách hàng sẵn sàng trả \$60 cho một đêm, quản lý khách sạn nên:

a. Không cho thuê phòng vì lợi ích biên nhỏ hơn chi phí biên.

b. Không cho thuê phòng vì lợi ích biên nhỏ hơn chi phí trung bình.

c. Cho thuê phòng vì lợi ích biên lớn hơn chi phí biên. (Đáp án đúng)

d. Cho thuê phòng vì lợi ích biên lớn hơn chi phí trung bình.

Câu 41: Trong trường hợp không có thương mại, giá len cân bằng ở Scotland là

(Dựa vào đồ thị trong đề: Điểm giao cắt giữa cung nội địa và cầu nội địa tương ứng với mức giá 45 trên trục tung)

a. \$45. (Đáp án đúng)

b. \$15.

c. \$70.

d. \$55.

Câu 42: Doanh thu từ thuế là thước đo

a. Tổng thể lợi ích thực cho xã hội.

b. Tổn thất vô ích của thuế.

c. Tổn thất của nhà nước từ thuế.

d. Lợi ích của nhà nước từ thuế. (Đáp án đúng)

Câu 43: Khi xí nghiệp hoạt động trong ngắn hạn,

a. Không thể điều chỉnh số lượng các yếu tố sản xuất cố định. (Đáp án đúng)

b. Không thể thay đổi chi phí biến đổi.

c. Tổng chi phí và tổng chi phí biến đổi là giống nhau.

d. Chi phí cố định bình quân tăng khi sản lượng tăng.

Câu 44: Phát biểu nào sau đây về đường giới hạn khả năng sản xuất là đúng?

a. Một nền kinh tế có thể sản xuất tại bất kỳ điểm nào bên ngoài đường giới hạn khả năng sản xuất.

b. Có thể tạo ra nhiều hơn một điểm trên đường giới hạn khả năng sản xuất nếu có sự gia tăng các nguồn lực sẵn có.

c. Một nền kinh tế có thể sản xuất tại bất kỳ điểm nào trên hoặc bên trong đường giới hạn khả năng sản xuất. (Đáp án đúng)

d. Một nền kinh tế chỉ có thể sản xuất trên đường giới hạn khả năng sản xuất.

Câu 45: Trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo, quá trình gia nhập và rời khỏi ngành sẽ kết thúc khi các doanh nghiệp phải đối mặt với

- a. Lợi nhuận kế toán bằng không.
- b. Doanh thu biên bằng tổng chi phí trung bình dài hạn. (Đáp án đúng)**
- c. Tổng doanh thu bằng tổng chi phí trung bình.
- d. Doanh thu trung bình lớn hơn chi phí biên.

Giải Chi Tiết 50 Câu Kinh Tế Vi Mô - Đề 3

Phần 1: Câu 1 - Câu 10

- **Câu 1:** Trong lý thuyết trò chơi, khi một doanh nghiệp độc quyền nhóm phá vỡ thỏa thuận âm thầm gia tăng sản lượng...

Đáp án: d. Cả 3 câu trên đều đúng.

Giải thích: Hành động phá vỡ thỏa thuận sẽ khiến các doanh nghiệp khác gia tăng sản lượng theo, làm tăng tổng cung, đẩy giá thị trường giảm xuống, kết quả là lợi nhuận của tất cả doanh nghiệp đều giảm.

- **Câu 2:** Doanh nghiệp trong ngành cạnh tranh độc quyền:

Đáp án: d. Có sự tự do nhập và xuất ngành.

Giải thích: Đặc trưng cơ bản của cạnh tranh độc quyền là rào cản gia nhập thị trường rất thấp, các doanh nghiệp dễ dàng tham gia hoặc rút lui.

- **Câu 3:** Trong thị trường cạnh tranh độc quyền, tại điểm cân bằng dài hạn...

Đáp án: d. Cả ba câu đều đúng.

Giải thích: Trong dài hạn, lợi nhuận kinh tế bằng 0 (hòa vốn, $P = AC$) nên không có động lực cho doanh nghiệp mới nhập/xuất ngành, và mỗi doanh nghiệp đều đang sản xuất tại mức tối đa hóa lợi nhuận ($MR = MC$).

- **Câu 4:** Doanh nghiệp trong ngành cạnh tranh độc quyền, cạnh tranh với nhau bằng việc:

Đáp án: c. Bán ra các sản phẩm riêng biệt, nhưng có thể thay thế nhau.

Giải thích: Sản phẩm có tính phân biệt (thương hiệu, bao bì...) nhưng vẫn phục vụ cùng một nhu cầu cơ bản nên có thể thay thế cho nhau.

- **Câu 5:** Doanh nghiệp trong ngành cạnh tranh độc quyền theo đuổi mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận sẽ sản xuất tại sản lượng:

Đáp án: c. $MR = MC$.

Giải thích: Quy tắc $MR = MC$ là điều kiện cốt lõi để tối đa hóa lợi nhuận cho mọi cấu trúc thị trường.

- **Câu 6:** Đặc điểm cơ bản của ngành cạnh tranh độc quyền là:

Đáp án: d. Cả hai câu đều đúng.

Giải thích: Có nhiều doanh nghiệp sản xuất sản phẩm dễ thay thế, và mỗi doanh nghiệp chỉ có khả năng hạn chế ảnh hưởng tới giá sản phẩm của mình.

- **Câu 7:** $I = 600$, $P_x = 10$, $P_y = 30$. $TU(x,y) = 2xy$. Phương án tiêu dùng tối ưu là:

Đáp án: c. $TU(x,y) = 600$.

Giải thích: Giải hệ $MU_x/P_x = MU_y/P_y$ và $10X + 30Y = 600$, ta được $X = 30$, $Y = 10$. Tổng hữu dụng $TU = 2 * 30 * 10 = 600$.

- **Câu 8:** Đường tiêu dùng theo giá là tập hợp các phương án tiêu dùng tối ưu giữa hai sản phẩm khi:

Đáp án: b. Chỉ có giá 1 sản phẩm thay đổi.

Giải thích: Theo định nghĩa, đường tiêu dùng theo giá thể hiện sự phản ứng của người tiêu dùng khi giá

của một hàng hóa thay đổi, trong khi thu nhập và giá hàng hóa kia không đổi.

- **Câu 9:** Tìm câu sai về đường đẳng ích:

Đáp án: c. Đường đẳng ích luôn có độ dốc bằng tỷ giá của 2 hàng hoá.

Giải thích: Độ dốc của đường đẳng ích là Tỷ lệ thay thế biên ($MRS = -MU_x/MU_y$), không phải là tỷ giá (P_x/P_y). Tỷ giá là độ dốc của đường ngân sách.

- **Câu 10:** $MU_x/P_x < MU_y/P_y$. Để đạt tổng lợi ích lớn hơn, Ông A sẽ điều chỉnh:

Đáp án: b. Mua sản phẩm X ít hơn và mua sản phẩm Y nhiều hơn.

Giải thích: 1 đồng chi cho Y mang lại nhiều hữu dụng hơn 1 đồng chi cho X, do đó người tiêu dùng nên tăng mua Y và giảm mua X.

Phần 2: Câu 11 - Câu 20

- **Câu 11:** Nguyên tắc để tối đa hóa hữu dụng:

Đáp án: c. Hữu dụng biên trên mỗi đơn vị tiền của các sản phẩm phải bằng nhau.

Giải thích: Điều kiện tối ưu là $MU_x/P_x = MU_y/P_y$.

- **Câu 12:** Đường đẳng ích biểu thị tất cả những phối hợp tiêu dùng...

Đáp án: d. Đạt được mức hữu dụng như nhau.

Giải thích: Đúng theo định nghĩa lý thuyết về đường bàng quan (đường đẳng ích).

- **Câu 13:** Đường thu nhập-tiêu dùng dốc lên, ta kết luận:

Đáp án: b. X và Y đều là hàng hóa thông thường.

Giải thích: Đường dốc lên cho thấy thu nhập tăng thì lượng tiêu dùng cả X và Y đều tăng, đặc trưng của hàng thông thường.

- **Câu 14:** Tìm câu đúng (về thặng dư tiêu dùng...):

Đáp án: d. Các câu trên đều sai.

Giải thích: Thặng dư tiêu dùng thực chất là phần diện tích nằm *dưới* đường cầu và *trên* giá thị trường, nên câu a sai. Các định nghĩa ở b và c cũng sai hoàn toàn.

- **Câu 15:** Các hệ thống kinh tế giải quyết các vấn đề cơ bản xuất phát từ đặc điểm:

Đáp án: d. Tài nguyên có giới hạn.

Giải thích: Sự khan hiếm tài nguyên là nguồn gốc của mọi vấn đề kinh tế buộc con người phải đưa ra sự lựa chọn.

- **Câu 16:** Khái niệm nào sau đây không thể lý giải bằng đường PPF:

Đáp án: b. Cung cầu.

Giải thích: Đường giới hạn khả năng sản xuất (PPF) biểu diễn sự khan hiếm và chi phí cơ hội, nhưng không xác định sự cân bằng cung cầu và giá cả.

- **Câu 17:** Chính phủ có giải pháp trước tình hình suy thoái kinh tế thuộc về:

Đáp án: d. Kinh tế vĩ mô, chuẩn tắc.

Giải thích: Suy thoái là vấn đề "vĩ mô". Việc đề ra "giải pháp" mang tính định hướng, chủ quan nên gọi là "chuẩn tắc".

- **Câu 18:** Điểm khác biệt căn bản giữa mô hình kinh tế hỗn hợp và kinh tế thị trường:

Đáp án: b. Nhà nước tham gia quản lý kinh tế.

Giải thích: Kinh tế hỗn hợp kết hợp cơ chế thị trường tự do và sự can thiệp điều tiết của Nhà nước.

- **Câu 19:** Doanh nghiệp phân biệt giá trên hai thị trường. $P_1 = -Q_1/10 + 120$, $P_2 = -Q_2/10 + 180$, $MC = Q$.

Đáp án: b. 110 và 165.

Giải thích: Dựa trên nguyên lý $MR_1 = MR_2 = MC$ để tối đa hóa tổng lợi nhuận, mức giá tương ứng thu

được trên 2 thị trường là 110 và 165.

- **Câu 20:** Mục tiêu doanh thu tối đa thỏa mãn điều kiện:

Đáp án: d. $MR = 0$.

Giải thích: Tổng doanh thu (TR) đạt cực đại khi đạo hàm của nó, tức doanh thu biên (MR), bằng 0.

Phần 3: Câu 21 - Câu 30

- **Câu 21:** $TC = Q^2 - 5Q + 100$, $P = -2Q + 55$. Tại mức sản lượng 13.75:

Đáp án: c. Tối đa hóa doanh thu.

Giải thích: $TR = -2Q^2 + 55Q \rightarrow MR = -4Q + 55$. Tại $Q = 13.75$ thì $MR = 0$, đạt tối đa hóa doanh thu.

- **Câu 22:** $TC = Q^2 + 60Q + 15000$, $P = -2Q + 180$. Mức giá để lợi nhuận tối đa:

Đáp án: a. 140.

Giải thích: $MR = -4Q + 180$; $MC = 2Q + 60$. Đặt $MR = MC \rightarrow Q = 20$. Thế vào hàm $P = -2(20) + 180 = 140$.

- **Câu 23:** Chính phủ quy định giá trần sẽ có lợi cho:

Đáp án: a. Người tiêu dùng.

Giải thích: Giá trần thường thấp hơn giá cân bằng, giúp người tiêu dùng mua được hàng với giá rẻ hơn.

- **Câu 24:** $P = -Q + 2400$. Tổng doanh thu tối đa là:

Đáp án: b. 1.440.000.

Giải thích: $MR = -2Q + 2400 = 0 \rightarrow Q = 1200$. $P = 1200$. $TR_{\max} = 1200 * 1200 = 1.440.000$.

- **Câu 25:** Doanh nghiệp độc quyền bán hàng trên nhiều thị trường tách biệt theo nguyên tắc:

Đáp án: b. $MR_1 = MR_2 = \dots = MR$.

Giải thích: Để tối đa lợi nhuận, doanh thu biên từ đơn vị cuối cùng bán ở các thị trường phải bằng nhau.

- **Câu 26:** $MR = -Q/10 + 1000$; $MC = Q/10 + 400$. Quy định mức giá buộc gia tăng sản lượng cao nhất:

Đáp án: a. $P = 800$.

Giải thích: Mức giá điều tiết có hiệu quả phân bổ cao nhất để tăng sản lượng thường được đặt tại mức $P = MC$ ($P = 800$).

- **Câu 27:** Ở mức sản lượng có chi phí trung bình tối thiểu:

Đáp án: d. $AC = MC$.

Giải thích: Đường MC luôn cắt đường AC tại điểm cực tiểu của đường AC.

- **Câu 28:** $TC = Q^2 + 20Q + 40.000$. Mức sản lượng tối ưu có chi phí trung bình (AC) cực tiểu:

Đáp án: c. 420.

Giải thích: $AC = Q + 20 + 40.000/Q$. AC đạt cực tiểu khi $Q = 200$, khi đó $AC = 200 + 20 + 200 = 420$.

- **Câu 29:** Hàm sản xuất có năng suất theo quy mô tăng dần:

Đáp án: b. $Q = aK^2 + bL^2$.

Giải thích: Hàm có bậc 2 đối với K và L, khi tăng yếu tố đầu vào lên t lần thì đầu ra tăng t^2 lần (lớn hơn t), thể hiện năng suất tăng dần theo quy mô.

- **Câu 30:** Độ dốc của đường đẳng phí là:

Đáp án: a. Tỷ số giá cả của 2 yếu tố sản xuất.

Giải thích: Phương trình đẳng phí $C = wL + rK$, độ dốc là $-w/r$ (tỷ giá giữa hai yếu tố đầu vào).

Phần 4: Câu 31 - Câu 40

- **Câu 31:** $Q = aX - bX^2$. Đường MPx dốc hơn đường APx:

Đáp án: d. Đường MPx dốc hơn đường APx.

Giải thích: $MP_x = a - 2bX$ (độ dốc $-2b$). $AP_x = a - bX$ (độ dốc $-b$). Giá trị tuyệt đối của độ dốc MP_x gấp đôi AP_x .

- **Câu 32:** $Q = \sqrt{K \cdot L}$. Năng suất theo quy mô:

Đáp án: d. Năng suất không đổi theo quy mô.

Giải thích: Dạng Cobb-Douglas $Q = K^{0.5} \cdot L^{0.5}$, tổng số mũ $= 0.5 + 0.5 = 1$, nên năng suất không đổi theo quy mô.

- **Câu 33:** $Q = \sqrt{L + 5K}$. Nếu gấp đôi yếu tố đầu vào:

Đáp án: c. Tăng lên ít hơn 2 lần.

Giải thích: $Q' = \sqrt{2L + 10K} = \sqrt{2} \cdot Q$. Do căn bậc hai của 2 nhỏ hơn 2, sản lượng tăng ít hơn 2 lần.

- **Câu 34:** $Q = 2K(L - 2)$. $P_K = 600$, $P_L = 300$. Mức sản lượng $Q = 784$, chi phí thấp nhất:

Đáp án: a. 17.400.

Giải thích: Giải hệ tối thiểu hóa chi phí ($MP_K/P_K = MP_L/P_L$) tìm được $K = 14$, $L = 30$. Tổng chi phí $C = 600 \cdot 14 + 300 \cdot 30 = 17.400$.

- **Câu 35:** Khi giá bán nhỏ hơn chi phí trung bình, doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn nên:

Đáp án: d. Chưa đủ thông tin để kết luận.

Giải thích: $P < AC$ doanh nghiệp đang lỗ, nhưng để quyết định có nên đóng cửa không cần so sánh P với chi phí biến đổi trung bình (AVC).

- **Câu 36:** Điểm hòa vốn và điểm đóng cửa (Dựa trên bảng số liệu):

Đáp án: c. $Q = 10$ và $Q = 14$.

Giải thích: Tính toán từ bảng, AC đạt cực tiểu tại ngưỡng $Q = 14$ (hòa vốn), và AVC đạt cực tiểu tại ngưỡng $Q = 10$ (đóng cửa).

- **Câu 37:** Thị trường cạnh tranh hoàn toàn, nếu giá các yếu tố không đổi, đường cung dài hạn của ngành:

Đáp án: a. Nằm ngang.

Giải thích: Đây là ngành có chi phí không đổi, mọi sự gia tăng sản lượng trong dài hạn được thực hiện bằng cách thêm doanh nghiệp mới tại mức giá không đổi ($P = \min LAC$).

- **Câu 38:** Điều kiện cân bằng dài hạn của một thị trường cạnh tranh hoàn toàn:

Đáp án: d. Các câu trên đều đúng.

Giải thích: Cân bằng dài hạn đạt được khi $P = LMC = SMC = MR$ và sản xuất tại quy mô tối ưu nhất ($LAC_{\min} = SAC_{\min}$).

- **Câu 39:** Đường cung dài hạn co giãn nhiều hơn trong ngắn hạn là do:

Đáp án: a. Sự gia nhập và rời khỏi ngành của các xí nghiệp.

Giải thích: Trong dài hạn, các doanh nghiệp có đủ thời gian để ra khỏi hoặc tham gia thị trường, làm cho lượng cung phản ứng linh hoạt hơn với giá.

- **Câu 40:** Giá trị trường là 16. Tổng lợi nhuận tối đa (Dựa trên bảng số liệu):

Đáp án: b. 88.

Giải thích: Sản xuất tại $P = MC = 16$ ứng với $Q = 18$. Tổng doanh thu ($16 \cdot 18 = 288$). Tổng chi phí TC tại $Q=18$ là 200. Lợi nhuận $= 288 - 200 = 88$.

Phần 5: Câu 41 - Câu 50

- **Câu 41:** Điều nào không phải là điều kiện cho cân bằng dài hạn của DN cạnh tranh hoàn toàn:

Đáp án: b. Thặng dư sản xuất bằng 0.

Giải thích: Trong dài hạn, lợi nhuận kinh tế bằng 0 nhưng thặng dư sản xuất (TR - TVC) thường vẫn lớn hơn không (bằng tổng định phí).

- **Câu 42:** $LTC = Q^2 + 100$. Mức sản lượng cân bằng dài hạn:

Đáp án: a. 10.

Giải thích: $LAC = Q + 100/Q$. Cân bằng dài hạn đạt được tại LAC min. Lấy đạo hàm $d(LAC)/dQ = 0 \rightarrow Q = 10$.

- **Câu 43:** TIDE giảm giá 10%, lượng cầu OMO giảm 15%. Độ co giãn chéo:

Đáp án: c. 1,5.

Giải thích: $Ed(\text{chéo}) = \% \text{ thay đổi lượng cầu OMO} / \% \text{ thay đổi giá TIDE} = (-15\%) / (-10\%) = 1.5$.

- **Câu 44:** Câu phát biểu nào sai:

Đáp án: d. Trong phần đường cầu co giãn nhiều, giá cả và doanh thu đồng biến.

Giải thích: Khi cầu co giãn nhiều ($|Ed| > 1$), nếu tăng giá sẽ làm giảm mạnh lượng mua, khiến tổng doanh thu giảm (nghịch biến chứ không phải đồng biến).

- **Câu 45:** Khi thu nhập dân chúng tăng lên, đối với hàng hóa thứ cấp (hàng xấu):

Đáp án: a. Giá thấp hơn và số lượng nhỏ hơn.

Giải thích: Thu nhập tăng làm cầu đối với hàng thứ cấp giảm (đường cầu dịch trái), dẫn đến cả giá và sản lượng cân bằng mới đều giảm.

- **Câu 46:** Giá điện tăng đã làm cho phần chi tiêu cho điện tăng lên. Cầu về điện là:

Đáp án: d. Co giãn ít.

Giải thích: Giá tăng làm tổng chi tiêu (TR) tăng chứng tỏ lượng tiêu thụ giảm với tỷ lệ phần trăm nhỏ hơn tỷ lệ tăng giá, tức là cầu co giãn ít ($|Ed| < 1$).

- **Câu 47:** Mặt hàng X có $Ed = -2$, giá X tăng. Lượng cầu của mặt hàng Y sẽ:

Đáp án: b. Tăng lên.

Giải thích: Cầu X co giãn nhiều. Khi giá X tăng, chi tiêu cho X giảm đi rất mạnh, phần ngân sách giải phóng được chuyển sang mua Y nhiều hơn. (Giả định Y là hàng thay thế hoặc hàng thông thường).

- **Câu 48:** Tại $P = 10$, $Q = 20$, $Ed = -1$. Hàm số cầu là:

Đáp án: c. $P = -Q/2 + 20$.

Giải thích: $Ed = -b * (P/Q) \rightarrow -1 = -b * (10/20) \rightarrow b = 2$. Dạng hàm $Q = a - 2P$. Thế ($P=10$, $Q=20$) vào $\rightarrow 20 = a - 20 \rightarrow a = 40$. Ta có $Q = -2P + 40$ hay $P = -Q/2 + 20$.

- **Câu 49:** Tại $P = 10$, $Q = 20$, $Es = 0.5$. Hàm số cung là:

Đáp án: a. $P = Q - 10$.

Giải thích: $Es = d * (P/Q) \rightarrow 0.5 = d * (10/20) \rightarrow d = 1$. Dạng hàm $Q = c + 1P$. Thế ($P=10$, $Q=20$) vào $\rightarrow 20 = c + 10 \rightarrow c = 10$. Ta có $Q = P + 10$ hay $P = Q - 10$.

- **Câu 50:** $Q_d = 180 - 3P$, $Q_s = 30 + 2P$. Đánh thuế lượng cân bằng giảm còn 78. Số tiền thuế là:

Đáp án: b. 10.

Giải thích: Tại mức $Q = 78$: Giá người mua chịu $P_d = (180 - 78)/3 = 34$. Giá người bán nhận $P_s = (78 - 30)/2 = 24$. Thuế $t = P_d - P_s = 34 - 24 = 10$.

Giải Chi Tiết 50 Câu Kinh Tế Vi Mô - Đề 4

- **X và Y là hai mặt hàng thay thế hoàn toàn và tỷ lệ thay thế biên $MRS_{xy} = -1$. Người tiêu dùng chắc chắn sẽ chỉ mua hàng Y khi:**
 - $P_x = P_y$
 - **$P_x > P_y$**
 - $P_x < P_y$
 - Các câu trên đều sai

Giải thích: Vì mức thỏa mãn là như nhau (thay thế 1:1), người tiêu dùng sẽ dồn tiền mua mặt hàng rẻ hơn. Do $P_x > P_y$, họ sẽ chỉ mua Y.
- **Giả sử người tiêu dùng dành hết thu nhập I để mua 2 loại hàng hoá X, Y với đơn giá là P_x , P_y và số lượng là x, y và đạt được lợi ích tối đa có:**
 - $MU_x \cdot P_x = MU_y \cdot P_y$
 - $MU_x / P_y = MU_y / P_x$
 - **$MU_x / P_x = MU_y / P_y$**
 - $MU_x \cdot P_x + MU_y \cdot P_y = I$
- **Một người dành một khoản thu nhập I = 600 ngàn đồng, chi tiêu hết cho 2 loại sản phẩm X và Y với $P_x = 10$ ngàn đồng/sp; $P_y = 30$ ngàn đồng/sp, hàm tổng lợi ích của người này là $TU(x,y) = 2xy$. Tại phương án tiêu dùng tối ưu, tổng hữu dụng là:**
 - $TU(x,y) = 2400$
 - $TU(x,y) = 300$
 - $TU(x,y) = 1200$
 - **$TU(x,y) = 600$**

Giải thích: $MU_x = 2y$, $MU_y = 2x$. Điều kiện tối ưu: $2y/10 = 2x/30 \Rightarrow x = 3y$. Ngân sách: $10x + 30y = 600$. Giải hệ ta có $y = 10$, $x = 30$. Vậy $TU = 2(30)(10) = 600$.
- **Giả sử người tiêu dùng dành hết thu nhập I để mua 2 loại hàng hoá X, Y với đơn giá là P_x , P_y và số lượng là x, y và đạt được lợi ích tối đa có:**
 - $MU_x / P_x = MU_y / P_y$
 - $MU_x / MU_y = P_x / P_y$
 - $MRS_{xy} = P_x / P_y$
 - **Các câu trên đều đúng**
- **Đường tiêu thụ giá cả là đường biểu thị mối quan hệ giữa:**
 - Giá của sản phẩm này và lượng của sản phẩm bổ sung cho nó.
 - **Giá sản phẩm và số lượng sản phẩm được mua.**
 - Giá sản phẩm và thu nhập của người tiêu thụ.
 - Thu nhập và số lượng sản phẩm được mua.
- **Một người tiêu thụ dành một số tiền là 2 triệu đồng / tháng để chi tiêu cho 2 sản phẩm X và Y với giá của X là 20.000 đồng và của Y là 50.000. Đường ngân sách của người này là:**
 - $X = 5Y / 2 + 100$
 - $Y = 2X / 5 + 40$
 - **Cả a và b đều sai**
 - Cả a và b đều đúng

Giải thích: PT đường ngân sách: $20X + 50Y = 2000 \Rightarrow 2X + 5Y = 200$. Viết lại: $Y = -2X/5 + 40$ hoặc $X = -5Y/2 + 100$. Các phương án a và b đều thiếu dấu âm (-) thể hiện độ dốc.
- **Trên thị trường của sản phẩm X có 2 người tiêu thụ A và B với hàm số cầu: $q_A = 13000 - 10P$, $q_B = 26000 - 20P$. Nếu giá thị trường là 1000 thì thặng dư tiêu dùng trên thị trường là:**
 - 2.700.000

- 675.000
- **1.350.000**

○ Không có câu nào đúng

*Giải thích: Hàm cầu thị trường $Q = q_A + q_B = 39000 - 30P$. $P_{max} = 1300$. Khi $P = 1000$, $Q = 9000$. $CS = 1/2 * (1300 - 1000) * 9000 = 1.350.000$.*

● **Tìm câu đúng trong các câu sau đây:**

- Đường tiêu thụ giá cả là một đường tập hợp những phối hợp tối đa hóa hữu dụng khi thu nhập thay đổi trong điều kiện các yếu tố khác không đổi.
- Đường tiêu thụ thu nhập là một đường tập hợp những phối hợp tối đa hóa hữu dụng khi giá cả thay đổi trong điều kiện các yếu tố khác không đổi.
- Thặng dư tiêu dùng trên thị trường là phần diện tích nằm bên dưới giá thị trường và bên trên đường cung thị trường.

○ **Các câu trên đều sai**

● **Một người tiêu thụ có thu nhập là 1000đvt, lượng cầu sản phẩm X là 10 sp, khi thu nhập tăng lên là 1200đvt, lượng cầu của sản phẩm X tăng lên là 13 sp, vậy sản phẩm X thuộc hàng:**

- Hàng thiết yếu
- **Hàng xa xỉ**
- Hàng thông thường
- Hàng cấp thấp

Giải thích: Hệ số co giãn của cầu theo thu nhập $E_I = (\% \Delta Q) / (\% \Delta I) = (3/10) / (200/1000) = 30\% / 20\% = 1.5 > 1 \Rightarrow$ Hàng xa xỉ.

● **Đối với một đường cầu sản phẩm X dạng tuyến tính thì:**

- **Độ co giãn cầu theo giá thay đổi, còn độ dốc thì không đổi tại các điểm khác nhau trên đường cầu.**
- Độ co giãn cầu theo giá không thay đổi, còn độ dốc thì thay đổi tại các điểm khác nhau trên đường cầu.
- Độ co giãn cầu theo giá và độ dốc là không đổi tại các điểm khác nhau trên đường cầu.
- Độ co giãn cầu theo giá không thay đổi còn độ dốc thì thay đổi tại các điểm khác nhau trên đường cầu.

● **Chính phủ đánh thuế vào mặt hàng X là 3000đ / sp, làm cho giá của sản phẩm tăng từ 15000 đ/sp lên 18000 đ/sp. Vậy mặt hàng X có cầu co giãn:**

- Ít
- Nhiều
- Co giãn hoàn toàn
- **Hoàn toàn không co giãn**

Giải thích: Giá tăng đúng bằng mức thuế chính phủ đánh vào (3000đ) nghĩa là người tiêu dùng gánh chịu 100% thuế. Điều này chỉ xảy ra khi cầu hoàn toàn không co giãn.

● **Hàm số cầu thị trường của một sản phẩm có dạng: $P = -Q/4 + 280$, từ mức giá $P = 200$ nếu giá thị trường giảm xuống thì tổng chi tiêu của người tiêu thụ sẽ:**

- Giảm xuống
- **Tăng lên**
- Không thay đổi
- Các câu trên đều sai

*Giải thích: Tại $P = 200 \Rightarrow Q = 320$. Độ co giãn $E_d = (dQ/dP) * (P/Q) = (-4) * (200/320) = -2.5$. Do $|E_d| > 1$ (cầu co giãn nhiều), khi giá giảm thì tổng doanh thu (chi tiêu) sẽ tăng lên.*

● **Mặt hàng X có độ co giãn cầu theo giá là $E_d = -2$, khi giá của X tăng lên trong điều kiện các yếu tố**

khác không đổi, thì lượng cầu của mặt hàng Y sẽ:

- Tăng lên
 - Giảm xuống
 - Không thay đổi
 - Các câu trên đều sai
- Giả sử hàm số cầu thị trường của một loại nông sản: $Q_d = -2P + 80$, và lượng cung nông sản trong mùa vụ là 50 sp. Nếu chính phủ trợ cấp cho người sản xuất là 2 đvt/sp thì tổng doanh thu của họ trong mùa vụ này là:
- 750
 - 850
 - 950
 - Không có câu nào đúng
- Giải thích: Cung cố định $Q = 50$. Cân bằng P : $50 = -2P + 80 \Rightarrow P = 15$. Do cung cố định, giá thị trường không đổi khi có trợ cấp. Người bán nhận $P = 15 + 2 = 17$. Tổng doanh thu $TR = 17 * 50 = 850$.*
- Suy thoái kinh tế toàn cầu đã làm giảm mức cầu dầu mỏ nên giá dầu mỏ giảm mạnh. Có thể minh họa sự kiện này trên đồ thị (trục tung ghi giá, trục hoành ghi lượng cầu) bằng cách:
- Vẽ một đường cầu có độ dốc âm
 - Vẽ đường cầu dịch chuyển sang phải
 - Vẽ đường cầu dịch chuyển sang trái
 - Vẽ một đường cầu thẳng đứng
- Nếu chính phủ đánh thuế trên mỗi đơn vị sản phẩm X là 3000 đồng làm cho giá cân bằng tăng từ 15000 đồng lên 16000 đồng, có thể kết luận sản phẩm X có cầu co giãn theo giá:
- Không co giãn.
 - Ít hơn so với cung.
 - Nhiều hơn so với cung.
 - Tương đương với cung.
- Giải thích: Giá tăng 1000đ nghĩa là người tiêu dùng chịu 1000đ, người sản xuất chịu 2000đ. Người tiêu dùng chịu ít thuế hơn chứng tỏ cầu co giãn nhiều hơn cung.*
- Một xí nghiệp sản xuất một loại sản phẩm X có hàm sản xuất có dạng: $Q = 2K(L - 2)$, trong đó K và L là hai yếu tố sản xuất có giá tương ứng $P_K = 600$ đvt, $P_L = 300$ đvt, tổng chi phí sản xuất 15.000 đvt. Vậy sản lượng tối đa đạt được:
- 480
 - 576
 - 560
 - Các câu trên đều sai
- Hàm tổng chi phí sản xuất của một doanh nghiệp như sau: $TC = Q^2 + 20Q + 40.000$, mức sản lượng tối ưu của doanh nghiệp tại đó có chi phí trung bình:
- 220
 - 420
 - 120
 - Các câu trên đều sai
- Giải thích: Mức sản lượng tối ưu là khi AC đạt cực tiểu. $AC = Q + 20 + 40000/Q$. Áp dụng BĐT Cauchy (hoặc lấy đạo hàm), min AC đạt tại $Q = 200$. Khi đó $AC = 200 + 20 + 40000/200 = 420$.*
- Phát biểu nào dưới đây không đúng:
- Với một loại hàng hóa có tỷ trọng phần chi tiêu trong ngân sách gia đình rất cao thì khi giá tăng 5%,

lượng cầu sẽ giảm nhiều hơn 5%.

- Trong ngắn hạn, chi phí về bao bì sản phẩm là một khoản chi phí cố định.
- Với một mặt hàng cấp thấp, khi thu nhập giảm thì cầu về nó sẽ tăng.
- Để khuyến khích ngành sản xuất X, Nhà nước nên đánh thuế các hàng hóa nhập ngoại có thể thay thế cho X.
- Hàm tổng chi phí sản xuất của một doanh nghiệp như sau: $TC = Q^2 + 40Q + 10.000$, chi phí trung bình ở mức sản lượng 1000 sp là:
 - 1.040
 - 2040
 - 1050
 - Các câu trên đều sai
- AC bằng 6 khi sản xuất 100 sản phẩm. MC không đổi và luôn bằng 2. Vậy TC để sản xuất 70 sản phẩm là:
 - 460
 - 140
 - 450
 - 540

Giải thích: $AC(100) = 6 \Rightarrow TC(100) = 600$. Vì $MC = 2 \Rightarrow TC = 2Q + FC$. Thay $Q=100$ vào $\Rightarrow 600 = 2(100) + FC \Rightarrow FC = 400$. Vậy hàm $TC = 2Q + 400$. Tại $Q=70$, $TC = 2(70) + 400 = 540$.

- Tìm câu sai trong các câu sau đây:
 - a. Các đường AC và AVC đều chịu ảnh hưởng của qui luật năng suất biên giảm dần
 - b. Khi MC giảm thì AVC cũng giảm
 - c. Đường AFC không chịu tác động của qui luật năng suất biên giảm dần
 - d. Khoảng cách giữa AC và AFC sẽ giảm khi doanh nghiệp tăng sản lượng
- Cho hàm sản xuất $Q = \sqrt{K.L}$. Đây là hàm sản xuất có:
 - a. Năng suất giảm dần theo qui mô
 - b. Không thể xác định được
 - c. Năng suất không đổi theo qui mô
 - d. Năng suất tăng dần theo qui mô
- Cho hàm số sản xuất $Q = K^a.L^{1-a}$. Phương trình biểu diễn tỷ lệ thay thế kỹ thuật biên của yếu tố vốn đối với lao động (thay thế K bằng L) là:
 - a. $|MRTS| = a * (K/L)$
 - b. $|MRTS| = (1-a) * (K/L)$
 - c. $|MRTS| = [(1-a)/a] * (K/L)$
 - d. Không có câu nào đúng
- Doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn với $P = 100 - 2Q$; $AC = 40$ (không đổi ứng với một mức sản lượng). Tại mức giá có lợi nhuận tối đa, độ co giãn của cầu đối với giá là:
 - a. -1/2
 - b. -3/7
 - c. -2
 - d. -7/3

Giải thích: AC không đổi $= 40 \Rightarrow MC = 40$. $MR = 100 - 4Q$. Tối đa hóa lợi nhuận khi $MR = MC \Rightarrow 100 - 4Q = 40 \Rightarrow Q = 15$. Giá $P = 100 - 2(15) = 70$. Độ co giãn $E_d = (dQ/dP) * (P/Q) = (-1/2) * (70/15) = -7/3$.

- Trong ngắn hạn của thị trường độc quyền hoàn toàn, câu nào sau đây chưa thể khẳng định:
 - a. Để có lợi nhuận tối đa luôn cung ứng tại mức sản lượng có cầu co giãn nhiều

- b. **Doanh nghiệp kinh doanh luôn có lợi nhuận.**
- c. Đường MC luôn cắt AC tại AC min
- d. Doanh thu cực đại khi $MR = 0$
- Một xí nghiệp độc quyền hoàn toàn tối đa hóa lợi nhuận ở mức giá là 20, có hệ số co giãn cầu theo giá là -2, vậy mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận tại đó có MC:
 - a. **10**
 - b. 40
 - c. 20
 - d. Các câu trên đều sai

*Giải thích: Dùng công thức hệ số Lerner: $MR = P * (1 + 1/E_d)$. Tối đa hóa lợi nhuận khi $MR = MC$. Suy ra $MC = 20 * (1 + 1/-2) = 20 * (1/2) = 10$.*
- Trong thị trường độc quyền hoàn toàn, mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận nằm ở phần đường cầu:
 - a. Co giãn ít
 - b. **Co giãn nhiều**
 - c. Co giãn đơn vị
 - d. Không co giãn
- Trong dài hạn của thị trường độc quyền hoàn toàn, xí nghiệp có thể thiết lập quy mô sản xuất:
 - a. Quy mô sản xuất tối ưu
 - b. Nhỏ hơn quy mô sản xuất tối ưu
 - c. Lớn hơn quy mô sản xuất tối ưu
 - d. **Các trường hợp trên đều có thể xảy ra.**
- Chính phủ ấn định giá trần (giá tối đa) đối với doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn sẽ làm cho:
 - a. Giá giảm
 - b. Có lợi cho chính phủ
 - c. Sản lượng tăng.
 - d. **Giá giảm và sản lượng tăng.**
- 31. Một doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn có hàm chi phí biên $MC = Q$, bán hàng trên hai thị trường có hàm số cầu như sau: $P_1 = - Q/10 + 120$, $P_2 = - Q/10 + 180$. Nếu doanh nghiệp phân biệt giá trên hai thị trường thì giá thích hợp trên hai thị trường là:
 - a. 109,09 và 163,63
 - b. **110 và 165**
 - c. 136,37 và 165
 - d. Các câu trên đều sai
- 32. Trong dài hạn của thị trường độc quyền hoàn toàn, sản lượng và quy mô sản xuất của doanh nghiệp phụ thuộc vào:
 - a. Nhu cầu thị trường của người tiêu thụ.
 - b. Điều kiện sản xuất của doanh nghiệp.
 - c. Cả a và b đều sai.
 - d. **Cả a và b đều đúng**
- 33. Khái niệm nào sau đây không thể lí giải bằng đường giới hạn khả năng sản xuất (PPF)
 - a. Sự khan hiếm.
 - b. **Cung cầu.**
 - c. Quy luật chi phí cơ hội tăng dần.

- d. Chi phí cơ hội
34. Cách thức chi tiêu của người tiêu thụ để tối đa thỏa mãn. Vấn đề này thuộc về
- Kinh tế vi mô, chuẩn tắc
 - Kinh tế vi mô, thực chứng.**
 - Kinh tế vĩ mô, thực chứng.
 - Kinh tế vĩ mô, chuẩn tắc.
35. Phát biểu nào sau đây không đúng:
- Hiệu quả trong việc sử dụng tài nguyên là phải sản xuất ra những sản phẩm sao cho thỏa mãn nhu cầu của xã hội và nằm trên đường giới hạn khả năng sản xuất.
 - Vấn đề lạm phát của nền kinh tế thuộc về kinh tế vĩ mô.
 - Trên thị trường, giá cả của hàng hóa là do người bán quyết định.**
 - Sự can thiệp của chính phủ vào nền kinh tế như thế nào thuộc về kinh tế học chuẩn tắc.
36. Qui luật nào sau đây quyết định dạng của đường giới hạn khả năng sản xuất ?
- Qui luật cung - cầu
 - Qui luật năng suất biên giảm dần**
 - Qui luật cầu
 - Qui luật cung
37. Cho biết số liệu về chi phí sản xuất của một doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn như sau. Điểm hòa vốn và điểm đóng cửa sản xuất của doanh nghiệp là những điểm tương ứng với các mức sản lượng: (Q: 0, 10, 12, 14, 16, 18, 20 | TC: 80, 115, 130, 146, 168, 200, 250)
- Q = 10 và Q = 12
 - Q = 10 và Q = 14**
 - Q = 12 và Q = 14
 - Không có câu nào đúng
38. Khi giá bán nhỏ hơn chi phí trung bình, doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn nên:
- Sản xuất ở mức sản lượng tại đó: $MR = MC$
 - Ngừng sản xuất.
 - Sản xuất ở mức sản lượng tại đó: $P = MC$
 - Các câu trên đều có thể xảy ra**
39. Điều kiện cân bằng dài hạn của một thị trường cạnh tranh hoàn toàn:
- Quy mô sản xuất của doanh nghiệp là quy mô sản xuất tối ưu
 - $SAC_{min} = LAC_{min}$
 - $LMC = SMC = MR = P$
 - Các câu trên đều đúng**
40. Điều nào sau đây không phải là điều kiện cho tình trạng cân bằng dài hạn của doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn:
- Lượng cung và lượng cầu thị trường bằng nhau.
 - Thặng dư sản xuất bằng 0**
 - Lợi nhuận kinh tế bằng 0.
 - Các doanh nghiệp ở trạng thái tối đa hóa lợi nhuận.
41. Trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn nếu các doanh nghiệp mới gia nhập làm cho lượng cầu yếu tố sản xuất tăng nhưng giá các yếu tố sản xuất không đổi thì đường cung dài hạn của ngành sẽ:
- Thẳng đứng

- b. Dốc lên trên
 - c. **Nằm ngang**
 - d. Dốc xuống dưới
42. Đường cung của ngành cạnh tranh hoàn toàn trong dài hạn có giãn nhiều hơn trong ngắn hạn là do:
- a. Các xí nghiệp trong ngành tăng giảm sản lượng bằng cách thay đổi số lượng các yếu tố sản xuất sử dụng
 - b. **Sự gia nhập và rời khỏi ngành của các xí nghiệp.**
 - c. Cả a và b đều đúng
 - d. Cả a và b đều sai
43. Đối với doanh nghiệp, khi tăng sản lượng tổng lợi nhuận bị giảm, cho biết:
- a. Doanh thu biên lớn hơn chi phí biên.
 - b. **Doanh thu biên nhỏ hơn chi phí biên.**
 - c. Doanh thu biên bằng chi phí biên.
 - d. Các câu trên đều sai.
44. Một doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn có hàm tổng chi phí dài hạn: $LTC = Q^2 + 100$, mức sản lượng cân bằng dài hạn của doanh nghiệp:
- a. 8
 - b. **10**
 - c. 100
 - d. 110
- Giải thích: Cân bằng dài hạn đạt tại cực tiểu của LAC (chi phí trung bình dài hạn). $LAC = LTC/Q = Q + 100/Q$. Áp dụng BĐT Cauchy (hoặc lấy đạo hàm = 0), ta có min LAC khi $Q = 100/Q \Rightarrow Q^2 = 100 \Rightarrow Q = 10$.*
45. Đặc điểm cơ bản của ngành cạnh tranh độc quyền là:
- a. Mỗi doanh nghiệp chỉ có khả năng hạn chế ảnh hưởng tới giá cả sản phẩm của mình
 - b. Có nhiều doanh nghiệp sản xuất ra những sản phẩm có thể dễ thay thế cho nhau
 - c. Cả hai câu đều sai
 - d. **Cả hai câu đều đúng**
46. Trong thị trường cạnh tranh độc quyền, trong ngắn hạn thì doanh nghiệp có thể:
- a. Luôn có lợi nhuận bằng không (hòa vốn)
 - b. Luôn thua lỗ
 - c. **Có lợi nhuận kinh tế hay thua lỗ**
 - d. Luôn có lợi nhuận kinh tế
47. Trong mô hình doanh nghiệp độc quyền nhóm có ưu thế về quy mô sản xuất, doanh nghiệp có ưu thế có thể quyết định sản lượng theo cách:
- a. Cạnh tranh hoàn toàn
 - b. Độc quyền hoàn toàn
 - c. **Cả a và b đều đúng**
 - d. Cả a và b đều sai
48. Trong “mô hình đường cầu gãy” (The kinked demand curve model) khi một doanh nghiệp giảm giá thì các doanh nghiệp còn lại sẽ:
- a. Không biết được
 - b. **Giảm giá**
 - c. Không thay đổi giá

- d. Tăng giá
49. Đường cầu của doanh nghiệp trong ngành cạnh tranh độc quyền:
- Là đường cầu nằm ngang song song trục sản lượng
 - Là đường cầu thẳng đứng song song trục giá
 - Là đường cầu của toàn bộ thị trường
 - Là đường cầu dốc xuống từ trái sang phải**
50. Trong “mô hình đường cầu gãy” (The kinked demand curve model), tại điểm gãy của đường cầu, khi doanh nghiệp có chi phí biên MC thay đổi thì:
- Giá P và sản lượng Q không đổi**
 - Giá P không đổi, sản lượng Q giảm
 - Giá P tăng, sản lượng Q không đổi
 - Giá P tăng, sản lượng Q giảm

GIẢI BÀI TẬP KINH TẾ VI MÔ - ĐỀ 5

1/ Cách thức chi tiêu của người tiêu thụ để tối đa thỏa mãn. Vấn đề này thuộc về

- Kinh tế vĩ mô, chuẩn tắc.
- Kinh tế vi mô, thực chứng**
- Kinh tế vĩ mô, thực chứng.
- Kinh tế vi mô, chuẩn tắc

Đáp án đúng: b

Giải thích: Cách thức chi tiêu để tối đa hóa lợi ích thuộc phạm trù nghiên cứu của kinh tế học vi mô, và mang tính thực chứng (mô tả/giải thích hành vi thực tế như nó vốn có).

2/ Điểm khác biệt căn bản giữa mô hình kinh tế hỗn hợp và mô hình kinh tế thị trường là:

- Nhà nước quản lý ngân sách.
- Nhà nước tham gia quản lý kinh tế.**
- Nhà nước quản lý các quỹ phúc lợi
- Các câu trên đều sai.

Đáp án đúng: b

Giải thích: Kinh tế hỗn hợp có sự điều tiết của cả thị trường (bàn tay vô hình) và nhà nước (bàn tay hữu hình).

3/ Khái niệm nào sau đây không thể lý giải bằng đường giới hạn khả năng sản xuất (PPF)

- Quy luật chi phí cơ hội tăng dần.
- Sự khan hiếm.
- Chi phí cơ hội

d. Cung cầu.

Đáp án đúng: d

Giải thích: Đường PPF minh họa sự khan hiếm (điểm nằm ngoài), chi phí cơ hội (độ dốc) và quy luật chi phí cơ hội tăng dần (đường cong lồi), nhưng không giải thích cung cầu.

4/ Phát biểu nào sau đây không đúng:

a. Sự can thiệp của chính phủ vào nền kinh tế như thế nào thuộc về kinh tế học chuẩn tắc.

b. Trên thị trường, giá cả của hàng hóa là do người bán quyết định.

c. Vấn đề lạm phát của nền kinh tế thuộc về kinh tế vĩ mô.

d. Hiệu quả trong việc sử dụng tài nguyên là phải sản xuất ra những sản phẩm sao cho thỏa mãn nhu cầu của xã hội và nằm trên đường giới hạn khả năng sản xuất.

Đáp án đúng: b

Giải thích: Sai vì: Giá cả trên thị trường được quyết định bởi sự tương tác giữa cả người mua (cầu) và người bán (cung), chứ không phải chỉ do người bán.

5/ Một người tiêu thụ dành một số tiền là 2 triệu đồng / tháng để chi tiêu cho 2 sản phẩm X và Y với giá của X là 20000 đồng và của Y là 50000. Đường ngân sách của người này là:

a. $X = 5Y / 2 + 100$

b. $Y = 2X / 5 + 40$

c. Cả a và b đều sai.

d. Cả a và b đều đúng.

Đáp án đúng: c

Giải thích: Phương trình ngân sách: $I = P_x \cdot X + P_y \cdot Y \Rightarrow 2.000.000 = 20.000X + 50.000Y \Rightarrow 200 = 2X + 5Y \Rightarrow Y = 40 - (2/5)X$. Không có phương án nào trùng khớp.

6/ Đường đẳng ích biểu thị tất cả những phối hợp tiêu dùng giữa hai loại sản phẩm mà người tiêu dùng:

a. Đạt được mức hữu dụng như nhau

b. Đạt được mức hữu dụng giảm dần

c. Đạt được mức hữu dụng tăng dần

d. Sử dụng hết số tiền mà mình có

Đáp án đúng: a

Giải thích: Đường đẳng ích (Indifference Curve) là tập hợp các giỏ hàng hóa mang lại cùng một mức thỏa mãn (hữu dụng) cho người tiêu dùng.

7/ Một người tiêu thụ dành một số tiền nhất định để chi tiêu cho 2 sản phẩm X và Y. Nếu X là loại hàng xa xỉ thì khi giá của X tăng lên và các yếu tố khác không đổi thì lượng hàng hóa của Y được mua sẽ:

a. Tăng

b. Giảm

c. Không thay đổi

d. Không xác định được.

Đáp án đúng: a

Giải thích: Khi giá X tăng, theo hiệu ứng thay thế người tiêu dùng sẽ mua ít X và nhiều Y hơn. Do X là hàng xa xỉ nên khi thu nhập thực tế giảm, lượng mua X cũng giảm mạnh nhường lại ngân sách để đảm bảo nhu cầu của Y, làm Y tăng.

8/ Đường tiêu thụ giá cả là đường biểu thị mối quan hệ giữa:

a. Giá của sản phẩm này và lượng của sản phẩm bổ sung cho nó.

b. Thu nhập và số lượng sản phẩm được mua.

c. Giá sản phẩm và thu nhập của người tiêu thụ.

d. Giá sản phẩm và số lượng sản phẩm được mua.

Đáp án đúng: d

Giải thích: Đường tiêu thụ giá cả (Price Consumption Curve) tập hợp các điểm phối hợp tối ưu chỉ ra số lượng sản phẩm được mua tương ứng với các mức giá sản phẩm thay đổi.

9/ Một người tiêu dùng dành một khoản tiền là 2000 \$ để mua hai sản phẩm X và Y, với $P_x = 200$ \$/sp và $P_y = 500$ \$/sp. Phương trình đường ngân sách có dạng:

a. $Y = 10 - (2/5)X$

b. $Y = 4 - (2/5)X$

c. $Y = 10 - 2,5X$

d. $Y = 4 - 2,5X$

Đáp án đúng: b

Giải thích: Phương trình ngân sách: $2000 = 200X + 500Y \Rightarrow 20 = 2X + 5Y \Rightarrow 5Y = 20 - 2X \Rightarrow Y = 4 - (2/5)X$.

10/ Giả sử người tiêu dùng dành hết thu nhập I để mua 2 loại hàng hoá X, Y với đơn giá là P_x, P_y và số lượng là x, y và đạt được lợi ích tối đa có:

a. $MU_x/P_x = MU_y/P_y$

b. $MRS_{xy} = P_x/P_y$

c. $MU_x/MU_y = P_x/P_y$

d. Các câu trên đều đúng

Đáp án đúng: d

Giải thích: Để tối đa hóa hữu dụng thì thỏa mãn điều kiện tỷ lệ thay thế biên bằng tỷ giá: $MRS_{xy} = P_x/P_y$, và tỷ lệ hữu dụng biên trên giá của các mặt hàng phải bằng nhau: $MU_x/P_x = MU_y/P_y$. Nên tất cả đều đúng.

11/ Đường biểu diễn các phối hợp khác nhau về số lượng của hai sản phẩm cùng đem lại cho một mức lợi ích như nhau cho người tiêu dùng được gọi là:

a. Đường đẳng lượng

b. Đường đẳng ích

c. Đường cầu

d. Đường ngân sách

Đáp án đúng: b

Giải thích: Đường biểu diễn các phối hợp khác nhau về số lượng của 2 sản phẩm đem lại cùng mức lợi ích/hữu dụng được gọi là đường đẳng ích.

12/ Đường ngân sách có dạng: $X = 30 - 2Y$. Nếu $P_x = 10$ thì:

a. $P_y = 10$ và $I = 300$

b. $P_y = 20$ và $I = 600$

c. $P_y = 10$ và $I = 900$

d. $P_y = 20$ và $I = 300$

Đáp án đúng: d

Giải thích: Từ phương trình $X = 30 - 2Y \Rightarrow X + 2Y = 30$. Nhân 2 vế với $P_x = 10 \Rightarrow 10X + 20Y = 300$. So sánh với phương trình gốc $P_x \cdot X + P_y \cdot Y = I$, suy ra $P_y = 20$ và $I = 300$.

13/ Trong thị trường độc quyền hoàn toàn: $MR = -Q/10 + 1000$; $MC = Q/10 + 400$. Nếu chính phủ quy định mức giá, buộc doanh nghiệp phải gia tăng sản lượng cao nhất, vậy mức giá đó là:

a. $P = 800$

b. $P = 600$

c. $P = 400$

d. tất cả đều sai

Đáp án đúng: a

Giải thích: Để buộc doanh nghiệp sản xuất sản lượng cao nhất mà không bị lỗ, giá trần sẽ được quy định tại điểm $P = AC$ hoặc $P = MC$ để tối ưu phân bổ. Xét $P=MC$: $-Q/20 + 1000 = Q/10 + 400 \Rightarrow Q = 4000 \Rightarrow P = 800$.

14/ Trong thị trường độc quyền hoàn toàn, chính phủ đánh thuế không theo sản lượng sẽ ảnh hưởng:

- a. Thuế người tiêu dùng và người sản xuất cùng gánh
- b. P tăng
- c. Q giảm

d. Tất cả các câu trên đều sai.

Đáp án đúng: d

Giải thích: Thuế khoán (lump-sum tax) làm tăng định phí (FC), nhưng không ảnh hưởng đến chi phí biên (MC), do đó sản lượng tối ưu và giá bán không đổi.

15/ Một doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn có hàm số cầu thị trường có dạng: $P = -Q + 2400$. Ở mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận có hệ số co giãn của cầu theo giá là -3, chi phí biên là 10. Vậy giá bán ở mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận:

- a. 20
- b. 15**
- c. 10
- d. Các câu trên đều sai

Đáp án đúng: b

Giải thích: Tại điểm tối đa hóa lợi nhuận $MR = MC$. Công thức $MR = P(1 + 1/Ed)$. Suy ra $10 = P(1 - 1/3) \Rightarrow 10 = 2P/3 \Rightarrow P = 15$.

16/ Khi chính phủ đánh thuế.....vào doanh nghiệp độc quyền thì người tiêu dùng sẽ trả một mức giá.....

- a. Theo sản lượng.....không đổi
- b. Khoáncao hơn.
- c. Theo sản lượng.....thấp hơn

d. Các câu trên đều sai.

Đáp án đúng: d

Giải thích: Đánh thuế khoán vào độc quyền làm tăng chi phí cố định (TFC), hoàn toàn không làm thay đổi MC, nên cả P và Q đều không đổi.

17/ Một doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn có hàm chi phí: $TC = Q^2/10 + 400Q + 3.000.000$, hàm số cầu thị trường có dạng: $P = -Q/20 + 2200$. Nếu chính phủ đánh thuế là 150đ/sp thì lợi nhuận tối đa của doanh nghiệp này đạt được là :

- a. 2.362.500
- b. 1.537.500**
- c. 2.400.000
- d. Các câu trên đều sai.

Đáp án đúng: b

Giải thích: Hàm chi phí mới có thuế $t=150$: $TC = Q^2/10 + 550Q + 3.000.000 \Rightarrow MC = Q/5 + 550$. Hàm cầu: $P = -Q/20 + 2200 \Rightarrow MR = -Q/10 + 2200$. Cho $MR = MC \Rightarrow Q = 5500$. Suy ra $P = 1925$. Lợi nhuận = $TR - TC = 1.537.500$.

18/ Một xí nghiệp độc quyền hoàn toàn tối đa hóa lợi nhuận ở mức giá là 20, có hệ số co giãn cầu theo giá là -2, vậy mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận tại đó có MC :

- a. 10**
- b. 20
- c. 40
- d. Các câu trên đều sai

Đáp án đúng: a

Giải thích: $MR = P(1 + 1/Ed) = 20(1 - 1/2) = 10$. Tối đa hóa lợi nhuận khi $MR = MC \Rightarrow MC = 10$.

19/ Một doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn có hàm số cầu thị trường có dạng: $P = -Q + 2400$. Tổng doanh thu tối đa của doanh nghiệp là:

a. 144000

b. 1.440.000

c. 14.400.000

d. Các câu trên đều sai

Đáp án đúng: b

*Giải thích: Tổng doanh thu (TR) đạt cực đại khi $MR = 0 \Rightarrow -2Q + 2400 = 0 \Rightarrow Q = 1200$. Thế vào hàm cầu $P = 1200$. $TR_{max} = 1200 * 1200 = 1.440.000$.*

20/ Trong ngắn hạn của thị trường độc quyền hoàn toàn, câu nào sau đây chưa thể khẳng định:

a. Doanh thu cực đại khi $MR = 0$

b. Doanh nghiệp kinh doanh luôn có lợi nhuận.

c. Đường MC luôn luôn cắt AC tại AC min

d. Để có lợi nhuận tối đa luôn cung ứng tại mức sản lượng có cầu co giãn nhiều

Đáp án đúng: b

Giải thích: Trong ngắn hạn, doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn có thể lãi, hòa vốn, hoặc chịu lỗ nếu mức giá P thấp hơn chi phí trung bình AC.

21/ Hiện nay chiến lược cạnh tranh chủ yếu của các xí nghiệp độc quyền nhóm là:

a. Cạnh tranh về sản lượng

b. Cạnh tranh về giá cả

c. Cạnh tranh về quảng cáo và các dịch vụ hậu mãi

d. Các câu trên đều sai

Đáp án đúng: c

Giải thích: Để tránh tổn thất lớn do chiến tranh giá cả, các xí nghiệp độc quyền nhóm thường tập trung cạnh tranh phi giá cả (quảng cáo, bao bì, dịch vụ hậu mãi).

22/ Trong “mô hình đường cầu gãy” (The kinked demand curve model) khi một doanh nghiệp giảm giá thì các doanh nghiệp còn lại sẽ:

a. Tăng giá

b. Giảm giá

c. Không biết được

d. Không thay đổi giá

Đáp án đúng: b

Giải thích: Trong mô hình đường cầu gãy, giá định cơ bản là các đối thủ sẽ lập tức giảm giá theo để giữ thị phần, nhưng sẽ lờ đi nếu một doanh nghiệp đơn lẻ tăng giá.

23/ Trong mô hình doanh nghiệp độc quyền nhóm có ưu thế về quy mô sản xuất, doanh nghiệp có ưu thế có thể quyết định sản lượng theo cách:

a. Độc quyền hoàn toàn

b. Cạnh tranh hoàn toàn

c. Cả a và b đều đúng

d. Cả a và b đều sai

Đáp án đúng: c

Giải thích: Doanh nghiệp thống trị có ưu thế về chi phí có thể lựa chọn định giá tối đa hóa lợi nhuận như vị thế độc quyền, hoặc định giá giới hạn (giống cạnh tranh) để loại đối thủ.

24/ Trong thị trường cạnh tranh độc quyền, trong ngắn hạn thì doanh nghiệp có thể:

a. Có lợi nhuận kinh tế hay thua lỗ

b. Luôn có lợi nhuận bằng không (hòa vốn)

c. Luôn thua lỗ

d. Luôn có lợi nhuận kinh tế

Đáp án đúng: a

Giải thích: Trong ngắn hạn, đặc tính của cạnh tranh độc quyền rất giống với độc quyền: doanh nghiệp vẫn có thể có lợi nhuận kinh tế dương, hòa vốn hoặc lỗ kinh tế.

25/ Trong “mô hình đường cầu gãy” (The kinked demand curve model), tại điểm gãy của đường cầu, khi doanh nghiệp có chi phí biên MC thay đổi thì:

a. Giá P tăng, sản lượng Q không đổi

b. Giá P tăng, sản lượng Q giảm

c. Giá P không đổi, sản lượng Q giảm

d. Giá P và sản lượng Q không đổi

Đáp án đúng: d

Giải thích: Tại điểm gãy của đường cầu, đường doanh thu biên (MR) bị gián đoạn. Nếu chi phí biên (MC) chỉ dao động trong khoảng đứt gãy này thì P và Q tối ưu vẫn không thay đổi.

26/ Đặc điểm cơ bản của ngành cạnh tranh độc quyền là:

a. Có nhiều doanh nghiệp sản xuất ra những sản phẩm có thể dễ thay thế cho nhau

b. Mỗi doanh nghiệp chỉ có khả năng hạn chế ảnh hưởng tới giá cả sản phẩm của mình

c. Cả hai câu đều sai

d. Cả hai câu đều đúng

Đáp án đúng: d

Giải thích: Đặc trưng cạnh tranh độc quyền: Nhiều người bán, sản phẩm có tính phân biệt (có thể thay thế nhưng không hoàn toàn) và mỗi người bán có một phần quyền định giá.

27/ Độ dốc của đường đẳng phí là:

a. Tỷ lệ thay thế kỹ thuật biên của 2 yếu tố sản xuất.

b. Tỷ số năng suất biên của 2 yếu tố sản xuất.

c. Tỷ số giá cả của 2 yếu tố sản xuất.

d. Các câu trên đều sai

Đáp án đúng: c

Giải thích: Đường đẳng phí (Isocost curve) có phương trình $TC = P_L \cdot L + P_K \cdot K$. Độ dốc của nó được xác định bằng tỷ số giá cả của hai yếu tố sản xuất (vd: $-P_L/P_K$).

28/ Trong các hàm sản xuất sau đây hàm số nào thể hiện tình trạng năng suất theo quy mô tăng dần:

a. $Q = 4K^{(1/2)} \cdot L^{(1/2)}$

b. $Q = K^{0.3} K^{0.3} L^{0.3}$

c. $Q = aK^2 + bL^2$

d. $Q = K^{0.4} L^{0.6}$

Đáp án đúng: c

Giải thích: Hàm $Q = aK^2 + bL^2$ có bậc đồng nhất là 2 (lớn hơn 1), do đó nó thể hiện năng suất tăng dần theo quy mô.

29/ Phát biểu nào sau đây đúng với khái niệm ngắn hạn trong kinh tế học:

a. Doanh nghiệp có thể thay đổi sản lượng.

b. Thời gian ngắn hơn 1 năm.

c. Tất cả các yếu tố sản xuất đều thay đổi.

d. Doanh nghiệp có thể thay đổi quy mô sản xuất

Đáp án đúng: a

Giải thích: Ngắn hạn là khoảng thời gian có ít nhất 1 yếu tố sản xuất là cố định. Doanh nghiệp chỉ có thể thay đổi sản lượng thông qua việc điều chỉnh các yếu tố sản xuất biến đổi.

30/ Hàm tổng chi phí sản xuất của một doanh nghiệp như sau: $TC = Q^2 + 40Q + 10.000$, chi phí trung bình ở mức sản lượng 1000 sp là:

a. 1050

b. 1.040

c. 2040

d. Các câu trên đều sai.

Đáp án đúng: a

Giải thích: $ATC = TC/Q = Q + 40 + 10000/Q$. Tại mức sản lượng $Q = 1000$, $ATC = 1000 + 40 + 10000/1000 = 1050$.

31/ Năng suất trung bình của 2 người lao động là 20, năng suất biên của người lao động thứ 3 là 17, vậy năng suất trung bình của 3 người lao động là:

a. 14

b. 18,5

c. 12,33

d. 19

Đáp án đúng: d

*Giải thích: Tổng SP của 2 người = $20 * 2 = 40$. Thêm người thứ 3 tạo ra thêm 17 đơn vị $\Rightarrow$ Tổng SP 3 người = $40 + 17 = 57$. Năng suất TB của 3 người = $57/3 = 19$.*

32/ Nếu đường tổng chi phí là một đường thẳng dốc lên về phía phải thì đường chi phí biên sẽ :

a. Dốc xuống

b. Nằm ngang

c. Dốc lên

d. Thẳng đứng

Đáp án đúng: b

Giải thích: $TC = aQ + b$ (đường thẳng dốc lên với $a > 0$). $MC = d(TC)/dQ = a$. Do a là một hằng số dương nên đường MC sẽ là một đường nằm ngang.

33/ Cùng một số vốn đầu tư, nhà đầu tư dự kiến lợi nhuận kế toán của 3 phương án A, B, C, lần lượt là 100 triệu, 50 triệu, 20 triệu, nếu phương án B được lựa chọn thì lợi nhuận kinh tế đạt được là:

a. 100 triệu

b. -50 triệu

c. 50 triệu

d. Các câu trên đều sai.

Đáp án đúng: b

Giải thích: Lợi nhuận kinh tế = Lợi nhuận kế toán - Chi phí cơ hội. Nếu chọn B (lời 50tr), chi phí cơ hội là phương án tốt nhất bị bỏ qua ($A = 100tr$). Lợi nhuận KT = $50 - 100 = -50$ triệu.

34/ Hàm tổng chi phí sản xuất của một doanh nghiệp như sau: $TC = Q^2 + 20Q + 40.000$, mức sản lượng tối ưu của doanh nghiệp tại đó có chi phí trung bình:

- a. 220
- b. 120
- c. 420**
- d. Các câu trên đều sai

Đáp án đúng: c

Giải thích: Mức sản lượng tối ưu có chi phí trung bình (AC) thấp nhất đạt tại $MC = AC \Rightarrow 2Q + 20 = Q + 20 + 40000/Q \Rightarrow Q = 200$. $AC = 200 + 20 + 40000/200 = 420$.

35/ Đối với doanh nghiệp, khi tăng sản lượng tổng lợi nhuận bị giảm, cho biết:

- a. Doanh thu biên lớn hơn chi phí biên.
- b. Doanh thu biên bằng chi phí biên.
- c. Doanh thu biên nhỏ hơn chi phí biên.**
- d. Các câu trên đều sai.

Đáp án đúng: c

Giải thích: Khi $MR < MC$, doanh thu thu thêm từ việc bán 1 đơn vị nhỏ hơn chi phí bỏ ra để sản xuất nó, do đó tổng lợi nhuận bị giảm sút.

36/ Hàm số cung cầu của một thị trường cạnh tranh hoàn toàn như sau: (S) $P = Q/20 + 10$, (D) $P = -Q/60 + 20$, nếu chính phủ đánh thuế vào sản phẩm 2 đ / sp , thì tổn thất vô ích của xã hội là :

- a. 60
- b. 240
- c. 30**
- d. Các câu trên đều sai

Đáp án đúng: c

*Giải thích: Cân bằng cung cầu: $Q/20 + 10 = -Q/60 + 20 \Rightarrow Q = 150$. Thuế 2đ/sp vào cung $\Rightarrow$ Hàm cung mới: $P = Q/20 + 12$. Cân bằng mới: $Q/20 + 12 = -Q/60 + 20 \Rightarrow Q' = 120$. $DWL = 0.5 * t * (Q - Q') = 0.5 * 2 * 30 = 30$.*

37/ Đường cung ngắn hạn của doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn là:

- a. Là nhánh bên phải của đường SMC.
- b. Phần đường SMC từ AVC min trở lên.**
- c. Phần đường SMC từ AC min trở lên.
- d. Các câu trên đều sai.

Đáp án đúng: b

Giải thích: Đường cung ngắn hạn của doanh nghiệp CTHH chính là phần đường chi phí biên (MC hay SMC) nằm từ điểm cực tiểu của đường chi phí biến đổi trung bình (AVC) trở lên.

38/ Trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn nếu các doanh nghiệp mới gia nhập làm cho lượng cầu yếu tố sản xuất tăng nhưng giá các yếu tố sản xuất không đổi thì đường cung dài hạn của ngành sẽ:

- a. Thẳng đứng
- b. Dốc xuống dưới
- c. Nằm ngang**
- d. Dốc lên trên

Đáp án đúng: c

Giải thích: Ngành có chi phí không đổi (giá các yếu tố sản xuất không đổi khi mở rộng quy mô) sẽ có đường cung dài hạn là một đường nằm ngang.

39/ Cho biết số liệu về chi phí sản xuất của một doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn như sau. Nếu giá trên thị trường là 16đ/sp, tổng lợi nhuận tối đa là

Q: 0 10 12 14 16 18 20

TC: 80 115 130 146 168 200 250

a. 88

b. 170

c. 120

d. Các câu trên đều sai

Đáp án đúng: a

*Giải thích: Tại $P = 16$. Doanh nghiệp tối đa hóa lợi nhuận khi $P = MC$. Từ bảng, sản xuất từ 16 lên 18 sản phẩm tốn thêm $(200-168) = 32đ \Rightarrow MC = 32/2 = 16$. Vậy $Q=18$. Lợi nhuận $= TR - TC = (16 * 18) - 200 = 88$.*

40/ Một doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn có hàm tổng chi phí $TC = 10Q^2 + 10Q + 450$, nếu giá trên thị trường là 210đ/sp. tổng lợi nhuận tối đa là

a. 1000

b. 1550

c. 550

d. Các câu trên đều sai.

Đáp án đúng: c

*Giải thích: $P = 210 \Rightarrow MC = 20Q + 10 = 210 \Rightarrow Q = 10$. $TR = 210 * 10 = 2100$. $TC = 10(100) + 10(10) + 450 = 1550$. Lợi nhuận max $= 2100 - 1550 = 550$.*

41/ Trên thị trường của sản phẩm X có 100 người mua và 50 người bán, hàm số cầu của mỗi người mua là như nhau có dạng: $P = -q / 2 + 20$, những người bán có hàm tổng chi phí như nhau: $TC = q^2 + 2q + 40$. Giá cân bằng trên thị trường:

a. 18

b. 7,2

c. 16,4

d. Các câu trên đều sai.

Đáp án đúng: a

Giải thích: Cầu thị trường (100 người): $Q_d = 100(-2P+40) = -200P + 4000$. Cung thị trường (50 người): Từ $TC \Rightarrow MC=2q+2$. Đặt $P=MC \Rightarrow q = 0.5P - 1 \Rightarrow Q_s = 50(0.5P - 1) = 25P - 50$. Cân bằng: $-200P + 4000 = 25P - 50 \Rightarrow P = 18$.

42/ Khi giá bán nhỏ hơn chi phí trung bình, doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn nên:

a. Sản xuất ở mức sản lượng tại đó: $MR = MC$

b. Sản xuất ở mức sản lượng tại đó: $P = MC$

c. Ngừng sản xuất.

d. Các câu trên đều có thể xảy ra

Đáp án đúng: d

Giải thích: Nếu $P < ATC$, doanh nghiệp đang chịu lỗ. Họ có thể quyết định sản xuất tiếp (nếu $P \geq AVC$) tại điểm $MR = MC$, hoặc ngừng sản xuất (nếu $P < AVC$). Do đó các tình huống trên đều có thể xảy ra.

43/ Khi thu nhập của người tiêu thụ tăng lên, lượng cầu của sản phẩm Y giảm xuống, với các yếu tố khác không đổi, điều đó cho thấy sản phẩm Y là :

a. Hàng thông thường.

b. Hàng xa xỉ

c. Hàng cấp thấp.

d. Hàng thiết yếu.

Đáp án đúng: c

Giải thích: Lượng cầu tỷ lệ nghịch với thu nhập (thu nhập tăng lượng cầu giảm) là đặc điểm kinh điển của hàng hóa cấp thấp (thứ cấp).

44/ Độ co giãn cầu theo giá phụ thuộc vào các nhân tố:

- a. Tính thay thế của sản phẩm.
- b. Sở thích thị hiếu của người tiêu dùng.
- c. Cả a và b đều sai.

d. Cả a và b đều đúng.

Đáp án đúng: d

Giải thích: Độ co giãn của cầu theo giá bị ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố: Tính thay thế, tỷ trọng chi tiêu, thời gian, và sở thích của người tiêu dùng.

45/ Khi thu nhập dân chúng tăng lên, các nhân tố khác không thay đổi. Giá cả & số lượng cân bằng mới của loại hàng hóa thứ cấp (hàng xấu) sẽ :

- a. Giá cao hơn và số lượng nhỏ hơn.
- b. Giá thấp hơn và số lượng nhỏ hơn.**
- c. Giá thấp hơn và số lượng lớn hơn.
- d. Giá cao hơn và số lượng không đổi.

Đáp án đúng: b

Giải thích: Hàng cấp thấp có lượng cầu giảm khi thu nhập tăng. Đường cầu dịch chuyển sang trái sẽ làm cho cả mức giá và số lượng cân bằng mới đều giảm (nhỏ hơn).

46/ Khi giá của Y tăng làm cho lượng cầu của X giảm trong điều kiện các yếu tố khác không đổi. Vậy 2 sản phẩm X và Y có mối quan hệ:

- a. Độc lập với nhau.
- b. Thay thế cho nhau.
- c. Bổ sung cho nhau.**
- d. Các câu trên đều sai.

Đáp án đúng: c

Giải thích: Giá Y tăng làm lượng cầu X giảm, tức là lượng tiêu thụ của chúng dịch chuyển cùng chiều => X và Y thường được tiêu dùng cùng nhau (hàng bổ sung).

47/ Suy thoái kinh tế toàn cầu đã làm giảm mức cầu dầu mỏ nên giá dầu mỏ giảm mạnh. Có thể minh họa sự kiện này trên đồ thị (trục tung ghi giá, trục hoành ghi lượng cầu) bằng cách:

- a. Vẽ đường cầu dịch chuyển sang trái**
- b. Vẽ một đường cầu có độ dốc âm
- c. Vẽ đường cầu dịch chuyển sang phải
- d. Vẽ một đường cầu thẳng đứng

Đáp án đúng: a

Giải thích: Sự sụt giảm nhu cầu do tác động ngoại sinh ngoài giá (suy thoái kinh tế) sẽ làm toàn bộ đường cầu dịch chuyển sang trái.

48/ Trường hợp nào sau đây làm cho đường cung xe gắn máy dịch chuyển sang trái:

- a. Thu nhập của người tiêu dùng tăng.
- b. Giá xăng tăng.
- c. Giá xe gắn máy tăng.
- d. Không có câu nào đúng.**

Đáp án đúng: d

Giải thích: A làm dịch chuyển cầu. B làm dịch cầu (xăng là hàng bổ sung). C chỉ tạo ra sự di chuyển dọc theo đường cung (không dịch chuyển). Vậy không có câu nào đúng.

49/ Một sản phẩm có hàm số cầu thị trường và hàm số cung thị trường lần lượt là $QD = -2P + 200$ và $QS = 2P -$

40. Bạn dự báo giá của sản phẩm này trên thị trường là:

- a. $P = 100$ \$b. $P = 80$ \$
- c. $P = 40$ \$d. $P = 60$ \$

Đáp án đúng: d

Giải thích: Cho lượng cầu bằng lượng cung: $Q_d = Q_s \Rightarrow -2P + 200 = 2P - 40 \Rightarrow 4P = 240 \Rightarrow P = 60$.

50/ Một người tiêu thụ có thu nhập là 1000đvt, lượng cầu sản phẩm X là 10 sp, khi thu nhập tăng lên là 1200đvt, lượng cầu của sản phẩm X tăng lên là 13 sp, vậy sản phẩm X thuộc hàng

- a. Hàng thông thường.
- b. Hàng thiết yếu
- c. Hàng cấp thấp.

d. Hàng xa xỉ

Đáp án đúng: d

Giải thích: Hệ số co giãn theo thu nhập $E_i = (\% \text{ thay đổi lượng}) / (\% \text{ thay đổi thu nhập}) = 30\% / 20\% = 1.5$. Vì $E_i > 1$, nên X là hàng hóa xa xỉ.

GIẢI CHI TIẾT ĐỀ THI KINH TẾ VI MÔ - ĐỀ 6

Câu 1: Khái niệm nào sau đây không thể lý giải bằng đường giới hạn khả năng sản xuất (PPF)

- a. Sự khan hiếm.
- b. Chi phí cơ hội
- c. Quy luật chi phí cơ hội tăng dần.
- d. Cung cầu.

Đáp án đúng: **d. Cung cầu.**

Giải thích: Đường PPF minh họa sự khan hiếm, chi phí cơ hội và quy luật chi phí cơ hội tăng dần. Không minh họa cung cầu.

Câu 2: Điểm khác biệt căn bản giữa mô hình kinh tế hỗn hợp và mô hình kinh tế thị trường là:

- a. Nhà nước tham gia quản lý kinh tế.
- b. Nhà nước quản lý các quỹ phúc lợi
- c. Nhà nước quản lý ngân sách.
- d. Các câu trên đều sai.

Đáp án đúng: **a. Nhà nước tham gia quản lý kinh tế.**

Giải thích: Mô hình kinh tế hỗn hợp là nền kinh tế thị trường có sự điều tiết, quản lý của Nhà nước.

Câu 3: Các hệ thống kinh tế giải quyết các vấn đề cơ bản: sản xuất cái gì? số lượng bao nhiêu? sản xuất như thế nào? sản xuất cho ai? xuất phát từ đặc điểm:

- a. Nguồn cung của nền kinh tế.
- b. Đặc điểm tự nhiên
- c. Nhu cầu của xã hội
- d. Tài nguyên có giới hạn.

Đáp án đúng: d. Tài nguyên có giới hạn.

Giải thích: Sự khan hiếm tài nguyên (có giới hạn) buộc các hệ thống kinh tế phải lựa chọn và giải quyết 3 vấn đề cơ bản.

Câu 4: Chọn lựa tại một điểm không nằm trên đường giới hạn khả năng sản xuất là:

- a. Không thể thực hiện được
- b. Thực hiện được nhưng nền kinh tế hoạt động không hiệu quả
- c. Không thể thực hiện được hoặc thực hiện được nhưng nền kinh tế hoạt động không hiệu quả
- d. Thực hiện được và nền kinh tế hoạt động hiệu quả

Đáp án đúng: c. Không thể thực hiện được hoặc thực hiện được nhưng nền kinh tế hoạt động không hiệu quả

Giải thích: Điểm nằm ngoài là không thể thực hiện. Điểm nằm trong là thực hiện được nhưng kém hiệu quả. Cả 2 đều "không nằm trên PPF".

Câu 5: Trong dài hạn, doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh độc quyền sẽ sản xuất tại sản lượng có:

- a. $MR = LMC = LAC$
- b. $LMC = SMC = MR = LAC = SAC$
- c. Chi phí trung bình AC là thấp nhất (cực tiểu)
- d. Chi phí trung bình AC chưa là thấp nhất (cực tiểu)

Đáp án đúng: d. Chi phí trung bình AC chưa là thấp nhất (cực tiểu)

Giải thích: Định lý năng lực thừa: Trong dài hạn, DN cạnh tranh độc quyền sản xuất ở mức sản lượng nhỏ hơn mức tối ưu (nơi AC cực tiểu).

Câu 6: Trong mô hình doanh nghiệp độc quyền nhóm có ưu thế về quy mô sản xuất, doanh nghiệp có ưu thế có thể quyết định sản lượng theo cách:

- a. Cạnh tranh hoàn toàn
- b. Độc quyền hoàn toàn
- c. Cả a và b đều đúng
- d. Cả a và b đều sai

Đáp án đúng: c. Cả a và b đều đúng

Giải thích: Nếu các DN cấu kết sẽ định giá như độc quyền. Nếu không cấu kết, DN ưu thế có thể cạnh tranh hoặc làm lãnh đạo giá.

Câu 7: Trong "mô hình đường cầu gãy" (The kinked demand curve model) khi một doanh nghiệp giảm giá thì các doanh nghiệp còn lại sẽ:

- a. Không biết được
- b. Tăng giá
- c. Giảm giá
- d. Không thay đổi giá

Đáp án đúng: c. Giảm giá

Giải thích: Các đối thủ sẽ giảm giá theo để không bị mất thị phần, tạo ra đoạn cầu kém co giãn ở mức giá thấp.

Câu 8: Đường cầu của doanh nghiệp trong ngành cạnh tranh độc quyền:

- a. Là đường cầu nằm ngang song song trục sản lượng
- b. Là đường cầu của toàn bộ thị trường
- c. Là đường cầu dốc xuống từ trái sang phải
- d. Là đường cầu thẳng đứng song song trục giá

Đáp án đúng: c. Là đường cầu dốc xuống từ trái sang phải

Giải thích: Do sản phẩm có sự khác biệt nên đường cầu của DN dốc xuống nhưng co giãn nhiều do có nhiều sản phẩm thay thế.

Câu 9: Trong thị trường cạnh tranh độc quyền, tại điểm cân bằng dài hạn có:

- a. Đường cầu mỗi doanh nghiệp là tiếp tuyến đường AC của nó ở mức sản lượng mà tại đó có $MR=MC$

- b. Mỗi doanh nghiệp đều tối đa hóa lợi nhuận nhưng chỉ hòa vốn.
- c. Sẽ không có thêm sự nhập ngành hoặc xuất ngành nào nữa
- d. Cả ba câu đều đúng

Đáp án đúng: d. Cả ba câu đều đúng

Giải thích: Đây là 3 đặc điểm nổi bật của trạng thái cân bằng dài hạn trong cạnh tranh độc quyền ($P=AC$, $MR=MC$, LN kinh tế = 0).

Câu 10: Doanh nghiệp trong ngành cạnh tranh độc quyền theo đuổi mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận sẽ sản xuất tại sản lượng:

- a. $AC=MC$
- b. $MR=MC$
- c. $AR=MC$
- d. $P=MC$

Đáp án đúng: b. $MR=MC$

Giải thích: Nguyên tắc tối đa hóa lợi nhuận chung cho mọi cấu trúc thị trường là $MR = MC$.

Câu 11: Đường Engel của người tiêu dùng đối với một mặt hàng có thể được suy ra từ đường:

- a. Đường đẳng ích
- b. Đường giá cả-tiêu dùng
- c. Đường thu nhập-tiêu dùng
- d. Đường ngân sách

Đáp án đúng: c. Đường thu nhập-tiêu dùng

Giải thích: Đường Engel thể hiện mối quan hệ giữa thu nhập và lượng cầu, được suy ra trực tiếp từ đường thu nhập - tiêu dùng (ICC).

Câu 12: Hàm hữu dụng 2 sản phẩm: $TU = X(Y - 1)$. Thu nhập $I = 1.000$, $P_x = 10$, $P_y = 10$. Tổng hữu dụng tối đa là:

- a. 2540,25
- b. 2450,25
- c. 2425,50

d. Không có câu nào đúng.

Đáp án đúng: b. 2450,25

Giải thích: Tối ưu: $MU_x/P_x = MU_y/P_y \Rightarrow (Y-1)/10 = X/10 \Rightarrow Y = X+1$. PTNS: $10X + 10Y = 1000 \Rightarrow X=49.5$, $Y=50.5$. $TU = 2450,25$.

Câu 13: Thặng dư tiêu dùng trên thị trường là:

- a. Chênh lệch giữa tổng số tiền tối đa mà NTD sẵn lòng trả với số tiền thực trả
- b. Là diện tích nằm phía dưới đường cầu và trên đường giá cân bằng
- c. a và b đều đúng
- d. a sai, b đúng

Đáp án đúng: c. a và b đều đúng

Giải thích: Thặng dư tiêu dùng (CS) có định nghĩa như câu a và thể hiện trên đồ thị như câu b.

Câu 15: Tìm câu đúng trong các câu sau đây:

- a. Thặng dư tiêu dùng là phần diện tích nằm bên dưới giá thị trường và bên trên đường cung
- b. Đường tiêu thụ giá là tập hợp phối hợp tối đa hóa hữu dụng khi thu nhập thay đổi
- c. Đường tiêu thụ thu nhập là tập hợp phối hợp tối đa hóa hữu dụng khi giá cả thay đổi
- d. Các câu trên đều sai

Đáp án đúng: d. Các câu trên đều sai

Giải thích: Câu a sai vì CS nằm trên giá, dưới cầu. Câu b, c sai vì định nghĩa bị ngược.

Câu 17: Người tiêu dùng mua X, Y với giá P_x , P_y đạt lợi ích tối đa có:

- a. $MU_x/P_x = MU_y/P_y$
- b. $MU_x/MU_y = P_x/P_y$
- c. $MRS_{xy} = P_x/P_y$
- d. Các câu trên đều đúng

Đáp án đúng: d. Các câu trên đều đúng

Giải thích: Cả 3 công thức đều là biến đổi toán học tương đương của điều kiện tối đa hóa hữu dụng.

Câu 18: Đối với sản phẩm cấp thấp, tác động thay thế và tác động thu nhập:

- a. Ngược chiều nhau
- b. Có thể cùng chiều hay ngược chiều
- c. Cùng chiều với nhau
- d. Các câu trên đều sai

Đáp án đúng: a. Ngược chiều nhau

Giải thích: Khi giá giảm, tác động thay thế làm tăng cầu, trong khi tác động thu nhập làm giảm cầu (vì sức mua tăng, giảm dùng hàng cấp thấp).

Câu 19: Ngành CTHT, nếu các DN mới gia nhập làm lượng cầu YTSX tăng nhưng giá YTSX ko đổi thì đường cung dài hạn sẽ:

- a. Dốc xuống dưới
- b. Nằm ngang
- c. Dốc lên trên
- d. Thẳng đứng

Đáp án đúng: b. Nằm ngang

Giải thích: Đây là ngành có chi phí không đổi. Giá cân bằng dài hạn không đổi nên đường cung dài hạn nằm ngang.

Câu 20: Đường cung của ngành CTHT trong dài hạn co giãn nhiều hơn trong ngắn hạn là do:

- a. Sự gia nhập và rời khỏi ngành của các xí nghiệp
- b. Các xí nghiệp trong ngành tăng giảm sản lượng bằng thay đổi yếu tố
- c. Cả a và b đều đúng
- d. Cả a và b đều sai

Đáp án đúng: a. Sự gia nhập và rời khỏi ngành của các xí nghiệp

Giải thích: Trong dài hạn, sự tự do gia nhập và rút lui khỏi ngành khiến phản ứng cung nhạy cảm hơn nhiều với giá.

Câu 21: Điều kiện nào sau đây KHÔNG PHẢI là điều kiện cân bằng dài hạn của DN cạnh tranh hoàn toàn:

- a. Lợi nhuận kinh tế bằng 0

- b. Các DN ở trạng thái tối đa hóa lợi nhuận
- c. Lượng cung và lượng cầu thị trường bằng nhau
- d. Thặng dư sản xuất bằng 0

Đáp án đúng: d. Thặng dư sản xuất bằng 0

Giải thích: Cân bằng dài hạn CTHT thì lợi nhuận kinh tế bằng 0, thặng dư sản xuất không nhất thiết phải dùng làm điều kiện cốt lõi ở đây.

Câu 22: Một DN CTHT có hàm $LTC = Q^2 + 64$, mức giá cân bằng dài hạn:

- a. 16
- b. 32
- c. 64
- d. 8

Đáp án đúng: a. 16

Giải thích: Cân bằng dài hạn $P = LAC \text{ min}$. $LAC = Q + 64/Q$, cực tiểu tại $Q=8 \Rightarrow LAC = 16 \Rightarrow P = 16$.

Câu 23: Một DN CTHT có hàm $LTC = Q^2 + 100$, mức sản lượng cân bằng dài hạn:

- a. 8
- b. 10
- c. 100
- d. 110

Đáp án đúng: b. 10

Giải thích: Cân bằng dài hạn $P = LAC \text{ min}$. $LAC = Q + 100/Q$, đạo hàm bằng 0 $\Rightarrow 1 - 100/Q^2 = 0 \Rightarrow Q=10$.

Câu 24: Đối với DN, khi tăng sản lượng tổng lợi nhuận tăng, cho biết:

- a. Doanh thu biên lớn hơn chi phí biên
- b. Doanh thu biên bằng chi phí biên
- c. Doanh thu biên nhỏ hơn chi phí biên
- d. Các câu trên đều sai

Đáp án đúng: a. Doanh thu biên lớn hơn chi phí biên

Giải thích: Lợi nhuận = $TR - TC$. Tăng Q làm lợi nhuận tăng nghĩa là $MR - MC > 0 \Rightarrow MR > MC$.

Câu 25: Giá thị trường = 16đ/sp. TC theo Q: Q=14(TC=146), Q=16(TC=168), Q=18(TC=200). Tổng LN tối đa là:

- a. 120
- b. 170
- c. 88
- d. Các câu trên đều sai

Đáp án đúng: c. 88

Giải thích: Tại Q=16: $LN = 16 \cdot 16 - 168 = 88$. Tại Q=18: $LN = 16 \cdot 18 - 200 = 88$. LN cực đại = 88.

Câu 26: Điều kiện cân bằng dài hạn của một thị trường cạnh tranh hoàn toàn:

- a. $LMC = SMC = MR = P$
- b. Quy mô sản xuất của DN là quy mô tối ưu
- c. $SAC_{min} = LAC_{min}$
- d. Các câu trên đều đúng

Đáp án đúng: d. Các câu trên đều đúng

Giải thích: Trong dài hạn, DN sản xuất tại điểm cực tiểu của LAC và SAC, đồng thời $P = MR = LMC = SMC$.

Câu 27: Nếu tỉ lệ SONY giảm giá 10%, lượng cầu TV JVC giảm 20% thì độ co giãn chéo của cầu theo giá là:

- a. 3
- b. 2
- c. 0,75
- d. -1,5

Đáp án đúng: b. 2

Giải thích: Độ co giãn chéo $E_{xy} = \% \text{Thay đổi } Q_{JVC} / \% \text{Thay đổi } P_{SONY} = -20\% / -10\% = 2$.

Câu 28: Hàm cầu $Q_x = 200 - 2P_x + 0.5P_y + 0.1I$. Tham số -2 đứng trước P_x là:

- a. Tham số biểu thị mức thay đổi Px khi Qx thay đổi 1 đv
- b. Tham số biểu thị quan hệ giữa Px với Qx
- c. Tham số biểu thị mức thay đổi Px khi Qx thay đổi 2 đv
- d. Tham số biểu thị mức thay đổi của Qx khi Px thay đổi 1 đơn vị

Đáp án đúng: d. Tham số biểu thị mức thay đổi của Qx khi Px thay đổi 1 đơn vị

Giải thích: Hệ số góc của Px cho biết sự thay đổi của lượng cầu Qx khi giá Px thay đổi 1 đơn vị (ở đây là giảm 2 đv).

Câu 29: Cầu: $Q_d = -2P + 80$. Lượng cung = 50. Trợ cấp = 2 đv/sp. Tổng doanh thu người SX:

- a. 950
- b. 850
- c. 750
- d. Không có câu nào đúng

Đáp án đúng: b. 850

Giải thích: Cân bằng: $50 = -2P + 80 \Rightarrow P=15$. DT từ NTD = $15 \cdot 50 = 750$. Chính phủ trợ cấp = $2 \cdot 50 = 100$. Tổng DT = 850.

Câu 31: Tại điểm A(P=10, Q=20), $E_d = -1$, hàm số cầu tuyến tính có dạng:

- a. $P = -Q/2 + 40$
- b. $P = -2Q + 40$
- c. $P = -Q/2 + 20$
- d. Các câu trên đều sai

Đáp án đúng: c. $P = -Q/2 + 20$

Giải thích: $E_d = a \cdot (P/Q) \Rightarrow -1 = a \cdot (10/20) \Rightarrow a = -2$. Hàm cầu $Q = -2P + b$. Thay $P=10, Q=20 \Rightarrow b=40$. $Q = -2P + 40$ hay $P = -Q/2 + 20$.

Câu 32: Giá điện tăng đã làm cho phần chi tiêu cho điện tăng lên, điều đó cho thấy cầu về điện là:

- a. Co giãn hoàn toàn
- b. Co giãn ít
- c. Co giãn đơn vị

d. Co giãn nhiều

Đáp án đúng: b. Co giãn ít

Giải thích: Giá tăng làm tổng chi tiêu (doanh thu) tăng, chứng tỏ lượng cầu giảm với tỷ lệ nhỏ hơn tỷ lệ tăng của giá -> Cầu co giãn ít.

Câu 34: Khi giá của Y tăng làm lượng cầu của X giảm (các yếu tố khác ko đổi). Vậy 2 sản phẩm X và Y là:

- a. Bổ sung cho nhau
- b. Thay thế cho nhau
- c. Độc lập với nhau
- d. Các câu trên đều sai

Đáp án đúng: a. Bổ sung cho nhau

Giải thích: Độ co giãn chéo âm (giá hàng này tăng làm giảm cầu hàng kia) chứng tỏ X và Y là hai hàng hóa bổ sung cho nhau.

Câu 35: Quy mô sản xuất tối ưu của một doanh nghiệp là quy mô sản xuất:

- a. Lớn
- b. Có chi phí trung bình thấp nhất ở tất cả các mức
- c. Có điểm cực tiểu của đường SAC tiếp xúc cực tiểu LAC
- d. Các câu trên đều sai

Đáp án đúng: c. Có điểm cực tiểu của đường SAC tiếp xúc cực tiểu LAC

Giải thích: Quy mô tối ưu đạt được khi đường chi phí trung bình ngắn hạn cực tiểu tiếp xúc với cực đại (cực tiểu) của đường dài hạn LAC.

Câu 36: Phát biểu nào sau đây không đúng:

- a. Khi sản lượng tăng thì chi phí cố định trung bình giảm dần
- b. Khi chi phí biên giảm dần thì chi phí trung bình cũng giảm dần
- c. Khi chi phí trung bình giảm dần thì chi phí biên cũng giảm dần
- d. Khi chi phí trung bình tăng thì chi phí biên tăng dần

Đáp án đúng: c. Khi chi phí trung bình giảm dần thì chi phí biên cũng giảm dần

Giải thích: AC giảm chỉ đòi hỏi MC nằm dưới AC, còn bản thân MC có thể đang tăng hoặc đang giảm, không bắt buộc MC phải giảm dần.

Câu 37: Sản lượng tối ưu của 1 quy mô sản xuất có hiệu quả là sản lượng có:

- a. MC min
- b. AFC min
- c. AVC min
- d. Các câu trên đều sai

Đáp án đúng: d. Các câu trên đều sai

Giải thích: Sản lượng tối ưu của một quy mô sản xuất hiệu quả là sản lượng đạt chi phí trung bình cực tiểu (AC min). Không có đáp án này.

Câu 38: Độ dốc của đường đẳng lượng là:

- a. Tỷ số năng suất biên của 2 yếu tố sản xuất
- b. Tỷ lệ thay thế kỹ thuật biên của 2 yếu tố sản xuất
- c. Cả a và b đều sai
- d. Cả a và b đều đúng

Đáp án đúng: d. Cả a và b đều đúng

Giải thích: Độ dốc đường đẳng lượng chính là Tỷ lệ thay thế kỹ thuật biên (MRTS), được tính bằng tỷ số năng suất biên của 2 yếu tố.

Câu 39: Phát biểu nào dưới đây không đúng:

- a. Để khuyến khích SX hàng X, NN nên đánh thuế hàng nhập thay thế
- b. Trong ngắn hạn, chi phí về bao bì sản phẩm là chi phí cố định
- c. Với mặt hàng cấp thấp, thu nhập giảm thì cầu tăng
- d. Hàng có tỷ trọng chi tiêu cao khi giá tăng 5% lượng cầu giảm >5%

Đáp án đúng: b. Trong ngắn hạn, chi phí về bao bì sản phẩm là chi phí cố định

Giải thích: Chi phí bao bì thay đổi tỷ lệ thuận với sản lượng nên nó là chi phí biến đổi (VC), không phải chi phí cố định (FC).

Câu 40: Cho hàm $Q = -2/3L^3 + 4L^2 + 10L$. Nên sử dụng L trong khoảng nào là hiệu quả nhất:

- a. $0 \rightarrow 3$
- b. $0 \rightarrow 5$
- c. $3 \rightarrow 5$
- d. $3 \rightarrow 7$

Đáp án đúng: c. $3 \rightarrow 5$

Giải thích: Giai đoạn hiệu quả là từ APL max đến $MPL = 0$. APL max tại $L=3$. $MPL = 0$ tại $L=5$. Khoảng hiệu quả là $3 \rightarrow 5$.

Câu 41: Phát biểu nào sau đây đúng với khái niệm ngắn hạn trong kinh tế học:

- a. Thời gian ngắn hơn 1 năm
- b. Doanh nghiệp có thể thay đổi quy mô
- c. Doanh nghiệp có thể thay đổi sản lượng
- d. Tất cả các yếu tố sản xuất đều thay đổi

Đáp án đúng: c. **Doanh nghiệp có thể thay đổi sản lượng**

Giải thích: Ngắn hạn là khi có ít nhất một yếu tố SX cố định (quy mô ko đổi), DN chỉ có thể thay đổi mức sản lượng thông qua yếu tố biến đổi.

Câu 42: $Q = 2K(L - 2)$. $P_k = 600$, $PL = 300$. $Q = 784$. Chi phí thấp nhất để thực hiện sản lượng trên là:

- a. 15.000
- b. 14.700
- c. 17.400
- d. Các câu trên đều sai

Đáp án đúng: c. **17.400**

Giải thích: $MPK/P_k = MPL/PL \Rightarrow 2(L-2)/600 = 2K/300 \Rightarrow L = 2K+2$. Thay vào Q : $4K^2 = 784 \Rightarrow K=14$, $L=30$.
 $TC = 600 \cdot 14 + 300 \cdot 30 = 17.400$.

Câu 43: Thị trường độc quyền hoàn toàn với cầu $P = -Q/10 + 2000$, để đạt lợi nhuận tối đa DN cung ứng tại:

- a. $Q < 10.000$

- b. $Q = 10.000$
- c. $Q = 20.000$
- d. Q với điều kiện $MP = MC = P$

Đáp án đúng: a. $Q < 10.000$

Giải thích: Độc quyền luôn bán ở đoạn cầu co giãn ($MR > 0$). $MR = -Q/5 + 2000 > 0 \Rightarrow Q < 10.000$.

Câu 44: Trong thị trường độc quyền hoàn toàn, chính phủ đánh thuế không theo sản lượng sẽ ảnh hưởng:

- a. Người tiêu dùng và người SX cùng gánh
- b. Q giảm
- c. P tăng
- d. Tất cả các câu trên đều sai

Đáp án đúng: d. Tất cả các câu trên đều sai

Giải thích: Thuế không theo sản lượng (như thuế khoán) không ảnh hưởng đến MC , nên Q và P cân bằng không đổi.

Câu 45: Khi chính phủ đánh thuế... vào DN độc quyền thì người tiêu dùng sẽ trả một mức giá...

- a. Khoán ... cao hơn
- b. Theo sản lượng ... không đổi
- c. Theo sản lượng ... thấp hơn
- d. Các câu trên đều sai

Đáp án đúng: d. Các câu trên đều sai

Giải thích: Thuế khoán không làm thay đổi giá. Thuế theo sản lượng làm MC tăng nên giá sẽ cao hơn. Các lựa chọn đều sai.

Câu 46: DN có $TC = Q^2/10 + 400Q + 3.000.000$, $P = -Q/20 + 2200$. Thuế 150đ/sp. Lợi nhuận tối đa là:

- a. 1.537.500
- b. 2.400.000
- c. 2.362.500
- d. Các câu trên đều sai

Đáp án đúng: a. 1.537.500

Giải thích: Thuế 150/sp $\rightarrow$ MC mới $= Q/5 + 550$. $MR = -Q/10 + 2200$. Cân bằng: $Q=5500$, $P=1925$. Lợi nhuận = $TR - TC$ mới $= 1.537.500$.

Câu 47: Mục tiêu doanh thu tối đa của doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn phải thỏa mãn điều kiện:

- a. $MR = MC$
- b. $MR = 0$
- c. $P = MC$
- d. $TR = TC$

Đáp án đúng: b. $MR = 0$

Giải thích: Tổng doanh thu đạt cực đại khi đạo hàm của nó theo Q (tức là Doanh thu biên - MR) bằng 0.

Câu 48: Độc quyền tối đa hóa lợi nhuận ở mức giá là 20, có hệ số co giãn cầu $Ed = -2$. Mức sản lượng đó có MC là:

- a. 20
- b. 10
- c. 40
- d. Các câu trên đều sai

Đáp án đúng: b. 10

Giải thích: Để LN tối đa: $MR = MC$. $MR = P(1 + 1/Ed) = 20(1 - 1/2) = 10$. Do đó, $MC = 10$.

Câu 49: Một DN độc quyền có nhiều cơ sở sản xuất, phân phối sản lượng cho các cơ sở theo nguyên tắc:

- a. $AC_1 = AC_2 = \dots = AC$
- b. $AR_1 = AR_2 = \dots = AR$
- c. $MR_1 = MR_2 = \dots = MR$
- d. Các câu trên đều sai

Đáp án đúng: d. Các câu trên đều sai

Giải thích: Nguyên tắc phân bổ tối ưu giữa các nhà máy là: $MC_1 = MC_2 = \dots = MC_n = MR$ chung.

Câu 50: Giải pháp can thiệp của Chính phủ đối với DN độc quyền buộc gia tăng sản lượng cao nhất:

- a. Quy định giá trần bằng giao điểm đường cầu và MC
- b. Đánh thuế theo sản lượng
- c. Quy định giá trần bằng với MR
- d. Đánh thuế không theo sản lượng

Đáp án đúng: a. Quy định giá trần bằng giao điểm đường cầu và MC

Giải thích: Khi giá trần $P = MC$ (giá cạnh tranh), DN độc quyền buộc phải mở rộng sản lượng đến mức hiệu quả xã hội (mức sản lượng lớn nhất).

ĐỀ 02 - 50 CÂU TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Một doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn có hàm chi phí: $TC = Q^2 - 5Q + 100$, hàm số cầu thị trường có dạng: $P = -2Q + 55$. Ở mức sản lượng 13,75 sp thì doanh nghiệp:

- a. Tối đa hóa doanh thu.
- b. Tối đa hóa sản lượng mà không bị lỗ.
- c. Tối đa hóa lợi nhuận.
- d. Các câu trên đều sai.

⇒ **Đáp án đúng: a**

Lời giải chi tiết: Hàm tổng doanh thu $TR = P * Q = (-2Q + 55) * Q = -2Q^2 + 55Q$. Doanh nghiệp đạt doanh thu cực đại khi doanh thu biên $MR = 0 \Rightarrow d(TR)/dQ = -4Q + 55 = 0 \Rightarrow Q = 13,75$ sản phẩm.

Câu 2: Doanh nghiệp độc quyền bán phân chia khách hàng thành 2 nhóm, cho biết phương trình đường cầu của 2 nhóm này lần lượt là: $Q_1 = 100 - (2/3)P_1$; $Q_2 = 160 - (4/3)P_2$; tổng chi phí sản xuất của doanh nghiệp độc quyền $TC = 30Q + 100$. Để đạt mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận, và không thực hiện chính sách phân biệt giá, thì mức giá và sản lượng (P và Q) chung trên 2 thị trường lúc này là:

- a. $P = 75$; $Q = 60$
- b. $P = 90$; $Q = 40$
- c. $P = 80$; $Q = 100$
- d. Tất cả đều sai.

⇒ **Đáp án đúng: c**

Lời giải chi tiết: Khi không phân biệt giá, đường tổng cầu thị trường thu được bằng cách cộng theo chiều ngang: $Q = Q_1 + Q_2 = (100 - 2/3P) + (160 - 4/3P) = 260 - 2P \Rightarrow P = 130 - 0,5Q$. Doanh thu biên tương ứng là $MR = 130 - Q$. Chi phí biên từ hàm TC là $MC = d(TC)/dQ = 30$. Điều kiện tối đa hóa lợi nhuận: $MR = MC \Rightarrow 130 - Q = 30 \Rightarrow Q = 100$. Thế vào hàm cầu chung thu được $P = 130 - 0,5*(100) = 80$.

Câu 3: Trong thị trường độc quyền hoàn toàn, mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận nằm ở phần đường cầu:

- a. Không co giãn
- b. Co giãn ít
- c. Co giãn đơn vị
- d. Co giãn nhiều

⇒ **Đáp án đúng: d**

*Lời giải chi tiết: Ta có mối quan hệ giữa doanh thu biên và độ co giãn của cầu: $MR = P * (1 - 1/|Ed|)$. Do chi phí biên MC luôn dương ($MC > 0$), điều kiện tối đa hóa lợi nhuận yêu cầu $MR = MC > 0$. Để $MR > 0$ thì bắt buộc về $(1 - 1/|Ed|) > 0 \Rightarrow |Ed| > 1$. Điều này chứng tỏ doanh nghiệp độc quyền luôn sản xuất ở miền cầu co giãn nhiều.*

Câu 4: Trong ngắn hạn của thị trường độc quyền hoàn toàn, câu nào sau đây chưa thể khẳng định:

- a. Đường MC luôn luôn cắt AC tại AC min
- b. Để có lợi nhuận tối đa luôn cung ứng tại mức sản lượng có cầu co giãn nhiều
- c. Doanh nghiệp kinh doanh luôn có lợi nhuận
- d. Doanh thu cực đại khi $MR = 0$

⇒ **Đáp án đúng: c**

Lời giải chi tiết: Trong ngắn hạn, sức mua của thị trường sụt giảm hoặc chi phí cố định ban đầu quá lớn có thể khiến doanh nghiệp độc quyền bị thua lỗ nếu đường chi phí trung bình (AC) nằm hoàn toàn phía trên đường cầu ($P < AC$ ở mọi mức sản lượng). Do đó, không thể khẳng định chắc chắn độc quyền bán thì luôn có lợi nhuận trong ngắn hạn.

Câu 5: Giải pháp can thiệp nào của Chính phủ đối với doanh nghiệp trong thị trường độc quyền hoàn toàn buộc doanh nghiệp phải gia tăng sản lượng cao nhất:

- a. Đánh thuế theo sản lượng.
- b. Quy định giá trần bằng với MR.
- c. Đánh thuế không theo sản lượng.
- d. Quy định giá trần bằng với giao điểm giữa đường cầu và đường MC.

⇒ **Đáp án đúng: d**

Lời giải chi tiết: Quy định giá trần tại giao điểm của đường cầu và đường chi phí biên MC ($P = MC$) sẽ xóa bỏ hoàn toàn sức mạnh độc quyền, biến đường doanh thu biên của doanh nghiệp thành một đường nằm ngang tại mức giá trần. Khi đó doanh nghiệp buộc phải mở rộng sản lượng đạt đến quy mô tối đa bằng với mức sản lượng trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn, giải quyết được phần tổn thất vô cơ (Deadweight loss) cho xã hội.

Câu 6: Phát biểu nào sau đây không đúng:

- a. Hệ số góc của đường doanh thu biên gấp đôi hệ số góc của đường cầu
- b. Chính phủ đánh thuế lợi tức đối với doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn sẽ làm cho giá và sản lượng không đổi
- c. Đường tổng doanh thu của độc quyền hoàn toàn là một hàm bậc 2
- d. Mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận của doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn tại đó $P = MC$

⇒ **Đáp án đúng: d**

Lời giải chi tiết: Phát biểu d sai vì điều kiện tối đa hóa lợi nhuận của doanh nghiệp độc quyền luôn là $MR =$

MC. Do đặc thù đường cầu dốc xuống, mức giá bán P luôn lớn hơn doanh thu biên MR ở mọi sản lượng dương, suy ra tại điểm tối ưu ta có $P > MC$ chứ không bằng MC .

Câu 7: Một doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn có hàm chi phí: $TC = Q^2/10 + 400Q + 3.000.000$, hàm số cầu thị trường có dạng: $P = -Q/20 + 2200$. Nếu chính phủ đánh thuế là 150đ/sp thì lợi nhuận tối đa của doanh nghiệp này đạt được là:

- a. 1.537.500
- b. 2.400.000
- c. 2.362.500
- d. Các câu trên đều sai.

⇒ **Đáp án đúng: a**

Lời giải chi tiết: Khi bị đánh thuế theo sản lượng $t = 150$, hàm tổng chi phí mới là $TC_t = TC + t \cdot Q = Q^2/10 + 550Q + 3.000.000 \Rightarrow MC_t = Q/5 + 550$. Từ hàm cầu $P = -Q/20 + 2200 \Rightarrow MR = -Q/10 + 2200$. Đặt $MR = MC_t \Rightarrow -Q/10 + 2200 = Q/5 + 550 \Rightarrow 0,3Q = 1650 \Rightarrow Q = 5500$ sản phẩm. Giá bán tương ứng $P = -5500/20 + 2200 = 1925$. Tổng lợi nhuận tối đa $= TR - TC_t = (1925 \cdot 5500) - [(5500^2)/10 + 400 \cdot (5500) + 3.000.000 + 150 \cdot (5500)] = 10.587.500 - 9.050.000 = 1.537.500$.

Câu 8: Một doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn có hàm số cầu thị trường có dạng: $P = -Q + 2400$. Ở mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận có hệ số co giãn của cầu theo giá là -3, chi phí biên là 10. Vậy giá bán ở mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận:

- a. 20
- b. 10
- c. 15
- d. Các câu trên đều sai

⇒ **Đáp án đúng: c**

Lời giải chi tiết: Sử dụng công thức định giá độc quyền dựa trên hệ số co giãn: $MR = P \cdot (1 + 1/Ed)$. Tại điểm tối đa hóa lợi nhuận, doanh nghiệp thiết lập $MR = MC = 10$. Do đó ta có phương trình: $10 = P \cdot (1 + 1/(-3)) \Rightarrow 10 = P \cdot (2/3) \Rightarrow P = 15$.

Câu 9: Tỷ lệ thay thế biên giữa 2 sản phẩm X và Y (MRS_{xy}) thể hiện:

- a. Tỷ lệ đánh đổi giữa 2 sản phẩm trên thị trường
- b. Độ dốc của đường ngân sách
- c. Tỷ giá giữa 2 sản phẩm
- d. Tỷ lệ đánh đổi giữa 2 sản phẩm trong tiêu dùng khi tổng hữu dụng không đổi

⇒ **Đáp án đúng: d**

Lời giải chi tiết: Theo lý thuyết hành vi người tiêu dùng, tỷ lệ thay thế biên MRS_{xy} đo lường lượng hàng hóa Y mà người tiêu dùng sẵn lòng từ bỏ để tiêu dùng thêm một đơn vị hàng hóa X mà vẫn giữ nguyên tổng mức hữu dụng (thỏa mãn), tức là di chuyển dọc trên cùng một đường đẳng ích.

Câu 10: Trên hệ trục 2 chiều thông thường, số lượng mặt hàng X biểu diễn ở trục hoành, số lượng mặt hàng Y biểu diễn ở trục tung. Khi thu nhập thay đổi, các yếu tố khác không đổi, đường thu nhập - tiêu dùng là một đường dốc lên, ta có thể kết luận gì về hai hàng hóa này đối với người tiêu dùng:

- a. X là hàng hóa thông thường, Y là hàng hóa cấp thấp.
- b. X và Y đều là hàng hóa thông thường.
- c. X và Y đều là hàng hóa cấp thấp.

d. X là hàng hóa cấp thấp, Y là hàng hóa thông thường.

⇒ **Đáp án đúng: b**

Lời giải chi tiết: Đường thu nhập - tiêu dùng (Income-Consumption Curve) dốc lên từ trái sang phải chỉ ra rằng khi thu nhập của cá nhân tăng lên, lượng tiêu dùng tối ưu đối với cả hai mặt hàng X và Y đều đồng thời tăng trưởng. Theo định nghĩa, hàng hóa có lượng cầu đồng biến với thu nhập chính là hàng hóa thông thường.

Câu 11: Đối với sản phẩm cấp thấp, tác động thay thế và tác động thu nhập:

- a. Có thể cùng chiều hay ngược chiều
- b. Ngược chiều nhau
- c. Cùng chiều với nhau
- d. Các câu trên đều sai

⇒ **Đáp án đúng: b**

Lời giải chi tiết: Khi giá của một loại hàng hóa cấp thấp sụt giảm, tác động thay thế luôn thúc đẩy người tiêu dùng mua nhiều hàng hóa này hơn do nó rẻ tương đối (tác động mang tính dương). Tuy nhiên, giá giảm đồng nghĩa thu nhập thực tế tăng, đối với hàng cấp thấp khi thu nhập thực tế tăng thì người ta có xu hướng giảm tiêu thụ (tác động mang tính âm). Do đó, hai tác động này ngược chiều nhau.

Câu 12: Tỷ lệ thay thế biên giữa hai mặt hàng X và Y được thể hiện là:

- a. Độ dốc của đường đẳng ích
- b. Tỷ lệ giá cả của hai loại hàng hóa X và Y
- c. Độ dốc của đường tổng hữu dụng
- d. Độ dốc của đường ngân sách

⇒ **Đáp án đúng: a**

Lời giải chi tiết: Trị tuyệt đối độ dốc tại bất kỳ điểm nào trên đường đẳng ích (đường bàng quan) phản ánh tỷ lệ mà người tiêu dùng sẵn sàng hoán đổi hàng hóa này lấy hàng hóa khác mà không thay đổi mức độ thỏa mãn. Vì vậy, MRS_{XY} chính là độ dốc đường đẳng ích.

Câu 13: Giả sử người tiêu dùng dành hết thu nhập I để mua 2 loại hàng hóa X, Y với đơn giá là P_X , P_Y và số lượng là x, y và đạt được lợi ích tối đa có:

- a. $MU_X / MU_Y = P_X / P_Y$
- b. $MRS_{XY} = P_X / P_Y$
- c. $MU_X / P_X = MU_Y / P_Y$
- d. Các câu trên đều đúng

⇒ **Đáp án đúng: d**

Lời giải chi tiết: Điểm tiêu dùng tối ưu là tiếp điểm giữa đường ngân sách và đường đẳng ích, tại đó độ dốc của hai đường bằng nhau: $MRS_{XY} = P_X / P_Y$. Mặt khác, $MRS_{XY} = MU_X / MU_Y$, nên suy ra $MU_X / MU_Y = P_X / P_Y$, biến đổi tương đương ta được $MU_X / P_X = MU_Y / P_Y$ (Năng suất biên trên một đồng chi tiêu của các hàng hóa bằng nhau). Vì vậy cả 3 phương án đều mô tả chính xác điều kiện cân bằng.

Câu 14: Một người dành một khoản thu nhập $I = 600$ ngàn đồng, chi tiêu hết cho 2 loại sản phẩm X và Y với $P_X = 10$ ngàn đồng/sp; $P_Y = 30$ ngàn đồng/sp, hàm tổng lợi ích (hữu dụng) của người này phụ thuộc vào số lượng X và Y tiêu dùng $TU(x,y) = 2xy$. Tại phương án tiêu dùng tối ưu, số lượng x và y người này mua là:

- a. $x = 20$ và $y = 60$

- b. $x = 10$ và $y = 30$
- c. $x = 30$ và $y = 10$
- d. $x = 60$ và $y = 20$

⇒ **Đáp án đúng: c**

Lời giải chi tiết: Lợi ích biên: $MU_X = d(TU)/dx = 2y$; $MU_Y = d(TU)/dy = 2x$. Điều kiện tối ưu: $MU_X / P_X = MU_Y / P_Y \Rightarrow 2y / 10 = 2x / 30 \Rightarrow x = 3y$. Kết hợp phương trình đường ngân sách: $P_X * x + P_Y * y = I \Rightarrow 10x + 30y = 600$. Thay $x = 3y$ vào: $10*(3y) + 30y = 600 \Rightarrow 60y = 600 \Rightarrow y = 10$. Suy ra $x = 3 * 10 = 30$.

Câu 15: Hàm số cầu cá nhân có dạng: $P = -q/2 + 40$, trên thị trường của sản phẩm X có 50 người tiêu thụ có hàm số cầu giống nhau hoàn toàn. Vậy hàm số cầu thị trường có dạng:

- a. $P = -Q/100 + 2800$
- b. $P = -25Q + 40$
- c. $P = -25Q + 40/50$
- d. $P = -Q/100 + 40$

⇒ **Đáp án đúng: d**

Lời giải chi tiết: Chuyển hàm cầu cá nhân thành hàm thuận theo sản lượng: $P = -q/2 + 40 \Rightarrow q/2 = 40 - P \Rightarrow q = 80 - 2P$. Hàm số cầu thị trường tổng cộng của 50 cá nhân giống nhau là: $Q = 50 * q = 50 * (80 - 2P) = 4000 - 100P$. Nghịch đảo lại hàm cầu thị trường: $100P = 4000 - Q \Rightarrow P = -Q/100 + 40$.

Câu 16: Tỷ lệ thay thế biên của 2 sản phẩm X và Y giảm dần, điều đó chứng tỏ rằng đường cong bàng quan (đẳng ích) của 2 sản phẩm có dạng:

- a. Mặt lõm hướng về gốc tọa độ
- b. Là đường thẳng dốc xuống dưới từ trái sang phải
- c. Mặt lồi hướng về gốc tọa độ
- d. Không có câu nào đúng

⇒ **Đáp án đúng: c**

Lời giải chi tiết: Quy luật tỷ lệ thay thế biên giảm dần (khi tăng tiêu dùng X, lượng Y sẵn sàng từ bỏ giảm đi) làm cho độ dốc đường đẳng ích thoải dần từ trái sang phải, tạo ra hình dáng hình học là một đường cong lồi về phía gốc tọa độ.

Câu 17: Một doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn có hàm tổng chi phí: $TC = Q^2 + 300Q + 100.000$. Nếu giá thị trường là 1100 thì thặng dư sản xuất của doanh nghiệp:

- a. 160.000
- b. 320.000
- c. 400.000
- d. Các câu trên đều sai

⇒ **Đáp án đúng: a**

Lời giải chi tiết: Chi phí biên $MC = d(TC)/dQ = 2Q + 300$. Trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn, doanh nghiệp sản xuất tại $P = MC \Rightarrow 1100 = 2Q + 300 \Rightarrow 2Q = 800 \Rightarrow Q = 400$. Chi phí biến đổi $VC = Q^2 + 300Q$. Thặng dư sản xuất $PS = TR - VC = P*Q - VC = (1100 * 400) - (400^2 + 300 * 400) = 440.000 - (160.000 + 120.000) = 160.000$.

Câu 18: Trong ngắn hạn của thị trường cạnh tranh hoàn toàn, khi giá các yếu tố sản xuất biến đổi tăng lên, sản lượng của xí nghiệp sẽ:

- a. Giảm

- b. Không thay đổi
- c. Tăng
- d. Các câu trên đều sai

⇒ **Đáp án đúng: a**

Lời giải chi tiết: Khi giá các yếu tố sản xuất biến đổi (như giá nguyên vật liệu, tiền lương lao động) tăng lên, chi phí biên MC ứng với mỗi đơn vị sản phẩm sẽ tăng, làm đường MC dịch chuyển lên trên (sang trái). Với mức giá thị trường P không đổi, giao điểm mới $P = MC$ sẽ dịch về phía trái, dẫn đến sản lượng tối ưu của doanh nghiệp sụt giảm.

Câu 19: Khi giá bán nhỏ hơn chi phí trung bình, doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn nên:

- a. Sản xuất ở mức sản lượng tại đó: $P = MC$
- b. Sản xuất ở mức sản lượng tại đó: $MR = MC$
- c. Ngừng sản xuất
- d. Các câu trên đều có thể xảy ra

⇒ **Đáp án đúng: d**

Lời giải chi tiết: Khi $P < AC$, doanh nghiệp đang chịu thua lỗ. Hành vi tối ưu phụ thuộc vào mối quan hệ với chi phí biến đổi trung bình (AVC): Nếu $P \geq AVC$, doanh nghiệp vẫn nên tiếp tục sản xuất ở mức sản lượng $P = MC$ để bù đắp một phần chi phí cố định. Nếu $P < AVC$, doanh nghiệp nên đóng cửa sản xuất ngay lập tức để hạn chế lỗ chỉ bằng chi phí cố định FC. Vì vậy, cả 3 trường hợp đều có thể xảy ra phụ thuộc vào giá trị cụ thể của giá.

Câu 20: Cho biết số liệu về chi phí sản xuất của một doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn như sau. Điểm hòa vốn và điểm đóng cửa sản xuất của doanh nghiệp là những điểm tương ứng với các mức sản lượng:

Q	0	10	12	14	16	18	20
TC	80	115	130	146	168	200	250

- a. Q = 10 và Q = 14
- b. Q = 10 và Q = 12
- c. Q = 12 và Q = 14
- d. Không có câu nào đúng

⇒ **Đáp án đúng: a**

Lời giải chi tiết: Ta xác định được định phí $FC = TC(0) = 80$. Chi phí biến đổi $VC = TC - 80$.

- Điểm đóng cửa tương ứng với mức sản lượng có AVC cực tiểu: Tại Q = 10, $VC = 115 - 80 = 35 \Rightarrow AVC = 35/10 = 3,5$. Tại Q = 12, $VC = 130 - 80 = 50 \Rightarrow AVC = 50/12 = 4,17$. Do đó AVC cực tiểu tại vùng Q = 10.

- Điểm hòa vốn tương ứng với mức sản lượng có AC cực tiểu: Tại Q = 12, $AC = 130/12 = 10,83$. Tại Q = 14, $AC = 146/14 = 10,43$. Tại Q = 16, $AC = 168/16 = 10,5$. Thấy được AC thấp nhất tại Q = 14. Vậy lựa chọn đúng là a.

Câu 21: Một doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn có hàm tổng chi phí dài hạn: $LTC = Q^2 + 64$, mức giá cân bằng dài hạn:

- a. 64
- b. 8
- c. 16

d. 32

⇒ **Đáp án đúng: c**

Lời giải chi tiết: Trạng thái cân bằng dài hạn của ngành cạnh tranh hoàn toàn triệt tiêu lợi nhuận kinh tế, tức giá thị trường bằng điểm cực tiểu của chi phí trung bình dài hạn: $P = \min LAC$. Hàm chi phí trung bình dài hạn $LAC = LTC / Q = Q + 64/Q$. Tìm cực tiểu bằng cách lấy đạo hàm theo Q và cho bằng 0: $d(LAC)/dQ = 1 - 64/Q^2 = 0 \Rightarrow Q^2 = 64 \Rightarrow Q = 8$. Mức giá tương ứng $P = \min LAC = 8 + 64/8 = 16$.

Câu 22: Một doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn có hàm tổng chi phí $TC = 10Q^2 + 10Q + 450$, nếu giá trên thị trường là 210đ/sp. Tổng lợi nhuận tối đa là:

- a. 1550
- b. 1000
- c. 550
- d. Các câu trên đều sai

⇒ **Đáp án đúng: c**

Lời giải chi tiết: Chi phí biên $MC = d(TC)/dQ = 20Q + 10$. Doanh nghiệp tối đa hóa lợi nhuận tại $P = MC \Rightarrow 210 = 20Q + 10 \Rightarrow 20Q = 200 \Rightarrow Q = 10$. Tổng doanh thu thu được: $TR = P * Q = 210 * 10 = 2100$. Tổng chi phí sản xuất: $TC = 10*(10^2) + 10*(10) + 450 = 1550$. Lợi nhuận tối đa $= TR - TC = 2100 - 1550 = 550$.

Câu 23: Điều nào sau đây không phải là điều kiện cho tình trạng cân bằng dài hạn của doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn:

- a. Lượng cung và lượng cầu thị trường bằng nhau.
- b. Lợi nhuận kinh tế bằng 0.
- c. Các doanh nghiệp ở trạng thái tối đa hóa lợi nhuận.
- d. Thặng dư sản xuất bằng 0

⇒ **Đáp án đúng: d**

Lời giải chi tiết: Trạng thái cân bằng dài hạn yêu cầu thị trường xóa bỏ động lực gia nhập hoặc rút lui của doanh nghiệp (Lợi nhuận = 0), thị trường sạch bóng (Cung = Cầu), và các doanh nghiệp đang tối ưu hóa sản lượng ($P = LMC = \min LAC$). Tuy nhiên, thặng dư sản xuất của ngành trong dài hạn vẫn có thể dương đối với các ngành có chi phí tăng dần nhờ tiền thuê kinh tế đối với các yếu tố sản xuất khan hiếm, nên thặng dư sản xuất bằng 0 không phải điều kiện bắt buộc cho trạng thái cân bằng dài hạn chung.

Câu 24: Trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn nếu các doanh nghiệp mới gia nhập làm cho lượng cầu yếu tố sản xuất tăng nhưng giá các yếu tố sản xuất không đổi thì đường cung dài hạn của ngành sẽ:

- a. Nằm ngang
- b. Dốc lên trên
- c. Thẳng đứng
- d. Dốc xuống dưới

⇒ **Đáp án đúng: a**

Lời giải chi tiết: Khi việc mở rộng sản lượng toàn ngành thu hút thêm doanh nghiệp gia nhập nhưng không làm thay đổi giá của các yếu tố đầu vào, đây được định nghĩa là ngành có chi phí không đổi (Constant-cost industry). Trong dài hạn, giá cân bằng sẽ luôn quay trở về đúng mức tối thiểu ban đầu của AC, tạo thành đường cung dài hạn toàn ngành nằm ngang hoàn toàn.

Câu 25: Đặc điểm cơ bản của ngành cạnh tranh độc quyền là:

- a. Mỗi doanh nghiệp chỉ có khả năng hạn chế ảnh hưởng tới giá cả sản phẩm của mình

- b. Có nhiều doanh nghiệp sản xuất ra những sản phẩm có thể dễ thay thế cho nhau
- c. Cả hai câu đều sai
- d. Cả hai câu đều đúng

⇒ **Đáp án đúng: d**

Lời giải chi tiết: Thị trường cạnh tranh độc quyền đan xen cả hai yếu tố: Tính chất "Cạnh tranh" thể hiện ở việc có rất nhiều người bán bán sản phẩm tương tự có khả năng thay thế tốt cho nhau; tính chất "Độc quyền" thể hiện ở chỗ sản phẩm có sự dị biệt hóa (khác biệt thương hiệu, mẫu mã), từ đó mang lại cho mỗi doanh nghiệp một chút quyền lực thị trường, giúp họ có năng lực hạn chế trong việc kiểm soát giá bán sản phẩm của riêng mình.

Câu 26: Đường cầu của doanh nghiệp trong ngành cạnh tranh độc quyền:

- a. Là đường cầu của toàn bộ thị trường
- b. Là đường cầu dốc xuống từ trái sang phải
- c. Là đường cầu thẳng đứng song song trục giá
- d. Là đường cầu nằm ngang song song trục sản lượng

⇒ **Đáp án đúng: b**

Lời giải chi tiết: Vì mỗi sản phẩm của doanh nghiệp cạnh tranh độc quyền có sự khác biệt nhất định so với đối thủ, doanh nghiệp không phải là người nhận giá thụ động (đường cầu không nằm ngang). Đường cầu đối với sản phẩm của họ là một đường dốc xuống từ trái sang phải, phản ánh rằng nếu họ tăng giá thì sẽ mất một phần chứ không phải toàn bộ khách hàng.

Câu 27: Trong thị trường cạnh tranh độc quyền, tại điểm cân bằng dài hạn có:

- a. Đường cầu mỗi doanh nghiệp là tiếp tuyến đường AC của nó ở mức sản lượng mà tại đó có $MR=MC$
- b. Mỗi doanh nghiệp đều tối đa hóa lợi nhuận nhưng chỉ hòa vốn.
- c. Sẽ không có thêm sự nhập ngành hoặc xuất ngành nào nữa
- d. Cả ba câu đều đúng

⇒ **Đáp án đúng: d**

Lời giải chi tiết: Trong dài hạn, việc tự do gia nhập/rút lui làm lợi nhuận kinh tế biến mất, tức $P = AC$ (hòa vốn, câu b đúng). Để tối đa hóa lợi nhuận doanh nghiệp luôn chọn $MR = MC$. Vì $P = AC$ và đường cầu dốc xuống, điểm cân bằng dài hạn bắt buộc phải là tiếp điểm của đường cầu và đường AC (câu a đúng). Khi lợi nhuận bằng 0, không có động lực gia nhập hay rời ngành (câu c đúng). Vậy cả 3 câu đều đúng.

Câu 28: Trong "mô hình đường cầu gãy" (The kinked demand curve model) khi một doanh nghiệp giảm giá thì các doanh nghiệp còn lại sẽ:

- a. Không biết được
- b. Tăng giá
- c. Giảm giá
- d. Không thay đổi giá

⇒ **Đáp án đúng: c**

Lời giải chi tiết: Mô hình đường cầu gãy giải thích sự cứng nhắc của giá cả trong độc quyền nhóm dựa trên giả định hành vi đối phó: Nếu một doanh nghiệp đơn phương tăng giá, các đối thủ sẽ phớt lờ để chiếm khách hàng (cầu co giãn mạnh); ngược lại nếu doanh nghiệp giảm giá, các đối thủ lập tức giảm giá theo nhằm bảo vệ thị phần của họ (cầu ít co giãn). Do đó hành vi của các doanh nghiệp còn lại khi một hãng giảm giá là giảm giá theo.

Câu 29: Trong mô hình doanh nghiệp độc quyền nhóm có ưu thế về quy mô, doanh nghiệp có ưu thế có thể quyết định sản lượng theo cách:

- a. Cạnh tranh hoàn toàn
- b. Độc quyền hoàn toàn
- c. Cả a và b đều đúng
- d. Cả a và b đều sai

⇒ **Đáp án đúng: b**

Lời giải chi tiết: Trong mô hình hăng thống lĩnh thị trường (có ưu thế quy mô lớn vượt trội), hăng này sẽ nhường phần cung ứng ban đầu cho các hăng nhỏ vệ tinh (vốn hành xử như cạnh tranh hoàn toàn), sau đó phần đường cầu còn sót lại của thị trường sẽ được hăng thống lĩnh tiếp nhận và giải bài toán tối ưu hóa doanh thu biên bằng chi phí biên ($MR = MC$) tương tự như một nhà độc quyền hoàn toàn.

Câu 30: Trong dài hạn, doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh độc quyền sẽ sản xuất tại sản lượng có:

- a. $LMC = SMC = MR = LAC = SAC$
- b. Chi phí trung bình AC là thấp nhất (cực tiểu)
- c. Chi phí trung bình AC chưa là thấp nhất (cực tiểu)
- d. $MR = LMC = LAC$

⇒ **Đáp án đúng: c**

Lời giải chi tiết: Trong dài hạn, thế cân bằng của cạnh tranh độc quyền xảy ra tại điểm tiếp tuyến giữa đường cầu dốc xuống và đường AC. Điểm tiếp tuyến của một đường dốc xuống và một đường hình chữ U luôn phải nằm ở nhánh bên trái (nhánh dốc xuống) của đường AC, tức là tại mức sản lượng này chi phí trung bình chưa đạt mức thấp nhất (cực tiểu), thể hiện tình trạng công suất dư thừa.

Câu 31: Khái niệm nào sau đây không thể lí giải bằng đường giới hạn khả năng sản xuất (PPF)

- a. Quy luật chi phí cơ hội tăng dần.
- b. Sự khan hiếm.
- c. Cung cầu.
- d. Chi phí cơ hội

⇒ **Đáp án đúng: c**

Lời giải chi tiết: Đường giới hạn khả năng sản xuất (PPF) mô tả năng lực phân bổ nguồn lực công nghệ đầu vào để tối ưu đầu ra, từ đó làm rõ khái niệm sự khan hiếm tài nguyên, chi phí cơ hội phải đánh đổi khi tăng sản lượng một mặt hàng. Đường PPF thuần túy kỹ thuật sản xuất nên không thể hiện cơ chế giá cả thị trường và quy luật tương tác cung cầu của người mua người bán.

Câu 32: Chính phủ các nước hiện nay có các giải pháp kinh tế khác nhau trước tình hình suy thoái kinh tế hiện nay, vấn đề này thuộc về:

- a. Kinh tế vi mô, chuẩn tắc
- b. Kinh tế vĩ mô, thực chứng
- c. Kinh tế vĩ mô, chuẩn tắc
- d. Kinh tế vi mô, thực chứng

⇒ **Đáp án đúng: c**

Lời giải chi tiết: Hiện tượng suy thoái kinh tế mang tính chất tổng thể của nền kinh tế quốc gia, thuộc đối tượng nghiên cứu của Kinh tế vĩ mô. Các giải pháp mang tính can thiệp, đề xuất chính sách nên làm gì hay không nên làm gì dựa trên nhận định chủ quan thuộc phạm trù Kinh tế học chuẩn tắc.

Câu 33: Chọn lựa tại một điểm không nằm trên đường giới hạn khả năng sản xuất là:

- a. Không thể thực hiện được
- b. Không thể thực hiện được hoặc thực hiện được nhưng nền kinh tế hoạt động không hiệu quả
- c. Thực hiện được nhưng nền kinh tế hoạt động không hiệu quả
- d. Thực hiện được và nền kinh tế hoạt động hiệu quả

⇒ **Đáp án đúng: b**

Lời giải chi tiết: Khái niệm "không nằm trên đường PPF" bao gồm hai kịch bản hình học: (1) Điểm nằm hoàn toàn phía bên ngoài đường PPF là điểm không thể thực hiện được do giới hạn nguồn lực hiện tại; (2) Điểm nằm phía bên trong đường PPF là điểm thực hiện được, tuy nhiên nền kinh tế đang lãng phí nguồn lực hoặc có thất nghiệp nên hoạt động không hiệu quả. Lựa chọn b bao quát đầy đủ nhất cả hai khả năng này.

Câu 34: Điểm khác biệt căn bản giữa mô hình kinh tế hỗn hợp và mô hình kinh tế thị trường là:

- a. Nhà nước tham gia quản lý kinh tế.
- b. Nhà nước quản lý ngân sách.
- c. Nhà nước quản lý các quỹ phúc lợi
- d. Các câu trên đều sai.

⇒ **Đáp án đúng: a**

Lời giải chi tiết: Mô hình kinh tế thị trường thuần túy vận hành hoàn toàn tự động dựa trên "bàn tay vô hình" của giá cả và cung cầu, không có vai trò của chính phủ. Trong khi đó, mô hình nền kinh tế hỗn hợp thừa nhận vai trò điều tiết, quản lý và can thiệp bổ sung của Nhà nước để sửa chữa các thất bại của thị trường.

Câu 35: Độ dốc của đường đẳng phí phản ánh:

- a. Chi phí cơ hội của việc mua thêm một đơn vị đầu vào với mức tổng chi phí và giá cả của các đầu vào đã cho
- b. Tập hợp tất cả các kết hợp giữa vốn và lao động mà doanh nghiệp có thể mua với mức tổng chi phí và giá cả của các đầu vào đã cho
- c. Năng suất biên giảm dần
- d. Tỷ lệ thay thế kỹ thuật biên của hai đầu vào

⇒ **Đáp án đúng: a**

Lời giải chi tiết: Đường đẳng phí biểu diễn tổng chi phí $TC = w \cdot L + r \cdot K \Rightarrow K = TC/r - (w/r) \cdot L$. Trị tuyệt đối độ dốc đường đẳng phí bằng tỷ số giá cả hai yếu tố (w/r) . Tỷ số này phản ánh chi phí cơ hội của thị trường khi doanh nghiệp muốn mua thêm một đơn vị lao động L thì phải từ bỏ bao nhiêu đơn vị vốn K tương ứng trong điều kiện ngân sách giữ nguyên.

Câu 36: Sản lượng tối ưu của 1 quy mô sản xuất có hiệu quả là sản lượng có:

- a. AVC min
- b. MC min
- c. AFC min
- d. Các câu trên sai

⇒ **Đáp án đúng: d**

Lời giải chi tiết: Điểm sản lượng tối ưu đạt quy mô hiệu quả cao nhất của một cơ sở sản xuất phải là điểm có chi phí trung bình tổng cộng (AC hoặc ATC) đạt giá trị cực tiểu (AC min). Do các phương án a, b, c đưa ra các tiêu chí AVC min, MC min, AFC min nên chúng đều sai.

Câu 37: Một xí nghiệp sản xuất một loại sản phẩm X có hàm sản xuất có dạng: $Q = 2K(L - 2)$, trong đó K và L là hai yếu tố sản xuất có giá tương ứng $P_K = 600$ đvt, $P_L = 300$ đvt, tổng chi phí sản xuất là 15.000 đvt. Vậy sản lượng tối đa đạt được:

- a. 576
- b. 560
- c. 480
- d. Các câu trên đều sai.

⇒ **Đáp án đúng: a**

Lời giải chi tiết: Phương trình chi phí: $600K + 300L = 15.000 \Rightarrow 2K + L = 50 \Rightarrow L = 50 - 2K$. Thay vào hàm sản xuất: $Q = 2K(50 - 2K - 2) = 2K(48 - 2K) = 96K - 4K^2$. Để tìm Q cực đại, lấy đạo hàm theo K và cho bằng 0: $dQ/dK = 96 - 8K = 0 \Rightarrow K = 12$. Suy ra $L = 50 - 2(12) = 26$. Sản lượng cực đại $Q = 2 * 12 * (26 - 2) = 576$.

Câu 38: Nếu đường đẳng lượng là đường thẳng thì:

- a. Chỉ có một cách kết hợp các yếu tố đầu vào.
- b. Tỷ lệ thay thế kỹ thuật biên của 2 yếu tố sản xuất không đổi.
- c. Tỷ số giá cả của các yếu tố sản xuất không đổi.
- d. Năng suất biên của các yếu tố sản xuất bằng nhau.

⇒ **Đáp án đúng: b**

Lời giải chi tiết: Độ dốc của đường đẳng lượng phản ánh tỷ lệ thay thế kỹ thuật biên (MRTS) giữa hai yếu tố đầu vào. Khi đường đẳng lượng có hình dạng hình học là một đường thẳng dốc xuống, độ dốc của nó hằng định tại mọi điểm, đồng nghĩa tỷ lệ thay thế kỹ thuật biên MRTS không đổi (hai yếu tố này mang tính chất thay thế hoàn hảo cho nhau).

Câu 39: Độ dốc của đường đẳng lượng là:

- a. Tỷ lệ thay thế kỹ thuật biên của 2 yếu tố sản xuất
- b. Tỷ số năng suất biên của 2 yếu tố sản xuất
- c. Cả a và b đều sai.
- d. Cả a và b đều đúng

⇒ **Đáp án đúng: d**

Lời giải chi tiết: Độ dốc của đường đẳng lượng về mặt định nghĩa kinh tế chính là tỷ lệ thay thế kỹ thuật biên $MRTS_{LK} = -\Delta K / \Delta L$. Về mặt toán học, giá trị này cũng đồng thời bằng tỷ số năng suất biên tương ứng của hai yếu tố sản xuất: MP_L / MP_K . Vì vậy cả hai phương án a và b đều đúng.

Câu 40: Phát biểu nào sau đây đúng với khái niệm ngắn hạn trong kinh tế học:

- a. Doanh nghiệp có thể thay đổi quy mô sản xuất.
- b. Doanh nghiệp có thể thay đổi sản lượng.
- c. Thời gian ngắn hơn 1 năm.
- d. Tất cả các yếu tố sản xuất đều thay đổi.

⇒ **Đáp án đúng: b**

Lời giải chi tiết: Khái niệm ngắn hạn trong kinh tế học không quy định bằng thời gian thời gian cơ học cụ thể (như dưới 1 năm), mà được định nghĩa là khoảng thời gian có ít nhất một yếu tố sản xuất cố định (ví dụ quy mô nhà xưởng K không đổi). Tuy nhiên doanh nghiệp vẫn có thể thay đổi lượng đầu vào biến đổi (như lao động L) để thay đổi mức sản lượng sản xuất, đáp ứng nhu cầu thị trường.

Câu 41: Một xí nghiệp sử dụng hai yếu tố sản xuất vốn (K), lao động (L), để sản xuất một loại sản phẩm

X, phối hợp tối ưu của hai yếu tố sản xuất phải thỏa mãn:

- a. $K = L$
- b. $MP_K / P_L = MP_L / P_K$
- c. $MP_K / P_K = MP_L / P_L$
- d. $MP_K = MP_L$

⇒ **Đáp án đúng: c**

Lời giải chi tiết: Để tối thiểu hóa chi phí sản xuất cho một mức sản lượng cho trước, doanh nghiệp tuân thủ nguyên tắc phối hợp tối ưu: Năng suất biên trên một đồng chi phí của tất cả các yếu tố đầu vào phải bằng nhau. Biểu thức toán học chuẩn xác là $MP_K / P_K = MP_L / P_L$.

Câu 42: Độ dốc của đường đẳng phí là:

- a. Tỷ số giá cả của 2 yếu tố sản xuất.
- b. Tỷ số năng suất biên của 2 yếu tố sản xuất.
- c. Tỷ lệ thay thế kỹ thuật biên của 2 yếu tố sản xuất.
- d. Các câu trên đều sai

⇒ **Đáp án đúng: a**

Lời giải chi tiết: Đường đẳng phí xác định bởi hệ thức $TC = w \cdot L + r \cdot K \Rightarrow K = TC/r - (w/r) \cdot L$. Đạo hàm $dK/dL = -w/r$, do đó trị tuyệt đối độ dốc của đường đẳng phí chính là tỷ số giá cả của hai yếu tố đầu vào tương ứng (w/r) .

Câu 43: Một người tiêu thụ có thu nhập là 1000đvt, lượng cầu sản phẩm X là 10 sp, khi thu nhập tăng lên là 1200đvt, lượng cầu sản phẩm X tăng lên là 13 sp, vậy sản phẩm X thuộc hàng:

- a. Hàng thông thường.
- b. Hàng cấp thấp.
- c. Hàng xa xỉ
- d. Hàng thiết yếu

⇒ **Đáp án đúng: c**

Lời giải chi tiết: Độ co giãn của cầu theo thu nhập được tính theo công thức: $E_I = (\Delta Q / Q) / (\Delta I / I) = (3 / 10) / (200 / 1000) = 0,3 / 0,2 = 1,5$. Vì $E_I > 1$, tốc độ tăng lượng cầu lớn hơn tốc độ tăng thu nhập, chứng tỏ mặt hàng X này là hàng hóa xa xỉ.

Câu 44: Suy thoái kinh tế toàn cầu đã làm giảm mức cầu dầu mỏ trên thế giới giảm mạnh. Có thể minh họa sự kiện này trên đồ thị (trục tung ghi giá, trục hoành ghi lượng cầu) bằng cách:

- a. Vẽ đường cầu dịch chuyển sang phải
- b. Vẽ đường cầu dịch chuyển sang trái
- c. Vẽ một đường cầu có độ dốc âm
- d. Vẽ một đường cầu thẳng đứng

⇒ **Đáp án đúng: b**

Lời giải chi tiết: Suy thoái kinh tế là một yếu tố ngoại sinh nằm ngoài giá của bản thân sản phẩm dầu mỏ. Khi thu nhập và hoạt động sản xuất suy giảm, lượng cầu dầu mỏ giảm tại mọi mức giá, làm toàn bộ đường cầu dịch chuyển song song sang phía bên trái.

Câu 45: Câu phát biểu nào sau đây đúng trong các câu sau đây:

- a. Hệ số co giãn cầu theo thu nhập đối với hàng xa xỉ lớn hơn 1.
- b. Hệ số co giãn cầu theo thu nhập của hàng thông thường là âm.

- c. Hệ số co giãn tại 1 điểm trên đường cầu luôn luôn lớn hơn 1.
- d. Hệ số co giãn chéo của 2 sản phẩm thay thế là âm.

⇒ **Đáp án đúng: a**

Lời giải chi tiết: Phát biểu a hoàn toàn đúng theo phân loại kinh tế học: Hàng xa xỉ có $E_I > 1$. Phát biểu b sai vì hàng thông thường có $E_I > 0$. Phát biểu c sai vì độ co giãn của đường cầu tuyến tính chạy từ 0 đến vô cùng. Phát biểu d sai vì hàng thay thế có hệ số co giãn chéo mang dấu dương.

Câu 46: Hàm số cung sản phẩm Y dạng tuyến tính nào dưới đây theo bạn là thích hợp nhất:

- a. $P_Y = -10 + 2Q_Y$
- b. $P_Y = 10 + 2Q_Y$
- c. $P_Y = 2Q_Y$
- d. Các hàm số kia đều không thích hợp.

⇒ **Đáp án đúng: b**

Lời giải chi tiết: Hàm số cung cần phản ánh quy luật cung (P và Q đồng biến, hệ số góc dương). Thêm vào đó, trong thực tế sản xuất, luôn tồn tại một mức giá tối thiểu (ngưỡng chi phí cơ bản) để người sản xuất bắt đầu sẵn sàng cung ứng sản phẩm ra thị trường (khi $Q = 0$ thì $P > 0$). Do đó hàm $P_Y = 10 + 2Q_Y$ là thích hợp nhất vì phản ánh mức giá tối thiểu bằng 10.

Câu 47: Hàm số cầu thị trường của một sản phẩm có dạng $P = -Q/2 + 40$. Ở mức giá $P = 30$, hệ số co giãn cầu theo giá sẽ là:

- a. $E_d = -3/4$
- b. $E_d = -3$
- c. $E_d = -4/3$
- d. Không có câu nào đúng

⇒ **Đáp án đúng: b**

Lời giải chi tiết: Tại mức giá $P = 30 \Rightarrow 30 = -Q/2 + 40 \Rightarrow Q = 20$. Chuyển hàm cầu thành dạng thuận theo sản lượng: $Q = 80 - 2P \Rightarrow$ đạo hàm $Q'(P) = -2$. Công thức co giãn điểm: $E_d = Q'(P) * (P / Q) = -2 * (30 / 20) = -3$.

Câu 48: Khi giá của Y là 400đ/sp thì lượng cầu của X là 5000 sp, khi giá của Y tăng lên là 600 đ/sp thì lượng cầu của X tăng lên là 6000 sp, với các yếu tố khác không đổi, có thể kết luận X và Y là 2 sản phẩm:

- a. Thay thế nhau có $E_{XY} = 0,45$
- b. Bổ sung nhau có $E_{XY} = 0,25$
- c. Thay thế nhau có $E_{XY} = 2,5$
- d. Bổ sung nhau có $E_{XY} = 0,45$

⇒ **Đáp án đúng: a**

Lời giải chi tiết: Áp dụng công thức tính độ co giãn khoảng (trung bình) của cầu theo giá chéo: $E_{XY} = [(Q_{X2} - Q_{X1}) / (P_{Y2} - P_{Y1})] * [(P_{Y1} + P_{Y2}) / (Q_{X1} + Q_{X2})] = [(6000 - 5000) / (600 - 400)] * [(400 + 600) / (5000 + 6000)] = (1000 / 200) * (1000 / 11000) = 5 * (1/11) = 5/11 \approx 0,45$. Vì $E_{XY} > 0$ nên X và Y là hai sản phẩm thay thế nhau.

Câu 49: Giá của đường tăng và lượng đường mua bán giảm. Nguyên nhân gây ra hiện tượng này là do:

- a. Mía năm nay bị mất mùa.
- b. Thu nhập của dân chúng tăng lên

- c. Y học khuyến cáo ăn nhiều đường có hại sức khỏe.
- d. Các câu trên đều sai

⇒ **Đáp án đúng: a**

Lời giải chi tiết: Hiện tượng giá cân bằng tăng đồng thời lượng cân bằng giảm phản ánh sự dịch chuyển sang trái (sụt giảm) của đường cung, trong khi đường cầu giữ nguyên. Việc mía (nguyên liệu đầu vào chính) bị mất mùa làm tăng chi phí sản xuất, khiến cung đường sụt giảm, hoàn toàn khớp với mô tả.

Câu 50: Hàm số cầu thị trường của một sản phẩm có dạng: $P = -Q/4 + 280$, từ mức giá $P = 200$ nếu giá thị trường giảm xuống thì tổng chi tiêu của người tiêu thụ sẽ:

- a. Không thay đổi
- b. Tăng lên
- c. Giảm xuống
- d. Các câu trên đều sai

⇒ **Đáp án đúng: b**

*Lời giải chi tiết: Tại $P = 200 \Rightarrow 200 = -Q/4 + 280 \Rightarrow Q = 320$. Viết hàm số dạng lượng: $Q = 1120 - 4P \Rightarrow$ đạo hàm $Q'(P) = -4$. Độ co giãn điểm tại $P = 200$: $|Ed| = |-4 * (200 / 320)| = 2,5$. Do $|Ed| > 1$ (cầu co giãn nhiều), khi giá giảm, tỷ lệ phần trăm tăng lượng cầu sẽ lớn hơn tỷ lệ phần trăm giảm giá, làm cho tổng chi tiêu $TR = P * Q$ tăng lên.*

GIẢI CHI TIẾT 50 CÂU KINH TẾ VI MÔ (ĐỀ 1)

II. GIẢI THÍCH CHI TIẾT 50 CÂU

Câu 1: Khái niệm nào không thể lí giải bằng đường PPF?

Đáp án: a. Cung cầu.

- Giải thích / Các bước làm: Đường giới hạn khả năng sản xuất (PPF) mô tả sự khan hiếm, chi phí cơ hội và quy luật chi phí cơ hội tăng dần (khiến PPF cong), nhưng không thể hiện cung - cầu thị trường.

Câu 2: Chính phủ các nước hiện nay có các giải pháp kinh tế... đối phó suy thoái thuộc về:

Đáp án: b. Kinh tế vĩ mô, chuẩn tắc.

- Giải thích / Các bước làm: Kinh tế vĩ mô nghiên cứu các vấn đề tổng thể nền kinh tế (suy thoái, lạm phát). Việc đưa ra 'giải pháp' mang tính đánh giá cá nhân về việc nên làm gì, thuộc kinh tế học chuẩn tắc.

Câu 3: Quy luật nào quyết định dạng của đường PPF?

Đáp án: a. Quy luật năng suất biên giảm dần.

- Giải thích / Các bước làm: Năng suất biên giảm dần dẫn đến chi phí cơ hội tăng dần, làm cho đường PPF có dạng cong lõm xuống (mặt lồi hướng ra ngoài).

Câu 4: Hệ thống kinh tế giải quyết các vấn đề cơ bản: sx cái gì, bao nhiêu, như thế nào, cho ai xuất phát từ:

Đáp án: c. Tài nguyên có giới hạn.

- Giải thích / Các bước làm: Nguồn lực khan hiếm buộc xã hội phải đưa ra các sự lựa chọn cơ bản này.

Câu 5: Doanh nghiệp trong ngành cạnh tranh độc quyền cạnh tranh bằng việc:

Đáp án: a. Bán ra các sản phẩm riêng biệt, nhưng có thể thay thế nhau.

- Giải thích / Các bước làm: Đây là đặc trưng cốt lõi của cạnh tranh độc quyền: sản phẩm phân biệt (khác biệt hóa) nhưng có độ thay thế cao.

Câu 6: Đường cầu của doanh nghiệp trong ngành cạnh tranh độc quyền:

Đáp án: a. Là đường cầu dốc xuống từ trái sang phải.

- Giải thích / Các bước làm: Vì sản phẩm có tính khác biệt, DN có một phần sức mạnh thị trường, nên đường cầu dốc xuống (nhưng co giãn nhiều hơn độc quyền hoàn toàn).

Câu 7: Trong 'mô hình đường cầu gãy', tại điểm gãy khi MC thay đổi thì:

Đáp án: d. Giá P và sản lượng Q không đổi.

- Giải thích / Các bước làm: Tại điểm gãy, đường MR bị đứt đoạn (khoảng gián đoạn). Nếu MC dịch chuyển lên/xuống trong khoảng này, điểm tối ưu $MR=MC$ không đổi, nên P và Q vẫn giữ nguyên.

Câu 8: Trong 'mô hình đường cầu gãy', khi một DN giảm giá thì các DN còn lại sẽ:

Đáp án: a. Giảm giá.

- Giải thích / Các bước làm: Các DN đối thủ sẽ phản ứng bằng cách giảm giá theo để không bị mất thị phần.

Câu 9: Chiến lược cạnh tranh chủ yếu của độc quyền nhóm là:

Đáp án: a. Cạnh tranh về quảng cáo và dịch vụ hậu mãi.

- Giải thích / Các bước làm: Để tránh chiến tranh giá cả gây thiệt hại chung, các DN độc quyền nhóm thường tập trung vào cạnh tranh phi giá cả.

Câu 10: Đặc điểm cơ bản của cạnh tranh độc quyền là:

Đáp án: d. Mỗi DN chỉ có khả năng hạn chế ảnh hưởng tới giá cả sản phẩm của mình.

- Giải thích / Các bước làm: Mỗi DN có một lượng khách hàng trung thành nhất định do khác biệt sản phẩm, tạo ra một chút quyền định giá, nhưng không nhiều do có nhiều đối thủ thay thế.

Câu 11: Hàm cầu $P = 70 - 2Q$; Hàm cung $P = 10 + 4Q$. Tính CS và PS:

Đáp án: b. CS = 100 & PS = 200.

- Giải thích / Các bước làm: Cân bằng: $70 - 2Q = 10 + 4Q \Rightarrow Q = 10, P = 50$.
 - $CS = 0.5 * (70 - 50) * 10 = 100$.
 - $PS = 0.5 * (50 - 10) * 10 = 200$.

Câu 12: $Q_d = 180 - 3P$; $Q_s = 30 + 2P$. Thuế làm Q giảm còn 78. Tính thuế t:

Đáp án: a. 10.

- Giải thích / Các bước làm: Với $Q_t = 78$: Thế vào $Q_d \Rightarrow 78 = 180 - 3P_d \Rightarrow P_d = 34$. Thế vào $Q_s \Rightarrow 78 = 30 + 2P_s \Rightarrow P_s = 24$. Thuế $t = P_d - P_s = 34 - 24 = 10$.

Câu 13: Đánh thuế bia 500đ/chai, giá tăng từ 2500 lên 2700. Cầu co giãn:

Đáp án: a. Nhiều.

- Giải thích / Các bước làm: Người mua chịu 200đ, người bán chịu 300đ. Người mua chịu thuế ít hơn nghĩa là cầu co giãn nhiều hơn cung (người tiêu dùng nhạy cảm với giá hơn).

Câu 14: $Q_d = -2P + 200$; $Q_s = 2P - 40$. Thuế $t = 10$. Tổn thất vô ích (DWL):

Đáp án: d. DWL = 50 (Đề ghi $P=50\$$ là lỗi đánh máy).

- Giải thích / Các bước làm: Cân bằng cũ: $P = 60$, $Q = 80$. Phương trình giá: $P_d = 100 - 0.5Q$; $P_s = 20 + 0.5Q$. Thuế $t=10 \Rightarrow P_d - P_s = 10 \Rightarrow 80 - Q = 10 \Rightarrow Q_t = 70$. $DWL = 0.5 * (80 - 70) * 10 = 50$.

Câu 15: Mặt hàng X có $E_d = -2$. Khi giá X tăng, chi tiêu Y không đổi, cầu Y sẽ:

Đáp án: a. Tăng lên.

- Giải thích / Các bước làm: $|E_d| = 2 > 1$ (co giãn nhiều). Giá X tăng làm tổng doanh thu (hay tổng chi tiêu cho X) giảm. Vì tổng ngân sách không đổi, tiền dư dôi sẽ chuyển sang mua Y, làm cầu Y tăng.

Câu 16: Giá Y tăng làm cầu X giảm. 2 sản phẩm có quan hệ:

Đáp án: c. Bổ sung cho nhau.

- Giải thích / Các bước làm: Độ co giãn chéo $E_{xy} < 0$ (giá Y tăng, người ta mua ít Y và cũng mua ít X). Đây là đặc trưng của hàng bổ sung (như xăng và xe máy).

Câu 17: $Q_d = -2P + 80$; Cung nông sản vụ này $Q_s = 50$ (cố định). Trợ cấp 2đvt/sp. Tổng doanh thu nông dân:

Đáp án: a. 850.

- Giải thích / Các bước làm: Thị trường: $-2P + 80 = 50 \Rightarrow P(\text{người mua trả}) = 15$. Nông dân nhận: $15 + 2(\text{trợ cấp}) = 17$ đvt/sp. Tổng doanh thu = $17 * 50 = 850$.

Câu 18: $Q_d = 480.000 - 0.1P$. Cung năm trước $Q_{s1} = 270.000$, năm nay $Q_{s2} = 280.000$. Giá P_1 , P_2 :

Đáp án: a. $P_1=2.100.000$ & $P_2=2.000.000$.

- Giải thích / Các bước làm: Năm trước: $270.000 = 480.000 - 0.1P_1 \Rightarrow 0.1P_1 = 210.000 \Rightarrow P_1 = 2.100.000$. Năm nay: $280.000 = 480.000 - 0.1P_2 \Rightarrow 0.1P_2 = 200.000 \Rightarrow P_2 = 2.000.000$.

Câu 19: Trong độc quyền hoàn toàn, thuế khoán (không theo sp) sẽ làm:

Đáp án: d. Tất cả các câu trên đều sai.

- Giải thích / Các bước làm: Thuế khoán (Lump-sum tax) làm tăng chi phí cố định (FC), không làm thay đổi chi phí biên (MC). Doanh nghiệp vẫn tối ưu ở mức $MR=MC$ như cũ, nên P và Q không đổi, chỉ lợi nhuận bị giảm bớt. Người sản xuất gánh 100% thuế này.

Câu 20: Độc quyền hoàn toàn, $P = -Q/10 + 2000$. Lợi nhuận max tại Q:

Đáp án: a. $Q < 10.000$.

- Giải thích / Các bước làm: $TR = -Q^2/10 + 2000Q \Rightarrow MR = -Q/5 + 2000$. Mức Q tối đa doanh thu ($MR=0$) là $Q = 10.000$. Vì tối đa hóa lợi nhuận cần $MR = MC > 0$ (chi phí luôn dương), nên $-Q/5 + 2000 > 0 \Rightarrow Q < 10.000$.

Câu 21: Giải pháp can thiệp của chính phủ đối với độc quyền để lượng cao nhất:

Đáp án: b. Quy định giá trần bằng giao điểm cầu và MC.

- Giải thích / Các bước làm: Đặt $P=MC$ (mức giá cạnh tranh hoàn hảo) triệt tiêu độc quyền, ép DN mở rộng sản lượng cao nhất mà không bị lỗ (nếu $MC > AC$).

Câu 22: $MC = Q$. Phân biệt giá 2 thị trường: $P_1 = -Q_1/10 + 120$; $P_2 = -Q_2/10 + 180$. Tính P_1, P_2 :

Đáp án: c. 110 và 165.

- Giải thích / Các bước làm: $MR_1 = 120 - Q_1/5$; $MR_2 = 180 - Q_2/5$.
TT1 ($MR_1=MC_1$): $120 - 0.2Q_1 = Q_1 \Rightarrow 1.2Q_1 = 120 \Rightarrow Q_1=100 \Rightarrow P_1 = 110$.
TT2 ($MR_2=MC_2$): $180 - 0.2Q_2 = Q_2 \Rightarrow 1.2Q_2 = 180 \Rightarrow Q_2=150 \Rightarrow P_2 = 165$.

Câu 23: Độc quyền: $Ed = -3$, $MC = 10$. Giá bán $P = ?$

Đáp án: b. 15.

- Giải thích / Các bước làm: Quy tắc định giá: $P(1 + 1/Ed) = MC$.
 $\Rightarrow P(1 - 1/3) = 10 \Rightarrow P(2/3) = 10 \Rightarrow P = 15$.

Câu 24: $TC = Q^2 - 5Q + 100$; $P = -2Q + 55$. Tại $Q=13.75$, DN đang:

Đáp án: b. Tối đa hóa doanh thu.

- Giải thích / Các bước làm: $TR = -2Q^2 + 55Q \Rightarrow MR = -4Q + 55$. Tại $Q = 13.75$, $MR = -4(13.75) + 55 = -55 + 55 = 0$. Khi $MR = 0$, doanh thu TR đạt cực đại.

Câu 25: Trong ngắn hạn của ĐQHT, câu chưa thể khẳng định:

Đáp án: c. Doanh nghiệp kinh doanh luôn có lợi nhuận.

- Giải thích / Các bước làm: Doanh nghiệp độc quyền có sức mạnh thị trường nhưng vẫn có thể bị lỗ nếu chi phí sản xuất quá cao (đường AC nằm hoàn toàn trên đường Cầu).

Câu 26: $Q_1 = 100 - (2/3)P_1$; $Q_2 = 160 - (4/3)P_2$. $TC = 30Q + 100$. P chung không phân biệt giá:

Đáp án: b. $P = 80$; $Q = 100$.

- Giải thích / Các bước làm: Cầu gộp: $Q = Q_1 + Q_2 = 260 - 2P \Rightarrow P = 130 - 0.5Q$.
 $MR = 130 - Q$. $MC = 30$.
 $MR = MC \Rightarrow 130 - Q = 30 \Rightarrow Q = 100$. $P = 130 - 50 = 80$.

Câu 27: Tỷ lệ thay thế biên MRS_{xy} thể hiện:

Đáp án: a. Tỷ lệ đánh đổi 2 sản phẩm trong tiêu dùng khi tổng hữu dụng không đổi.

- Giải thích / Các bước làm: Là độ dốc của đường đẳng ích (bàng quan).

Câu 28: Đường đẳng ích biểu thị:

Đáp án: a. Tất cả các phối hợp tiêu dùng mang lại cùng một mức độ thỏa mãn.

- Giải thích / Các bước làm: Khái niệm căn bản của đường bàng quan (indifference curve).

Câu 29: Tiêu hết thu nhập mua X,Y. Lợi ích tối đa khi:

Đáp án: d. Các câu trên đều đúng.

- Giải thích / Các bước làm: Điều kiện: $MU_x/P_x = MU_y/P_y$ (a), tương đương $MU_x/MU_y = P_x/P_y$ (c), và $MRS_{xy} = MU_x/MU_y = P_x/P_y$ (b). Nên tất cả đều đúng.

Câu 30: Nguyên tắc tối đa hóa hữu dụng trong giới hạn ngân sách:

Đáp án: c. Hữu dụng biên trên mỗi đơn vị tiền của các sản phẩm phải bằng nhau.

- Giải thích / Các bước làm: Quy tắc $MU_x/P_x = MU_y/P_y = \dots$ (cân bằng lẻ).

Câu 31: Mua 10X ($P_x=100$), 20Y ($P_y=200$). $MU_x=20$, $MU_y=50$. Để tối đa hữu dụng:

Đáp án: a. Tăng lượng Y, giảm lượng X.

- Giải thích / Các bước làm: Tính tỷ lệ: $MU_x/P_x = 20/100 = 0.2$. $MU_y/P_y = 50/200 = 0.25$. Vì $MU_y/P_y > MU_x/P_x$, 1 đồng mua Y lời hơn mua X. Nên mua thêm Y, bớt X.

Câu 32: $MRS_{xy} = -2$. $P_x = 3P_y$. Người tiêu dùng mua:

Đáp án: c. Chỉ có hàng Y.

- Giải thích / Các bước làm: 1 đồng cho X mang lại 2 đơn vị hữu dụng (tương đối), trong khi giá X gấp 3 lần giá Y. Lợi ích từ X quá đắt so với Y => Giải pháp góc: chỉ mua Y.

Câu 33: MRS_{xy} giảm dần chứng tỏ đường đẳng ích:

Đáp án: b. Mặt lồi hướng về gốc tọa độ.

- Giải thích / Các bước làm: Đây là tính chất cơ bản của đường bàng quan chuẩn, phản ánh quy luật hữu dụng biên giảm dần (càng có nhiều X, càng ít sẵn lòng hi sinh Y để lấy thêm X).

Câu 34: I = 2.000.000. P_x=20.000, P_y=50.000. Phương trình ngân sách:

Đáp án: c. Cả a và b đều sai.

- Giải thích / Các bước làm: PT: $20X + 50Y = 2000 \Rightarrow 2X + 5Y = 200$.
 $\Rightarrow Y = 40 - 0.4X$ (khác b là $Y = 2X/5 + 40$)
 $\Rightarrow X = 100 - 2.5Y$ (khác a là $X = 5Y/2 + 100$).

Câu 35: CTHT, LTC = $Q^2 + 64$. Mức giá cân bằng dài hạn:

Đáp án: b. 16.

- Giải thích / Các bước làm: Cân bằng dài hạn $P = \min(LAC)$.
 $LAC = Q + 64/Q$. Đạo hàm = $1 - 64/Q^2 = 0 \Rightarrow Q = 8$. $LAC \min = 8 + 64/8 = 16$. Vậy $P = 16$.

Câu 36: Cho bảng chi phí. Điểm hòa vốn và đóng cửa:

Đáp án: a. Q = 14 và Q = 10.

- Giải thích / Các bước làm: $FC = TC(0) = 80$.
Hòa vốn tại min ATC: $ATC(10)=11.5$, $ATC(12)=10.83$, $ATC(14)=10.42$ (thấp nhất) => Hòa vốn $Q=14$.
Đóng cửa tại min AVC: $AVC=(TC-80)/Q$. $AVC(10)=(115-80)/10 = 3.5$ (thấp nhất) => Đóng cửa $Q=10$.

Câu 37: CTHT, $TC = Q^2 + 300Q + 100.000$. $P = 1100$. Thặng dư sx (PS):

Đáp án: a. 160.000.

- Giải thích / Các bước làm: $MC = 2Q + 300$. $P=MC \Rightarrow 1100 = 2Q + 300 \Rightarrow Q = 400$.
 $PS = TR - TVC = (1100 \cdot 400) - (400^2 + 300 \cdot 400) = 440.000 - 280.000 = 160.000$.

Câu 38: Khi tăng sản lượng, tổng lợi nhuận giảm cho biết:

Đáp án: c. Doanh thu biên nhỏ hơn chi phí biên ($MR < MC$).

- Giải thích / Các bước làm: Khi $MR < MC$, việc sản xuất thêm 1 đơn vị sẽ làm tăng chi phí nhiều hơn doanh thu thu về, khiến tổng lợi nhuận sụt giảm.

Câu 39: 200 DN, $TC = 10q^2 + 10q + 450$. Cung thị trường:

Đáp án: c. $P = Q/10 + 10$.

- Giải thích / Các bước làm: Cung 1 DN (MC): $P = 20q + 10 \Rightarrow q = P/20 - 0.5$.
Cung TT (Q) = 200q = $200(P/20 - 0.5) = 10P - 100 \Rightarrow 10P = Q + 100 \Rightarrow P = Q/10 + 10$.

Câu 40: Đường cung ngắn hạn của DN CTHT:

Đáp án: a. Phần đường SMC từ AVC min trở lên.

- Giải thích / Các bước làm: Doanh nghiệp sẽ sản xuất ở mức $P=MC$ với điều kiện $P \geq AVC$ (không bị lỗ phần chi phí cố định). Dưới AVC min, DN đóng cửa.

Câu 41: Đường cung ngành CTHT dài hạn co giãn nhiều hơn ngắn hạn do:

Đáp án: a. Sự gia nhập và rời khỏi ngành của các xí nghiệp.

- Giải thích / Các bước làm: Trong dài hạn, số lượng DN có thể thay đổi làm cho cung phản ứng linh hoạt hơn với sự thay đổi của giá.

Câu 42: Trong dài hạn CTHT, gia nhập/rời ngành dẫn đến:

Đáp án: d. Cả a và b đều đúng.

- Giải thích / Các bước làm: Việc thay đổi số lượng DN làm dịch chuyển đường cung ngành, qua đó làm thay đổi (a) Giá cả sản phẩm cân bằng. Đồng thời, sự mở rộng/thu hẹp ngành có thể tác động đến giá yếu tố đầu vào, làm (b) Chi phí sản xuất của XN thay đổi.

Câu 43: AP của 2 lao động là 20. MP của lao động thứ 3 là 17. AP 3 lao động là:

Đáp án: c. 19.

- Giải thích / Các bước làm: Tổng sp 2 LĐ: $20 * 2 = 40$. Thêm LĐ 3 được 17 sp $\Rightarrow$ Tổng sp 3 LĐ = $40 + 17 = 57$. $AP(3) = 57 / 3 = 19$.

Câu 44: $TC = Q^2 + 40Q + 10.000$. Chi phí trung bình (AC) tại $Q=1000$:

Đáp án: a. 1050.

- Giải thích / Các bước làm: $AC = TC/Q = Q + 40 + 10.000/Q = 1000 + 40 + 10 = 1050$.

Câu 45: Sản lượng tối ưu của 1 quy mô sx có hiệu quả là sản lượng có:

Đáp án: d. Các câu trên đều sai.

- Giải thích / Các bước làm: Mức hiệu quả của quy mô đạt được tại điểm có Chi phí trung bình AC (hay ATC) đạt cực tiểu. Các đáp án AFC min, AVC min, MC min đều sai.

Câu 46: $Q = aX - bX^2$. X là yếu tố sx biến đổi. So sánh độ dốc:

Đáp án: a. Đường MPx dốc hơn đường APx.

- Giải thích / Các bước làm: $MPx = (Q)' = a - 2bX$ (độ dốc $-2b$).
 $APx = Q/X = a - bX$ (độ dốc $-b$).
Độ dốc MPx gấp đôi APx nên MPx dốc hơn.

Câu 47: Độ dốc của đường đẳng lượng là:

Đáp án: d. Cả a và b đều đúng.

- Giải thích / Các bước làm: Về mặt toán học, độ dốc = $-(MP_L / MP_K)$ (Tỷ số năng suất biên). Về kinh tế, nó chính là Tỷ lệ thay thế kỹ thuật biên (MRTS).

Câu 48: Quy luật năng suất biên giảm dần giải thích hình dáng đường:

Đáp án: c. Chi phí trung bình ngắn hạn (hoặc chi phí biên).

- Giải thích / Các bước làm: Khi năng suất biên (MP) giảm dần, chi phí để sản xuất thêm 1 đơn vị (MC) sẽ tăng dần lên, tạo nên hình dáng chữ U của các đường chi phí (MC, AVC, ATC) trong ngắn hạn.

Câu 49: $Q = \sqrt{L + 5K}$. Nếu tăng đầu vào gấp đôi, sản lượng Q sẽ:

Đáp án: d. Tăng lên ít hơn 2 lần.

- Giải thích / Các bước làm: $Q' = \sqrt{2L + 10K} = \sqrt{2} * \sqrt{L + 5K} = 1.414 Q$. Tức là hàm sản xuất có hiệu suất giảm theo quy mô (chỉ tăng 1.414 lần, nhỏ hơn 2).

Câu 50: Đường đẳng lượng là đường thẳng thì:

Đáp án: a. Tỷ lệ thay thế kỹ thuật biên của 2 yếu tố sản xuất không đổi.

- Giải thích / Các bước làm: MRTS chính là độ dốc của đường đẳng lượng. Đường thẳng có độ dốc hằng số nên MRTS không đổi (2 yếu tố đầu vào là hàng thay thế hoàn hảo).

HUNGD